

Phật Giáo Nguyên Thủy
(Theravāda)

CÁC KINH PHẬT NÓI CHO NGƯỜI TẠI GIA

Lê Kim Kha *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

NHỮNG KINH NÓI CHO NGƯỜI TẠI GIA

(A) Tổng quát: Tổng số kinh trong các bộ kinh và tổng số các kinh ‘nói cho người tại gia’ như trong Bảng 1 này:

	Bộ Kinh Dài (DN)	Bộ Kinh Trung (MN)	Bộ Kinh Liên- Kết (SN)	Bộ Kinh Tăng Chi (AN)	Bộ Kinh Ngắn (KN)	Tổng số
<i>Tổng số bài kinh trong bộ kinh</i>	34	152	2904 ¹	2381 ²	601 ³	6072
<i>Nói trực-tiếp cho Nhóm Người Tại Gia</i>	14	47	121	125	30	337
<i>Nói trực-tiếp cho Người Tại gia (có tên)</i>	14	42	108	103	20	287
<i>Nói trực tiếp cho Người Tại gia (không có tên)</i>	0	5	13	22	10	50
<i>Nói gián-tiếp cho người tại gia</i>	1	3	7	36	6	53
Tổng số tất cả	35	50	128	161	36	390

Các kinh ‘nói cho người tại gia’	(chiếm 44% của 34 kinh)	(chiếm 33% của 152 kinh)	(chiếm 4% của 2904 kinh)	(chiếm 7% của 2381 kinh)	(chiếm 6% của 601 kinh)	
---	-------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------	-------------------------	--

Bảng 1: Tổng số bài kinh ‘Nói Cho Người Tại Gia’ được tính

(B) Lần lượt:

1. trong Bộ Kinh Liên-Kết (SN) (Tương Ứng Kinh Bộ):

Tổng cộng: **2.904** bài kinh; có **121** bài kinh nói cho người tại gia; cộng **07** bài nói gián-tiếp cho người tại gia. Tổng số: **128** kinh.

2. trong Bộ Kinh Tăng-Chi (AN) (Tăng Chi Kinh Bộ):

Tổng cộng: **2.381** bài kinh; có **125** bài kinh nói cho người tại gia; cộng **36** bài nói gián-tiếp cho người tại gia. Tổng số: **161** kinh.

3. trong Bộ Kinh Dài (DN) (Trường Kinh Bộ):

Tổng cộng: **34** bài kinh; có **14** bài kinh nói trực-tiếp cho người tại gia; **01** bài nói gián-tiếp cho người tại gia. Tổng số: **35** kinh.

4. trong Bộ Kinh Trung (MN) (Trung Kinh Bộ):

Tổng cộng: **152** bài kinh; có **47** bài kinh nói cho người tại gia; **03** bài kinh nói gián tiếp cho người tại gia. Tổng số: **50** kinh.

5. trong Bộ Kinh Ngắn (KN) (Tiểu Kinh Bộ):

Tổng cộng: **601** bài kinh; có **30** bài kinh nói cho người tại gia; cộng **06** bài nói gián-tiếp cho người tại gia. Tổng số: **36** kinh.

(C) trong Bộ Kinh Liên-Kết (SN):

(I) Quyển 1 “THI-KỆ” (Sattgatha-vagga): có **51** kinh.

(Quyển này chưa được dịch Việt xong bởi người dịch)

(II) Quyển 2 “NHÂN-DUYÊN” (*Nidana-vagga*): có 06 kinh.¹

(III) Quyển 3 “NĂM-UẨN” (*Khandha-vagga*): có 06 kinh.

(IV) Quyển 4 “SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN” (*Salayatana-vagga*): có 36 kinh.

(V) Quyển 5 “QUYỂN-LỚN” (*Maha-vagga*): có 28 kinh và 02 kinh dạng ^.

Vài Ký Hiệu Đặc Biệt:

– bài kinh được nói *gián-tiếp* cho người tại gia.

^ – bài kinh *không-có* trong danh sách của học giả Schafer, nhưng nó *rõ ràng* là kinh được nói cho người tại gia.

Thông tin khác: mời đọc thêm quyển “*Các Kinh Phật nói cho người tại gia—Khảo sát & Tìm hiểu*” bởi cùng người dịch.

¹ [Quyển 2,3,4,5 có tổng cộng 77 kinh nói cho người tại gia, trong đó có 03 kinh nói gián-tiếp. Còn 51 kinh thuộc Quyển 1 chưa được dịch nên không được kết tập trong quyển sách này.]

MỤC LỤC

PHẦN 1. trong BỘ KINH LIÊN-KẾT (SN)	1
---	---

(I) Quyển 2:.....	3
-------------------	---

1 Năm Sự Thù Ghét Đáng Sợ.....	3
--------------------------------	---

2 Một Bà-la-môn	6
-----------------------	---

3 Bà-la-môn Jāṇussoṇi.....	7
----------------------------	---

4 Một Người Luận Giải Thế Giới	8
--------------------------------------	---

5 # Con Trai Duy Nhất	8
-----------------------------	---

6 # Con Gái Duy Nhất	9
----------------------------	---

(II) Quyển 3:	10
---------------------	----

7 Gia Chủ Nakulapītā.....	10
---------------------------	----

8 Ở Devadaha	15
--------------------	----

9 Gia Chủ Hāliddakāṇi	19
-----------------------------	----

10 Soṇa (1)	23
-------------------	----

11 Soṇa (2)	25
-------------------	----

12 Mahālī	26
-----------------	----

(III) Quyển 4:.....	28
---------------------	----

13 Ở Vesālī	29
-------------------	----

14 Giữa Những Người Vajji	30
---------------------------------	----

15 Ở Nālandā	30
--------------------	----

16 Ngài Bhāradvāja	30
--------------------------	----

17 Soṇa	33
---------------	----

18 Gia Chủ Ghosita	34
19 Gia Chủ Hāliddakāni	35
20 Gia Chủ Nakulapitā.....	36
21 Gia Chủ Lohicca	36
22 Gia Chủ Verahaccāni.....	40
23 ^ Ví Dụ Thân Cây Lớn.....	43
24 ^ Pañcakaṅga.....	45
25 ^ Gông Cùm	50
26 Ngài Isidatta (1)	52
27 Ngài Isidatta (2)	54
28 Thần Thông của Ngài Mahaka ^	57
29 Ngài Kāmabhū (1)	59
30 Ngài Kāmabhū (2)	61
31 Ngài Godatta	65
32 Nigaṇṭha Nātaputta (Ni-kiền-tử).....	68
33 Tu Sĩ Lỏa Thể Tên Ca-Điếp	70
34 Thăm Người Bệnh	72
35 Trưởng Thôn Canda.....	75
36 Trưởng Đoàn Talaputa	76
37 Trưởng Đoàn Yodhājīva	78
38 Trưởng Đoàn Hatthāroha	80
39 Trưởng Đoàn Assāroha	80
40 Trưởng Thôn Asibandhakaputta	80
41 Ví Dụ Miếng Ruộng.....	83

42 Người Thối Kèn Vỡ Ốc.....	86
43 Những Gia Đình	91
44 Trưởng Đoàn Mañicūḷaka	93
45 Trưởng Thôn Bhadraka.....	95
46 Trưởng Thôn Rāsiya	98
47 Trưởng Thôn Pāṭaliya	106
48 Khemā.....	119
(IV) Quyển 5:.....	123
49 # Con Đường	123
50 (5) Bà-la-môn Saṅgārava.....	124
51 Abhaya.....	129
52 Một Bà-la-môn	131
53 Gia Chủ Sirivaḍḍha	132
54 Mānadinna.....	134
55 Bà-la-môn Uṇṇābha (1).....	134
56 Bà-la-môn Uṇṇābha (2).....	136
57 Có Nghi Ngờ.....	138
58 Dīghāvu	140
59 Những Người Thị Vệ.....	143
60 Những Người Làng Cổng Tre	147
61 Mahānāma (1).....	152
62 ^ Mahānāma (2)	153
63 Godhā	154
64 Sarakāṇi (1)	156

<i>65 Sarakāṇi (2)</i>	159
<i>66 Cấp Cô Độc (1)</i>	163
<i>67 Cấp Cô Độc (2)</i>	168
<i>68 Sự Tù Ghét Đáng Sợ (1) [= Cấp Cô Độc (3)]</i>	170
<i>69 ^ Nadaka Người Licchavi</i>	170
<i>70 Mahānāma</i>	172
<i>71 Kāḷigodhā</i>	173
<i>72 Nandīya (1)</i>	174
<i>73 Nandīya (2)</i>	177
<i>74 Bhaddīya</i>	177
<i>75 ^ Mahānāma</i>	177
<i>76 Người Trú Xong Kỳ An Cư Mùa Mưa</i>	177
<i>77 Dhammadinna</i>	179
<i>78 Bị Bệnh</i>	181
CHÚ THÍCH	185

PHẦN 1

trong **BỘ KINH LIÊN-KẾT (SN)**

(77/128 kinh)

(I) Quyển 2:

1 Năm Sự Thù Ghét Đáng Sợ

Ở Sāvattthī. Lúc đó có gia chủ tên Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, (i) khi ‘năm sự thù-ghét đáng sợ’ đã lắng lặn bên trong một người đệ tử thánh thiện, và (ii) người đó có được ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’, và (iii) người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt ‘phương pháp thánh thiện’ bằng trí-tuệ, thì nếu muốn, người đó có thể tự tuyên bố về mình như vậy: ‘Tôi đã hết bị (đã đoạn tuyệt với) địa ngục, đã hết bị cỗi súc sinh, đã hết bị cỗi nga quỷ, đã hết bị cảnh giới thông khổ, những nơi đến thấp xấu, cỗi dưới. Tôi là một bậc Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cỗi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của tôi.’⁴

(I) “Cái gì là năm sự thù-ghét đáng-sợ đã lắng lặn?

(1) Này gia chủ, người sát-sinh, thì do hành vi đó, gây ra sự thù ghét đáng sợ trong kiếp này và sự thù ghét đáng sợ trong kiếp sau, và người đó nếm trải sự khổ đau và sự ưu phiền trong tâm.⁵ Như vậy, người kiêng cử sát-sinh thì sự thù ghét đáng sợ đó đã lắng lặn.

(2) “Người gian-cấp (trộm, cướp, gian, lận, tham những...) ... (3) người tà-dâm tà dục (tính dục bất chính) ... (4) người nói-dối nói láo ... (5) người uống rượu mạnh, rượu nhẹ, hay dùng các chất độc hại, là căn cơ của sự sống loi tâm phóng dật, thì do hành vi đó, gây ra sự thù ghét đáng sợ trong kiếp này và sự thù ghét đáng sợ trong kiếp sau, và người đó nếm trải sự khổ đau và sự ưu phiền trong tâm. Như vậy, người kiêng cử gian-cấp ... kiêng cử tà-dâm tà dục ... kiêng cử nói-dối nói láo ... kiêng cử uống rượu mạnh, rượu nhẹ, và dùng các chất độc hại, là căn cơ của sự sống loi tâm phóng dật, thì sự thù ghét đáng sợ đó đã lắng lặn.

“Đó là năm sự thù ghét đáng sợ đã lắng lặn.

(II) “Và cái gì là ‘bốn yếu tố Nhập-lưu’ mà người đó có được?”⁶

(1) Ở đây, này gia chủ, người người đệ tử thánh thiện đã có được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu với sự-biết và đức hạnh đích thực, là bậc Phúc Lành, người hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được chỉ dạy, bậc thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’

(2) “Người đó có được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi những người trí hiền.’

(3) “Người đó có được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của Đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức (phước điền) cao nhất ở thế gian.’

(4) “Người đó có được đức-hạnh (tức: năm giới-hạnh) mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sút mẻ, không bị chấp vá, không bị ô nhiễm, không bị vết chàm, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.”⁷

“Đây là bốn yếu tố Nhập-lưu mà người đó có được.

(III) “Và cái gì là ‘phương pháp thánh thiện’ mà người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt bằng trí-tuệ?”⁸ Ở đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện chú-tâm một cách sát-sao và kỹ-càng vào ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ như vậy: “Do có thứ này, nên có [sinh

ra] thứ kia; do khởi sinh thứ này, nên thứ kia khởi sinh. Khi thứ này không có thì không có [không sinh ra] thứ kia; khi chấm dứt thứ này thì thứ kia chấm dứt.

• “Đó là: ‘Do có vô-minh là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý [hành]; do có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện, nên có thức [thức]; do có thức là điều-kiện, nên có phần danh-sắc [danh sắc]; do có phần danh-sắc là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận [sáu xứ]; do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc [xúc]; do có sự tiếp-xúc là điều-kiện, nên có cảm-giác [thọ]; do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự dính-chấp [thủ]; do có sự dính-chấp là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu [hữu]; do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra [sinh] ; do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên mới xảy ra sự già và chết [lão tử]; sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng [sầu, bi, khổ, ưu, não]. Đây là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.’ (chiều khởi sinh)

“Nhưng: ‘Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý, thì chấm dứt thức; khi chấm dứt thức, thì chấm dứt phần danh-sắc; khi chấm dứt phần danh-sắc, thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận; khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận, thì chấm dứt sự tiếp-xúc; khi chấm dứt sự tiếp-xúc, thì chấm dứt cảm-giác; khi chấm dứt cảm-giác, thì chấm dứt sự dục-vọng; khi chấm dứt dục-vọng, thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp, thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu, thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra, thì chấm dứt chấm dứt sự già và chết; sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đây là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.’ (chiều hoàn diệt)

“Đây là ‘phương pháp thánh thiện’ mà người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và đã thâm nhập một cách thấu suốt bằng trí-tuệ.

“Này gia chủ, (I) khi ‘năm sự thù-ghét đáng sợ’ này đã lắng lặn bên trong một người đệ tử thánh thiện, và (II) người đó có được ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ này, và (III) người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt ‘phương pháp thánh thiện’ này bằng trí-tuệ, thì nếu muốn, người đó có thể tự tuyên bố về bản thân mình: ‘Tôi đã hết bị (đã đoạn tuyệt với) địa ngục, đã hết bị cỗi súc sinh, đã hết bị cỗi nga quý, đã hết bị cảnh giới thông khổ, những nơi đến thấp xấu, cỗi dưới. Tôi là một bậc Nhập-lưu, không còn ràng buộc với thế giới đầy đọa, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của tôi.’”

(SN 12:41)

2 Một Bà-la-môn

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một bà-la-môn đã đến gặp và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, là sao: có phải người làm chính là người ném trái [hậu quả, nghiệp quả] đó?”⁹

“(nếu nghĩ) ‘Người làm chính là người ném trái [hậu quả]’: đây là một cực đoan, này bà-la-môn.”

“Vậy thì, Thầy Cồ-đàm, có phải người làm là một người, và người ném trái [hậu quả] là người khác?”

“(nếu nghĩ) ‘Người làm là một người, và người ném trái [hậu quả] là người khác’: đây là một cực đoan, này bà-la-môn.”

“Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo như vậy: ‘Do có vô-minh làm điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý; do có những sự tạo-tác cố ý làm điều-kiện, nên có thức ...

Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này. Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý thì chấm dứt thức ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này’.”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! ... Con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn Tỳ kheo. Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 12:46)

3 Bà-la-môn Jāṇussoṇi

Ở Sāvattṭhī.

Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇi đã đến gặp ... và nói với đức Thế Tôn:¹⁰

“Thưa Thầy Cồ-đàm, là sao: có phải tất cả đều hiện hữu?”

“(nếu nghĩ) ‘Tất cả đều hiện hữu’: đây là một cực đoan, này bà-la-môn.”

“Vậy thì, Thầy Cồ-đàm, có phải tất cả đều không hiện hữu?”

“(nếu nghĩ) ‘Tất cả đều không hiện hữu’: đây là cực đoan thứ hai, này bà-la-môn. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo ... [*tiếp tục như kinh SN 12:46 kể trên*] ...”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! ... Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 12:47)

4 Một Người Luận Giải Thế Giới

Ở Sāvatthī.

Lúc đó có bà-la-môn là người luận giải về thế giới¹¹ đã đến gặp đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, là sao: có phải tất cả đều hiện hữu?”

““Tất cả đều hiện hữu’: đây là vũ trụ luận xưa cũ nhất, này bà-la-môn.”¹²

“Vậy thì, Thầy Cồ-đàm, có phải tất cả đều không hiện hữu?”

““Tất cả đều không hiện hữu’: đây là vũ trụ luận xưa cũ nhì, này bà-la-môn.”

“Vậy là sao, Thầy Cồ-đàm: có phải tất cả đều là một hợp thể?”¹³

““Tất cả đều là một hợp thể’: đây là vũ trụ luận xưa cũ thứ ba, này bà-la-môn.”

“Vậy thì, Thầy Cồ-đàm: có phải tất cả đều là số nhiều?”¹⁴

““Tất cả đều là số nhiều’: đây là vũ trụ luận xưa cũ thứ tư, này bà-la-môn. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp trung-đạo ... [*tiếp tục như kinh SN 12:46 kể trên*] ...”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đó đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! ... Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 12:48)

5 # Con Trai Duy Nhất

Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại ... Một nữ đệ tử thành tín (với Tam Bảo) nếu cầu ước một cách đúng đắn cho con trai duy nhất của mình, đưa con yêu dấu và thân thương, thì nên cầu ước cho con trai như vậy: ‘Này con yêu dấu, cầu mong con trở thành người như gia chủ Citta và gia chủ Hatthaka của xứ Ālavaka’— vì đây là tiêu chuẩn và tiêu chí cho những nam đệ tử của ta là người tại-gia, đó là, gia chủ Citta và gia chủ Hatthaka của xứ Ālavaka.¹⁵ ‘Nhưng, này con yêu dấu, nếu con từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, cầu mong con trở thành người như ngài Xá-lợi-phất và ngài Mục-kiền-liên’— vì đây là tiêu chuẩn và tiêu chí cho các đệ tử nam của ta là người xuất-gia [các Tỳ kheo], đó là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. ‘Trong khi, này con yêu dấu, con là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tướng của tâm mình (chưa chứng A-la-hán), thì cầu mong cho sự ‘lợi, danh, vinh’ không xảy đến với con!’

“Này các Tỳ kheo, nếu sự ‘lợi, danh, vinh’ xảy đến với một Tỳ kheo khi người đó là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tướng của tâm mình, thì đó là một chướng-ngại đối với người đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại ... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:23)

6 # Con Gái Duy Nhất

Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại ... Một nữ đệ tử thành tín (với Tam Bảo) nếu cầu ước một cách đúng đắn cho con gái duy nhất của mình, đưa con yêu dấu và thân thương, thì nên cầu ước cho con gái như vậy: ‘Này con yêu dấu, cầu mong con trở thành người như cô Khujjuttarā, nữ đệ tử tại gia và cô Velukaṇḍakīyā (tức Uttarā), mẹ của Nanda’— vì đây là tiêu chuẩn và tiêu chí cho các nữ đệ tử của ta là người

tại-gia, đó là Khujjuttarā, nữ đệ tử tại gia và Velukaṇḍakiyā, mẹ của Nanda.¹⁶ ‘Nhưng, này con yêu dấu, nếu con từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, cầu mong con trở thành người như Tỳ kheo ni Khemā và Tỳ kheo ni Uppalavaṇṇā’— vì đây là tiêu chuẩn và tiêu chí cho những nữ đệ tử của ta là người xuất-gia [các Tỳ kheo ni], đó là, Khemā và Uppalavaṇṇā. ‘Trong khi, này con yêu dấu, con là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình (chưa chứng A-la-hán), thì cầu mong cho sự ‘lợi, danh, vinh’ không xảy đến với con!’

“Này các Tỳ kheo, nếu sự ‘lợi, danh, vinh’ xảy đến với một Tỳ kheo ni khi người đó là một người đang tu tập, người chưa đạt tới lý-tưởng của tâm mình, thì đó là một chướng-ngại đối với người ni đó. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại ... Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

(SN 17:24)

(II) Quyển 3:

7 Gia Chủ Nakulapitā

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Bhagga ở vùng Sumsumāragira, ở khu Vườn Nai, trong Khu Rừng Bhesakalā. Rồi gia chủ tên Nakulapitā đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:¹⁷

“Thưa Thế Tôn, con nay đã già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã tiến xa trong tuổi đời, bước vào giai đoạn cuối, khổ đau trong thân, thường bệnh yếu. Con hiếm khi có dịp gặp được đức Thế Tôn và các Tỳ kheo đáng kính.¹⁸ Vậy thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn khởi xướng (giáo giới) cho con, mong đức Thế Tôn chỉ dạy con, vì điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc lâu dài cho con.”

“Đúng vậy, này gia chủ, đúng là vậy! Thân này của chú bị đau đớn, bị sụt cân, khó nhọc.¹⁹ Nếu có ai vác thân này đi xung quanh và nói nó khỏe mạnh được phút chốc nào, thì điều đó khác gì sự ngu xuẩn? Do vậy, này gia chủ, chú nên tu tập bản thân như vậy: ‘Dù ta bị khổ đau trong thân, tâm ta không bị khổ đau.’ Chú nên tu tập bản thân như vậy.”

Rồi gia chủ Nakulapitā, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình (và đi về); sau đó ông đến gặp Ngài Xá-lợi-phất. Sau khi kính lễ thầy Xá-lợi-phất, ông ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất đã nói với ông:

“Này gia chủ, các căn của chú tĩnh lặng, da mặt chú trong và sáng. Hôm nay chú đã được đích thân nghe đức Thế Tôn nói chuyện Giáo Pháp phải không?”

“Tại sao không, thưa thầy? Con mới vừa được đức Thế Tôn ‘xức tẩm’ bằng loại thuốc trường sanh là bài Pháp thoại.”

“Loại Pháp thoại nào là thuốc trường sanh mà đức Thế Tôn đã xức tẩm cho chú, này gia chủ?”

“Ở đây, thưa thầy, con đã đến gặp đức Thế Tôn ... [*Gia chủ Nakulapitā đã lặp lại cuộc nói chuyện của ông và Phật như trên, và nói tiếp:*]

“Thưa thầy, chính thứ thuốc trường sanh là bài Pháp thoại đó đức Thế Tôn đã xức tẩm cho con.”

“Nhưng, này gia chủ, sao câu hỏi này không nảy sinh thêm với gia chủ, rằng: theo cách nào là một người bị khổ đau trong thân và bị khổ đau trong tâm, và theo cách nào là một người bị khổ đau trong thân nhưng không bị khổ đau trong tâm?”

“Thưa thầy, thì chúng con đi đường xa đến đây là để học hiểu ý nghĩa của điều đó từ Ngài Xá-lợi-phất. Cho nên sẽ tốt lành nếu được thầy Xá-lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này.”

“VẬY HÃY LẮNG NGHE VÀ CHÚ TÂM KỸ CÀNG, TÔI SẼ NÓI”

“Dạ, thưa thầy”, gia chủ Nakulapitā đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này:

(I) (i) “Này gia chủ, theo cách nào một người bị khổ đau trong thân và trong tâm? Ở đây, này gia chủ, một người phạm phu không được chỉ dạy,²⁰ không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (huấn luyện, rèn luyện) trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; *cứ* coi sắc-thân [sắc] là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là sắc-thân, sắc-thân là ‘của-ta’.”²¹ Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, sắc-thân người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì [khi] (nhìn thấy) sắc-thân thay đổi và biến đổi, nên [thì] khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não).

(ii) “Người đó *cứ* coi cảm-giác [thọ] là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu cảm-giác, hoặc nghĩ cảm-giác là ở trong cái ‘ta’ hoặc cái ‘ta’ ở trong cảm-giác. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là cảm-giác, cảm-giác là ‘của ta’.” Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, cảm-giác của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì cảm-giác luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(iii) “Người đó *cứ* coi nhận-thức [tưởng] là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu nhận-thức, hoặc nghĩ nhận-thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong nhận-thức. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là nhận-thức, nhận-thức là ‘của ta’.” Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, nhận-thức của người đó thì luôn thay đổi và biến

đổi. Vì nhận-thức luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(iv) “Người đó *cứ* coi *những* sự tạo-tác cố ý [**hành**] là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu những sự tạo-tác cố ý, hoặc nghĩ những sự tạo-tác cố ý là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong những sự tạo-tác cố ý. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là những sự tạo-tác cố ý, những sự tạo-tác cố ý là ‘của ta’.” Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, những sự tạo-tác cố ý của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì những sự tạo-tác cố ý luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(v) “Người đó *cứ* coi thức [**thức**] là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là thức, thức là ‘của ta’.” Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì thức luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy là một người bị khổ đau trong thân và khổ đau trong tâm.”²²

(II) (i) “Và, này gia chủ, theo cách nào thì một người *bị khổ đau trong thân, nhưng không bị khổ đau trong tâm*? Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thánh; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; *không* coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân.”²³ Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là sắc-thân, sắc-thân là ‘của ta’.” Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, sắc-thân

của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi (nhìn thấy) sắc-thân luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(ii) Người đó *không* coi *cảm-giác* là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu cảm-giác, hoặc nghĩ cảm-giác là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong cảm-giác. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là cảm-giác, cảm-giác là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, cảm-giác của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi cảm-giác luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(iii) Người đó *không* coi *nhận-thức* là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu nhận-thức, hoặc nghĩ nhận-thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong nhận-thức. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là nhận-thức, nhận-thức là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, nhận-thức của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi nhận-thức luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(iv) Người đó *không* coi *những sự tạo-tác cố ý* là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu những sự tạo-tác cố ý, hoặc nghĩ những sự tạo-tác cố ý là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong những sự tạo-tác cố ý. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là những sự tạo-tác cố ý, những sự tạo-tác cố ý là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, những sự tạo-tác cố ý của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi những sự tạo-tác cố ý luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(v) Người đó *không* coi *thức* là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là thức, thức là ‘của

ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, thức của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy là một người bị khổ đau trong thân, nhưng không bị khổ đau trong tâm.”²⁴

Đây là điều thầy Xá-lợi-phất đã nói. Gia chủ Nakulapitā đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của thầy Xá-lợi-phất.

(SN 22:01)

8 Ở Devadaha

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân xứ Thích-Ca, trong một thị trấn của họ có tên là Devadaha; (Devadaha là quê mẹ của Đức Phật). Rồi một số Tỳ kheo đang hướng đi miền tây đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, chúng con muốn đến tỉnh lý phía tây để chọn nơi trú ngụ ở đó.” ([cho ba tháng An Cư mùa mưa])²⁵

“Các thầy đã xin phép thầy Xá-lợi-phất về việc ra đi này chưa?”

“Dạ chưa, thưa Thế Tôn.”

“Vậy hãy tới xin phép thầy Xá-lợi-phất về việc ra đi, này các Tỳ kheo. Xá-lợi-phất là có trí, thầy ấy là người trợ giúp các huynh đệ trong đời sống tâm linh (thiên liêng, thánh thiện; đời sống tu hành; phạm hạnh).”²⁶

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Bấy giờ, vào lúc đó thầy Xá-lợi-phất đang ngồi không xa chỗ đức Thế Tôn, trong chỗ bụi cây ba đậu.²⁷ Rồi các Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và kính lễ đức Thế Tôn. Rồi,

giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, (và đi ra); rồi họ đến gặp thầy Xá-lợi-phất. Họ chào hỏi với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, chúng tôi muốn đi về tỉnh lỵ phía tây để chọn nơi trú ngụ ở đó. Chúng tôi mới xin phép Vị Thầy (tức Phật) rồi.”

“Này các đạo hữu, ở đó có những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn, những bà-la-môn trí khôn, những gia chủ trí khôn, và những tu sĩ (sa-môn) trí khôn, họ thường vấn hỏi một Tỷ kheo vừa xuất ngoại qua đó—²⁸ bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Thầy của các vị nói gì, thầy của các vị chỉ dạy những gì?’ — Tôi hy vọng các thầy đã học-hiểu thấu đáo những giáo lý, đã nắm-bắt chúng thấu đáo, đã chú-tâm chúng thấu đáo, đã quán-chiếu (suy xét) chúng thấu đáo, và đã thâm-nhập chúng thấu đáo bằng trí-tuệ, nhờ đó khi trả lời các thầy sẽ nói ra điều đã được nói bởi đức Thế Tôn và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng những gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói); nhờ đó các thầy sẽ giảng giải đúng theo Giáo Pháp và không tạo cơ sở có lý nào để bị (người nghe) phê bình.”²⁹

“Này đạo hữu, chúng tôi đã đi đường xa tới đây là để học hiểu ý nghĩa của điều này từ Ngài Xá-lợi-phất. Sẽ thực sự tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói.”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỷ kheo đó đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này:

(i) “Này các đạo hữu, ở đó có những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn, những bà-la-môn trí khôn, những gia chủ trí khôn, và những tu sĩ trí khôn, họ thường vấn hỏi một Tỷ kheo vừa xuất ngoại qua đó—bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Thầy của các vị nói gì, thầy của các vị *chỉ dạy những gì?*’ Khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả

lời rằng: ‘Này các bạn, Vị Thầy của chúng tôi chỉ dạy *sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục*.’

(ii) “Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn ... những tu sĩ trí khôn sẽ còn hỏi thêm nữa— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Thầy của các vị chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục *đối với cái gì?*’ Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, Vị Thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục *đối với sắc-thân* (sắc) ... *cảm-giác* (thọ) ... *nhận-thức* (tưởng) ... *những sự tạo-tác cố ý* (hành) ... *thức* (thức)’. [***năm uẩn***]

(iii) “Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn ... những tu sĩ trí khôn sẽ còn hỏi thêm nữa— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Sau khi đã *nhìn thấy sự nguy-hại gì* mà thầy của các vị chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục *đối với sắc-thân* ... *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác cố ý* ... *thức?*’ Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, nếu người không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình (luyến ái), sự thèm khát, sự đam mê, và dục vọng (ái) *đối với sắc-thân*,³⁰ thì khi *sắc-thân* thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Nếu người không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục vọng (ái) *đối với cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác cố ý* ... *thức*, thì khi *thức* thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi nhìn thấy sự nguy-hại này, Vị Thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục *đối với sắc-thân*, sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục *đối với cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác cố ý* ... *thức*.’

(iv) “Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn ... những tu sĩ trí khôn sẽ còn hỏi thêm nữa—bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Sau khi nhìn thấy lợi-ích gì mà thầy của các vị chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với sắc-thân, sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức?’ Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, người không-có nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với sắc-thân, thì khi sắc-thân thay đổi và biến đổi sẽ không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Nếu người không-có nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức, thì khi thức thay đổi và biến đổi sẽ không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi nhìn thấy lợi-ích này, Vị Thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với sắc-thân, sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức.’

(v) “Này các đạo hữu,³¹ nếu người ta chứng nhập và thường trú giữa những trạng thái (tâm) bất thiện mà có thể được sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị ưu phiền, tuyệt vọng và sốt não, và nếu, khi thân này tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi (được tái sinh trong) nơi-đến tốt lành, thì đức Thế Tôn đã không đề cao sự trừ bỏ những trạng thái bất thiện như vậy để làm gì. Nhưng bởi vì, nếu một người chứng nhập và thường trú giữa những trạng thái bất thiện thì sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự ưu phiền, tuyệt vọng và sốt não, và bởi vì người đó có thể trông đợi (bị tái sinh trong) nơi-đến đầy đau (thấp xấu, đau giới) khi thân tan rã, sau khi chết, cho nên đức Thế Tôn mới đề cao sự trừ bỏ những trạng thái bất thiện như vậy.

(vi) “Này các bạn, nếu người ta chứng nhập và an trú giữa những trạng thái (tâm) *thiện lành* mà bị sống trong khổ-đau ngay trong kiếp này, với sự ưu phiền, tuyệt vọng và sốt não, và nếu, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi (bị tái sinh trong) nơi-đến đầy đọa, thì đức Thế Tôn đã không đề cao sự thu-nạp (tích tạo, thu nhập; sanh y) những trạng thái thiện lành đó để làm gì. Nhưng bởi vì, nếu một người chứng nhập và an trú trong những trạng thái thiện lành thì được sống một cách hạnh-phúc ngay trong kiếp này, không bị sự ưu phiền, tuyệt vọng và sốt não, và bởi vì người đó có thể trông đợi (được tái sinh) trong nơi-đến tốt lành khi thân tan rã, sau khi chết, cho nên đức Thế Tôn mới đề cao sự thu-nạp những trạng thái thiện lành đó.”

Đây là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời của thầy Xá-lợi-phất.

(SN 22:02)

9 Gia Chủ *Hāliddakāṇi*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống giữa xứ dân Avantī, trên Núi Papāta ở vùng Kuraraghara.³² Rồi gia chủ tên Hāliddakāṇi đã đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thầy, đức Thế Tôn đã nói điều này trong phần “*Những Câu Hỏi của Māgandiya*” thuộc Chương Tám (*Aṭṭhakavagga*):³³

‘Sau khi bỏ nhà đi, lang thang không gia cư,
Trong làng mạc người tu sĩ không thân tình với ai,
Bỏ hết những khoái-lạc giác quan, không cầu vọng,
Cũng không tranh cãi gì với ai.’

Thưa thầy, điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn; ý nghĩa của nó nên được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?”

(1) “Này gia chủ, yếu-tố *sắc-thân* (sắc giới) là nhà của thức; người có thức bị gông cùm bởi ‘tham-dục đối với yếu-tố *sắc-thân*’ (sắc giới tham) thì được gọi là *người đi lang thang trong-nhà*.³⁴ Yếu-tố *cảm-giác* (thọ giới) là nhà của thức ... Yếu-tố *nhận-thức* (tưởng giới) là nhà của thức ... Yếu-tố *những sự tạo-tác cố ý* (hành giới) là nhà của thức; người có thức bị gông cùm bởi ‘tham-dục đối với yếu-tố thức’ (thức giới tham) thì được gọi là *người đi lang thang trong-nhà*. Chính theo cách như vậy là một người đi lang thang trong nhà.³⁵

(2) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *một người đi lang thang không-nhà*? Tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, và dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan-điểm này nọ, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn đối với yếu-tố *sắc-thân*: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.³⁶ Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không-nhà*. Tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, và dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan-điểm này nọ, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn đối với yếu-tố *cảm-giác* ... yếu-tố *nhận-thức* ... yếu-tố *những sự tạo-tác cố ý* ... yếu-tố *thức*,³⁷ những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không-nhà*. Chính theo cách như vậy là một người đi lang thang không-nhà.

(3) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người đi lang thang trong một trú-xứ*? Do sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu-hiệu những hình-sắc (sắc tướng), nên người đó được gọi là *người đi lang thang trong một trú-xứ*.³⁸ Do sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu hiệu những âm-thanh (thanh tướng) ... dấu hiệu những mùi-hương (hương tướng) ... dấu hiệu những mùi-vị (vị tướng) ... dấu hiệu những đối-tượng chạm xúc (xúc tướng) ... dấu hiệu những hiện-tượng

thuộc tâm (pháp tướng), nên người đó được gọi là *người đi lang thang trong một trú-xứ*. Chính theo cách như vậy là một người đi lang thang trong một trú-xứ.

(4) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người đi lang thang không trú-xứ*? Sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu-hiệu những hình-sắc: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không trú-xứ*. Sự phát rộng và sự trói buộc trong trú xứ [có chứa] dấu hiệu những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không trú-xứ*. Chính theo cách như vậy là một người đi lang thang không trú-xứ.”³⁹

(5) “Và, này gia chủ, theo cách nào là người có *thân tình* (với người khác) *ở trong làng*? Ở đây, này gia chủ, có người tu sống có liên hệ với những người tại gia: người đó vui chung với họ và sầu chung với họ, người đó vui khi họ vui và buồn khi họ buồn, và người đó dính líu vào những chuyện riêng và phận sự của họ.”⁴⁰ Chính theo cách như vậy là một người có thân tình trong làng.

(6) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người không thân tình* (với ai) *trong làng*? Ở đây, này gia chủ, một Tỷ kheo sống không có liên hệ (thân tình) với những người tại gia. Người đó không vui chung với họ hay sầu chung với họ, người đó không vui khi họ vui hay buồn khi họ buồn, và người đó không dính líu bản thân vào những chuyện riêng và phận sự của họ. Chính theo cách như vậy là một người không thân tình trong làng.

(7) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người chưa hết những khoái-lạc giác quan* (dục lạc)? Ở đây, này gia chủ, có người tu không tránh bỏ nhục

dục, tham muốn, cảm tình (luyến ái), sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng (ái) đối với những khoái-lạc giác quan. Theo cách như vậy là một người chưa hết khoái-lạc giác quan.

(8) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người đã trừ bỏ những khoái-lạc giác quan*? Ở đây, này gia chủ, có người tu đã không còn nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng (ái) đối với những khoái-lạc giác quan. Theo cách như vậy là người đã trừ bỏ hết khoái-lạc giác quan.

(9) “Và, này gia chủ, làm thế nào là *người nuôi dưỡng những cầu vọng*?⁴¹ Ở đây, có người cứ nghĩ: ‘Cầu cho ta có được *sắc-thân* như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được *cảm-giác* như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được *nhận-thức* như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được *những sự tạo-tác cố ý* như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được *thức* như vậy như vậy trong tương lai!’ Chính theo cách như vậy là một người nuôi dưỡng những cầu vọng.

(10) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người không có những cầu vọng*? Ở đây, này gia chủ, người không nghĩ: ‘Cầu cho ta có được *sắc-thân* như vậy như vậy trong tương lai! ... Cầu cho ta có *thức* như vậy như vậy trong tương lai!’ Chính theo cách như vậy là một người không có cầu vọng.

(11) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người dính vào tranh cãi với người ta*? Ở đây, này gia chủ, có người dính vào kiêu nói chuyện như vậy:⁴² ‘Bạn không hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này. Tôi thì hiểu rõ Giáo Pháp và Giới Luật này. Cái gì, bạn mà hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này sao! Bạn đang tu tập sai lạc, tôi đang tu tập đúng đắn. Điều nên được nói trước thì bạn lại nói sau; điều nên được nói sau thì bạn lại nói trước. Tôi nhất quán trước sau, bạn không nhất quán. Điều bạn phải nghĩ rất lâu mới ra cũng bị lộn ngược (tức sai). Luận thuyết của bạn đã bị bác bỏ. Bạn thua rồi, đi mà cứu lấy luận thuyết của bạn, hoặc tự đi mà gỡ rối

cho mình nếu mình có thể.’ Chính theo cách như vậy là một người dính vào sự tranh cãi với người khác.

(12) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người không dính vào tranh cãi với người ta*? Ở đây, này gia chủ, có người không dính vào kiêu nói chuyện như vậy: [*y hetu như đoạn kể trên*] hoặc tự đi mà gỡ rối cho mình nếu mình có thể.’ Chính theo cách như vậy là người không dính vào sự tranh cãi với người khác.

“Như vậy đó, này gia chủ, khi đức Thế Tôn nói điều này trong phần “*Những Câu Hỏi của Māgandiya*” thuộc Chương Tám (*Aṭṭhakavagga*):

‘Sau khi bỏ nhà đi, lang thang không gia cư,
Trong làng mạc người tu sĩ không thân tình với ai,
Bỏ hết những khoái-lạc giác quan, không cầu vọng,
Cũng không tranh cãi gì với ai.’

, thì ý nghĩa của điều này, đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn, nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy”

(SN 22:03)

10 Soṇa (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn ... Đức Thế Tôn đã nói với Soṇa, con trai gia chủ, như sau:

(1) “Này Soṇa, khi bất cứ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở sắc-thân—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*cứ* coi chính mình là này nọ như: ‘Ta tốt hơn’ (người khác), hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’,⁴³

như vậy họ khác gì một người không nhìn thấy các thứ đúng như chúng thực là?

“Khi bất cứ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở cảm-giác ... dựa trên cơ sở nhận-thức ... dựa trên cơ sở những sự tạo-tác cố ý ... dựa trên cơ sở thức—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*cứ* coi chính mình là này nọ như vậy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc ‘Ta bằng’, hoặc ‘Ta kém hơn’, như vậy họ khác gì một người không nhìn thấy các thứ đúng như chúng thực là?

(2) “Khi bất kỳ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở sắc-thân—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*không* coi chính mình là này nọ như vậy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc ‘Ta bằng’, hoặc ‘Ta kém hơn’, như vậy họ khác gì một người *nhìn thấy* các thứ đúng như chúng thực là?

“Khi bất kỳ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở cảm-giác ... dựa trên cơ sở nhận-thức ... dựa trên cơ sở những sự tạo-tác cố ý ... dựa trên cơ sở thức—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*không* coi chính mình là này nọ như vậy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc ‘Ta bằng’, hoặc ‘Ta kém hơn’, như vậy họ khác gì một người *nhìn thấy* các thứ đúng như chúng thực là?

(3) “Này Soṇa, anh nghĩ sắc-thân là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Cảm-giác là vô thường hay thường hằng? ... Nhận-thức là vô thường hay thường hằng? ... Những sự tạo-tác cố ý là vô thường hay thường hằng? ... Thức là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

- “Do vậy, này Soṇa, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần, tất cả mọi sắc-thân đều nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’.

“Mọi cảm-giác ... mọi nhận-thức ... mọi sự tạo tác cố ý ... mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần, tất cả mọi thức đều nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’.

- “Này Soṇa, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với sắc-thân, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi (tâm) được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’”

(SN 22:49)

11 Soṇa (2)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiểm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn ... Đức Thế Tôn đã nói với Soṇa, con trai gia chủ, như sau:

(1) “Này Soṇa, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được sắc-thân [khổ đế], nguồn-gốc của nó [tập đế], sự chấm-dứt của nó [diệt đế], và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó [đạo đế]; ai không hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó: những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu-sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”⁴⁴

(2) “Nhưng, này Soṇa, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được sắc-thân, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó; ai hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nó: những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu-sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 22:50)

12 *Mahāli*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm) trong Sảnh Đường Mái Nhón. Rồi ông Mahāli người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, (giáo sĩ) Pūraṇa Kassapa nói như vậy: ‘Không có nguyên-nhân (nhân) hay điều-kiện (duyên) nào tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô-nhiễm không phải do nguyên-nhân hay điều-kiện nào cả. Không có nguyên-nhân hay điều-kiện nào làm nên sự trong-

sạch của chúng sinh; chúng sinh được thanh-lọc không phải do nguyên-nhân và điều-kiện nào cả.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”⁴⁵

“Này Mahāli, có nguyên-nhân và điều-kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô-nhiễm là (do) có nguyên-nhân và điều-kiện (tạo ra). Có nguyên-nhân và điều-kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chúng sinh được thanh-lọc là (do) có nguyên-nhân và điều-kiện (làm nên).”

(1) “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là có nguyên-nhân và điều-kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh? Theo cách nào mà chúng sinh bị ô-nhiễm vì có nguyên-nhân và điều-kiện?”

“Này Mahāli, nếu sắc-thân này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sướng, thì chúng sinh đâu bị đam mê với nó. Nhưng bởi vì sắc-thân là (có) sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, chứ nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khổ, cho nên chúng sinh bị mới đam mê với nó.⁴⁶ Do bị đam mê với nó nên họ bị lôi cuốn bởi nó, và do bị lôi cuốn bởi nó nên họ bị ô-nhiễm. Này Mahāli, đây là một nguyên-nhân và điều-kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chính theo cách như vậy chúng sinh bị ô-nhiễm vì có nguyên-nhân và điều-kiện.

“Này Mahāli, nếu cảm-giác này chỉ (có) toàn khổ ... Nếu nhận-thức này ... những sự tạo-tác cố ý này ... thức này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sướng, thì chúng sinh đâu bị đam mê với nó. Nhưng bởi vì cảm-giác ... thức là (có) sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, chứ nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khổ, cho nên chúng sinh bị mới đam mê với nó. Do bị đam mê với nó nên họ bị lôi cuốn bởi nó, và do bị lôi cuốn bởi nó nên họ bị ô-nhiễm. Này Mahāli, đây cũng là một nguyên-nhân và điều-kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chính theo cách như vậy chúng sinh bị ô-nhiễm vì có nguyên-nhân và điều-kiện.

(2) “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh? Theo cách nào mà chúng sinh được thanh-lọc nhờ có nguyên-nhân và điều-kiện?”

“Này Mahāli, nếu sắc-thân này chỉ (có) toàn sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khổ, thì chúng sinh đâu trải nghiệm (cảm thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì sắc-thân là (có) khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nó không [chỉ] chìm ngập trong sự sướng, nên chúng sinh trải nghiệm sự ghê-sợ đối với nó. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, họ trở nên chán-bỏ, và thông qua sự chán-bỏ họ được thanh-lọc (trong sạch). Này Mahāli, đây là một nguyên-nhân và điều-kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chính theo cách như vậy mà chúng sinh được thanh-lọc nhờ có Nguyên-nhân và điều-kiện.

“Này Mahāli, nếu cảm-giác này chỉ (có) toàn sướng ... Nếu nhận-thức này ... Nếu những sự tạo-tác cố ý này ... Nếu thức này chỉ (có) toàn sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khổ, thì chúng sinh đâu trải nghiệm (cảm thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì cảm-giác ... thức là (có) khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nó không [chỉ] chìm ngập trong sự sướng, nên chúng sinh trải nghiệm sự ghê-sợ đối với nó. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, họ trở nên chán-bỏ, và thông qua sự chán-bỏ họ được thanh-lọc (trong sạch). Này Mahāli, đây cũng là một nguyên-nhân và điều-kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chính theo cách như vậy mà chúng sinh được thanh-lọc nhờ có nguyên-nhân và điều-kiện.”

(SN 22:60)

(III) Quyển 4:

13 Ở Vesālī

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), trong Sân Đường Mái Nhọn. Lúc đó có gia chủ Uggā ở Vesālī đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn ...⁴⁷

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh ở đây không đạt tới (chúng ngộ) Niết-bàn trong kiếp này? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh (khác) ở đây đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này?”

(1) “Này gia chủ, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì thức của người đó trở thành (bị) phụ thuộc theo chúng và dính chấp vào chúng. Một Tỳ kheo còn dính-chấp thì không đạt tới Niết-bàn.⁴⁸

“Này gia chủ, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi *tâm* thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì thức của người đó trở thành phụ thuộc theo chúng và dính chấp vào chúng. Một Tỳ kheo còn dính-chấp thì không đạt tới Niết-bàn.

“Đây là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh ở đây không đạt tới Niết-bàn trong kiếp này.

(2) “Này gia chủ, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi *tâm* thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì thức của người đó *không* trở

thành phụ thuộc theo chúng hay dính chấp vào chúng. Một Tỳ kheo không còn dính-chấp thì đạt tới Niết-bàn.

“Đây là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh (khác) ở đây đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này.”

(SN 35:124)

14 Giữa Những Người Vajji

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Vajji (Bạt-kỳ) ở vùng Hatthigāma. Lúc đó có gia chủ Ugga ở Hatthigāma đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn ...⁴⁹

[Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt như kinh 35:124 ở trên.]

(SN 35:125)

15 Ở Nālandā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Lúc đó có gia chủ tên Upālī đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn ...⁵⁰

[Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt như kinh 35:124 ở trên.]

(SN 35:126)

16 Ngài Bhāradvāja

Trong một lần Ngài Piṇḍola Bhāradvāja đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita.⁵¹ Lúc đó có Vua Udena đến gặp thầy Piṇḍola Bhāradvāja và chào hỏi với thầy ấy.⁵² Sau khi họ

xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Thầy Bhāradvāja, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao những Tỳ kheo trẻ, là những người trẻ với tóc đen, được phú cho phúc phần tuổi trẻ, đang trong tuổi thanh xuân của cuộc đời, chưa chơi bời với các khoái-lạc giác quan, lại đi sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”⁵³

(1) “Này đại vương, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỳ kheo, đối với những phụ nữ đủ già để làm mẹ của mình, hãy thiết lập ý tưởng (tâm lý) họ là mẹ của mình;⁵⁴ đối với những người đáng tuổi là chị mình, hãy thiết lập ý tưởng họ là chị mình; đối với người trẻ đáng tuổi là em gái mình, hãy thiết lập ý tưởng họ là em gái của mình.’ Này đại vương, đây là một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ ... đi sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.”

“Thầy Bhāradvāja, cái tâm là đầy ham muốn (hám dục). Có khi những trạng thái nhục-dục cũng khởi sinh đối với cả những người đủ già là mẹ mình; có khi những trạng thái nhục dục cũng khởi sinh đối với người đáng tuổi là chị mình; có khi những trạng thái nhục dục cũng khởi sinh đối với người trẻ đáng tuổi là em gái mình. Vậy còn nguyên nhân và lý do nào khác tại sao những Tỳ kheo trẻ ... lại đi sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”

(2) “Này đại vương, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỳ kheo, hãy coi lại chính thân này từ gót chân trở lên, từ đỉnh đầu trở xuống, được bọc trong da, chứa đầy những thứ ô-úế:⁵⁵ ‘Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, màng treo ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mũi, nước bọt, nhót các khớp xương, và nước tiểu.’ Này đại vương, đây cũng là

một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ ... đi sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.”

“Thầy Bhāradvāja, điều đó là dễ làm đối với những Tỳ kheo đã tu thân (kiềm chế các cửa của các giác quan thân), đã tu giới-hạnh, đã tu tâm, đã tu trí-tuệ. Nhưng điều đó là khó làm đối với những Tỳ kheo không tu thân (kiềm chế các cửa của các giác quan thân), không tu giới-hạnh, không tu tâm, không tu trí-tuệ.⁵⁶ Có khi, mặc dù người đó nghĩ ‘Ta sẽ chú tâm (tác ý) tới thân là ô-úế’, nhưng người đó cứ chấp nó là đẹp-đẽ ... Vậy có nguyên nhân và lý do nào khác tại sao những Tỳ kheo trẻ ... lại đi sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”

(3) “Này đại vương, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỳ kheo, hãy sống phòng hộ các cửa của *các căn cảm-nhận* (các giác-quan). Khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, đừng nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (nét chung và nét riêng) của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ *căn-mắt* không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm các thầy; các thầy hãy tu tập phương pháp kiềm chế nó, phòng hộ căn-mắt, đảm trách việc kiềm chế căn-mắt.’

“‘Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi ngửi thấy một *mùi-hương* bằng *mũi* ... Khi nếm thấy một *mùi-vị* bằng *lưỡi* ... Khi chạm thấy một *đối-tượng chạm xúc* bằng *thân* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, đừng nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (nét chung và nét riêng) của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ *căn-tai* ... *căn-tâm* không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm các thầy; các thầy hãy tu tập phương pháp kiềm chế nó, phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, đảm trách việc kiềm chế căn-tai ... căn-tâm.’ Này đại vương, đây là cũng một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ ... đi

sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.”

“Thật kỳ diệu, Thầy Bhāradvāja! Thật tuyệt vời, Thầy Bhāradvāja! Thật hay khéo về cách điều này đã được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Vậy đây là nguyên nhân và lý do tại sao những Tỳ kheo trẻ, là những người trẻ với tóc đen, được phú cho phúc phần tuổi trẻ, đang trong tuổi thanh xuân của cuộc đời, chưa chơi bời với các khoái-lạc giác quan, đã (có thể) đi sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy. Cũng như trường hợp của tôi, mỗi khi tôi bước vào khu cung nữ mà không phòng hộ về thân, lời-nói, và tâm, không thiết lập sự chánh-niệm, không kiềm chế các căn cảm-nhận, thì lúc đó những trạng thái nhục-dục tấn công tôi một cách dữ dội. Nhưng khi nào tôi bước vào khu cung nữ mà có phòng hộ về thân, lời-nói, và tâm, có thiết lập sự chánh-niệm, kiềm chế các căn cảm-nhận, thì lúc đó những trạng thái nhục-dục không tấn công tôi một cách như vậy.

“Thật kỳ diệu, Thầy Bhāradvāja! Thật tuyệt vời, Thầy Bhāradvāja! Thầy Bhāradvāja đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như thầy đang dựng đứng lại những thứ đã bị lộn đầu, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được các thứ. Thầy Bhāradvāja, nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Kể từ hôm nay mong Thầy Bhāradvāja ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 35:127)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiềm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có anh Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn. ...

[*Nội dung phần còn lại giống như kinh 35:124 ở trên.*]

(SN 35:128)

18 Gia Chủ Ghosita

Trong một lần Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó có gia chủ Ghosita đã đến gặp thầy Ānanda ... và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy Ānanda, thường nghe nói ‘nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố’.⁵⁷ Thưa thầy, theo cách nào mà có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?”

- “Này gia chủ, (i) hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là sướng (dễ chịu), và có thức-mắt: tùy thuộc vào một sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng.⁵⁸ (ii) Hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là khổ (khó chịu), và có thức-mắt: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. (iii) Hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là cơ-sở sự buông-xả, và có thức-mắt: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính [không khổ không sướng], nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

- “Này gia chủ, (i) hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố mũi ... yếu-tố lưỡi ... yếu-tố thân ... yếu-tố tâm, và có những âm-thanh ... những hiện-tượng thuộc tâm là sướng (dễ chịu), và có thức-tai ... thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng. (ii) Hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố tâm, và có những âm-thanh ... những hiện-tượng thuộc tâm là khổ (khó chịu), và có thức-tai ... thức-tâm:

tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. (iii) Hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố tâm, và có những âm-thanh ... những hiện-tượng thuộc tâm là một căn bản cho sự buông-xả, và có thức-tai ... thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy nên có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn.”

(SN 35:129)

19 Gia Chủ Hāliddakāni

Tôi nghe như vậy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahākaccāna] đang sống giữa xứ dân Avantī, trên Đỉnh Núi Papāta ở Kuraraghara. Lúc đó có gia chủ tên là Hāliddakāni đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên ... và thưa với thầy ấy:⁵⁹

“Thưa thầy, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn: ‘Chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác.’⁶⁰ Thưa thầy, theo cách nào có điều này?”

- “Ở đây, này gia chủ, (i) khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo hiểu một hình-sắc là sướng (dễ chịu) như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’⁶¹ Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng.⁶² Rồi, (ii) khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo hiểu một hình-sắc là khổ (khó chịu) như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. Rồi, (iii) khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo hiểu một hình-sắc là một căn bản cho sự buông-xả như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một

tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

- “Thêm nữa, này gia chủ, (i) khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi chạm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỷ kheo hiểu một âm-thanh ... một hiện-tượng thuộc tâm là sướng ... là khổ ... là một căn bản cho sự buông-xả như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-tâm, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy nên tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác.”

(SN 35:130)

20 Gia Chủ Nakulapitā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Bhagga ở Sumsumāragira, trong khu rừng Bhesakalā, trong khu Vườn Nai. Lúc đó có gia chủ tên Nakulapitā đến gặp đức Thế Tôn ...⁶³

[Nội dung phần còn lại giống như kinh 35:124 ở trên.]

(SN 35:131)

21 Gia Chủ Lohicca

Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahākaccāna] đang sống giữa xứ dân Avantī ở vùng Makkarakata, trong một chòi trong rừng. Lúc đó có một số thiếu niên bà-la-môn, là môn sinh của bà-la-môn Lohicca,

chúng đang đi lượm củi, chúng đến ngang căn chòi của thầy Đại Ca-chiên-diên. Sau khi đến gần, chúng quây phá xung quanh chòi, và chơi mấy trò nghịch ngợm và ồn ào,⁶⁴ và nói lời trêu chọc: “Mấy ông đầu trọc, tu sĩ giả hiệu, những kẻ đê hèn, giống nòi đen đui được sinh ra từ bàn chân của Trời, chỉ được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, được cung kính, và được tôn kính bởi những tín đồ hèn mọn của họ.”⁶⁵

Rồi thầy Đại Ca-chiên-diên bước ra và nói với những thiếu niên bà-la-môn đó: “Đừng làm ồn ào nữa, các cậu. Ta sẽ nói về Giáo Pháp cho các cậu nghe.” Khi câu này được nói ra, những thiếu niên bà-la-môn đó im lặng. Rồi thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói với họ bằng lời thi kệ như vậy:

“Những bà-la-môn thời xưa xuất sắc về đức-hạnh,
Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới-luật cổ xưa,
Các cửa giác-quan được phòng hộ, được khéo bảo vệ,
Và họ sống quản chế được sân-giận bên trong.
Họ vui thích trong Giáo Pháp và thiền định,⁶⁶
Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới-luật cổ xưa.

“Còn những bà-la-môn thời này thì đã sa sút,
Chỉ nói lời ‘tụng lại’
Chỉ hô hào về họ tộc, hành xử không đúng đắn,
Bị sân-giận quản chế, dùng gây gộc vũ khí,
Tấn công kẻ mạnh lẫn kẻ yếu.

“Đối với ai có ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ’,
[Mọi điều thệ nguyện, tụng, cúng] đều chỉ là vô ích.
Giống như tài sản chỉ có trong giấc mơ:
Nào là cách: nhịn đói nằm ngủ trên nền đất,
Tắm khi mặt trời mọc, [học thuộc] ba kinh Vệ-đà,
Mặc da thú thô cứng, tóc bện, và trét bụi đất;
Thần chú, tục lệ và thệ nguyện (giới cấm thủ, mê tín),
và khổ hạnh hành xác;

Nhân nghĩa bề ngoài, nhân sự suy đồi,
và cả nghi thức tẩm gội:
Đây chỉ là những biểu-ngữ (hồ hào) của các bà-la-môn,
Được dùng để gia tăng của cải vật chất.⁶⁷
“Một cái tâm khéo đạt định,
Minh-mẫn và không còn dính-nhiễm,
Hiền-từ với mọi chúng sinh hữu tình—
Đó mới thực là con đường đạt tới cõi trời Brahmā.”

Rồi các thiếu niên bà-la-môn, tức giận và bất đồng, đã về gặp bà-la-môn tên Lohicca và thưa lại với ông: “Thưa đức ngài, ngài nên biết có sa-môn Đại Ca-chiên-diên đã thắng thùng chề bai và chỉ trích những thần chú của các bà-la-môn.”

Khi câu này được nói ra, bà-la-môn Lohicca tức giận và bất đồng. Nhưng ý nghĩ này đã xảy đến với ông: “Sẽ không hay đối với ta nếu ta quay lại trấn áp và chửi bới sa-môn Đại Ca-chiên-diên chỉ dựa theo điều ta mới nghe từ mấy thiếu niên. Để ta đến gặp ông ấy và tra hỏi.”

Rồi bà-la-môn Lohicca, cùng với mấy thiếu niên bà-la-môn đó, đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên. Ông ta chào hỏi với thầy Đại Ca-chiên-diên, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Này Thầy Ca-chiên-diên, có phải mấy thiếu niên bà-la-môn, là các môn sinh của tôi, đã đi qua đây khi chúng đi lượm củi?”

“Đúng vậy, bà-la-môn”

“Có phải Thầy Ca-chiên-diên có cuộc nói chuyện với chúng không?”

“Tôi có cuộc nói chuyện với chúng, này bà-la-môn”

“Cuộc nói chuyện gì thầy đã nói với chúng, Thầy Ca-chiên-diên?”

“Cuộc nói chuyện tôi nói cho các thiếu niên đó là như vậy:

‘Những bà-la-môn thời xưa xuất sắc về đức-hạnh,
Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới luật cổ xưa ...
Hiện từ với mọi chúng sinh hữu tình—
Đó mới thực là con đường đạt tới cõi trời Brahmā.’

Đó là cuộc nói chuyện tôi đã nói cho các thiếu niên đó.”

“Thầy Ca-chiên-diên đã nói ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ’. Nay Thầy Ca-chiên-diên, theo cách nào là một người có ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ’?”

(1) “Ở đây, này bà-la-môn, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, người ta thường ý thích (tham) một hình-sắc là dễ chịu (sướng) và từ chối (sân) một hình-sắc là khó chịu (khổ).⁶⁸ Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu được, đúng như nó thực là, về ‘sự giải-thoát của tâm’, về ‘sự giải-thoát nhờ trí-tuệ’ trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ [không còn tàn dư].

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, người ta thường ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm là dễ chịu (sướng) và từ chối (sân) một hiện-tượng thuộc tâm là khó chịu (khổ). Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ. Nay bà-la-môn, chính theo cách như vậy là một người có ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ.’”

“Thật kỳ diệu, Thầy Ca-chiên-diên! Thật tuyệt vời, Thầy Ca-chiên-diên! Nhưng Thầy Ca-chiên-diên cũng nói ‘các cửa giác-quan được phòng hộ’. Thầy Ca-chiên-diên, theo cách nào là một người có ‘các cửa giác-quan được phòng hộ’?”

(2) “Ở đây, này bà-la-môn, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, người tu *không* có ý thích (không tham) một hình-sắc là dễ chịu (sướng),

cũng *không* từ chối (không sân) một hình-sắc là khó chịu (khổ). Người đó sống thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được, đúng như nó thực là, về ‘sự giải-thoát của tâm’, về ‘sự giải-thoát nhờ trí-tuệ’ trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ.

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, người tu *không* ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm là dễ chịu (sướng), cũng *không* từ chối (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm là khó chịu (khổ). Người đó sống thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ. Nay bà-la-môn, chính theo cách như vậy là một người có ‘các cửa giác-quan được phòng hộ.’”

“Thật kỳ diệu! Thật tuyệt vời,! Giáo Pháp đã được làm rõ theo nhiều cách bởi Thầy Ca-chiên-diên ... [*tiếp tục giống đoạn này trong kinh 127 ở trên*] ... Kể từ hôm nay mong Thầy Ca-chiên-diên ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.

“Mong Thầy Ca-chiên-diên ghé tới gia đình Lohicca cũng giống như thầy đã ghé tới các gia đình của các đệ tử tại gia khác ở vùng Makkarakata này. Những thiếu niên và thiếu nữ bà-la-môn ở đó sẽ kính lễ Thầy Ca-chiên-diên, họ sẽ đứng dậy vì sự kính trọng đối với thầy, họ sẽ mời thầy chỗ ngồi và nước uống, và điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”

(SN 35:132)

22 Gia Chủ Verahaccāni

Trong một lần Ngài Udāyī đang sống ở Kāmaṇḍā trong khu Vườn Xoài của bà-la-môn tên Todeyya. Lúc đó có một thiếu niên bà-la-môn, là một môn sinh của nữ bà-la-môn thuộc họ tộc Verahaccāni, đã đến gặp

thầy Udāyī và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và thầy Udāyī đã chỉ dạy, đã khởi xướng, đã truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ anh ta bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. Sau khi đã được chỉ dạy, được khởi xướng, được truyền cảm hứng, và được làm hoan hỷ, anh ta đã đến gặp nữ bà-la-môn họ Verahaccāni, và nói với bà ta rằng:

“Thưa phu nhân, phu nhân nên biết rằng sa-môn Udāyī chỉ dạy một Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; và ngài ấy cho thấy một đời sống tâm linh toàn thiện và thanh khiết.”

“Trong trường hợp đó, này cậu trẻ, hãy nhân danh ta mời sa-môn Udāyī dùng cơm trưa ngày mai.”

“Dạ, thưa phu nhân”, thiếu niên đó đáp lại. Rồi anh ta đến chỗ thầy Udāyī và nói lại với thầy ấy: “Mong Thầy Udāyī đồng ý lời mời tới dùng cơm trưa từ vị thầy đáng kính của tôi,⁶⁹ nữ bà-la-môn của họ tộc Verahaccāni.”

Thầy Udāyī đồng ý trong im lặng. Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, thầy Udāyī mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa đi tới cư gia của nữ bà-la-môn họ tộc Verahaccāni. Tới đó thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, bằng chính tay mình, nữ bà-la-môn đã chiêu đãi và làm vui lòng thầy Udāyī bằng nhiều món ăn ngon lành. Sau khi thầy Udāyī đã ăn xong, và dẹp bình bát đi⁷⁰, lúc đó nữ bà-la-môn mang dép vào, ngồi xuống chỗ ngồi cao hơn, khăn trùm đầu, và nói với thầy ấy: “Này vị sa-môn, hãy chỉ dạy Giáo Pháp.” Thầy ấy nói: “Thưa chị, xin hãy để dịp sau”, sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.⁷¹

Lần thứ hai thiếu niên bà-la-môn đó đến gặp thầy Udāyī ... [*mọi sự diễn ra như đoạn kinh trên, và anh ta cũng về thưa lại với nữ bà-la-môn, và bà đã nói:*]

“Theo cách như vậy, này cậu trẻ, cậu cứ tiếp tục ca ngợi sa-môn Udāyī đó đi, chứ khi ta nói với ông ta: ‘Thưa sa-môn, hãy chỉ dạy Giáo Pháp’, thì ông nói: ‘Thưa chị, xin hãy để dịp sau’, rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.”

“Thưa phu nhân, đó là bởi vì phu nhân đã mang dép, ngồi ở chỗ ngồi cao hơn, trùm che đầu tóc, và yêu cầu sa-môn chỉ dạy Giáo Pháp. Bởi những sư thầy đó rất tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp.”

“Trong trường hợp đó, này cậu trẻ, hãy nhân danh ta mời sa-môn Udāyī đến dùng cơm trưa ngày mai.”

“Dạ, thưa phu nhân”, thiếu niên đó đáp lại. Rồi anh ta đi đến chỗ thầy Udāyī ... [*và mọi sự tiếp tục như lần đầu, cho đến lúc:*] ... Sau khi thầy Udāyī đã ăn xong và dẹp bình bát đi, nữ bà-la-môn đã cởi dép ra, ngồi xuống chỗ ngồi thấp hơn, cởi bỏ khăn trùm đầu, và nói với thầy ấy:

“Thưa Ngài, khi cái gì có (có mặt) thì bậc A-la-hán tuyên bố có sự sướng và khổ? Và khi cái gì không có thì bậc A-la-hán không tuyên bố có sự sướng và khổ?”

“Này chị, những A-la-hán tuyên bố khi có *mắt* là có sự sướng và khổ, và khi không có mắt thì không có sự sướng và khổ. Những A-la-hán tuyên bố rằng khi có *tai* ... có *tâm* là có sự sướng và khổ, và khi không có tai ... không có tâm thì không có sự sướng và khổ.”

Khi điều này được nói ra, nữ bà-la-môn của họ tộc Verahaccāni đã nói với thầy Udāyī: “Thật kỳ diệu, Thầy Udāyī! Thật tuyệt vời, Thầy Udāyī! Giáo Pháp đã được làm rõ theo nhiều cách bởi Thầy Udāyī ... [*tiếp tục giống đoạn này trong kinh 127 ở trên*] ... Kể từ hôm nay mong Thầy Udāyī ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 35:133)

23 ^ Ví Dụ Thân Cây Lớn

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī bên bờ sông Hằng. Đức Thế Tôn nhìn thấy một thân thân cây lớn đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy thân thân cây lớn đó đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng?

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này các Tỳ kheo, nếu thân cây đó không dạt theo bờ bên này, không dạt theo bờ bên kia, không chìm xuống giữa dòng, không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, không bị vớt (bắt) lấy bởi người ta, không bị vớt (bắt) lấy bởi chúng sinh khác-người (phi nhân), không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, và cũng không bị mục thối ở bên trong, thì nó sẽ hướng về, đổ về, và trôi về phía biển. Vì lý do gì? Bởi vì dòng chảy của sông Hằng là hướng về, đổ về, và chảy về phía biển.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu các thầy không dạt theo bờ bên này, không dạt theo bờ bên kia, không chìm nghỉm giữa dòng, không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, không bị bắt bởi người ta, không bị bắt bởi chúng sinh khác-người, không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, và cũng không bị mục thối (suy đồi) ở bên trong, thì các thầy sẽ hướng về, đổ về, và ngã về phía Niết-bàn. Vì lý do gì? Bởi vì cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là hướng về, nghiêng về, và ngã về phía Niết-bàn.”

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là bờ bên này (bờ gần, thử ngạn)? Cái gì là bờ bên kia (bờ xa, bỉ ngạn)? Cái gì là chìm nghỉm giữa dòng? Cái gì là bị mắc cạn trên cồn đất nổi? Cái gì là bị bắt bởi người ta? Cái gì là bị bắt bởi chúng sinh khác-người? Cái gì là bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy? Cái gì là bị suy đồi ở bên trong?”

(1) “Này Tỳ kheo: ‘bờ bên này’: đây là một cách để chỉ *sáu cơ-sở cảm-nhận bên-trong* (sáu nội xứ, sáu giác-quan). Còn ‘bờ bên kia’: đây là một cách để chỉ *sáu cơ-sở cảm-nhận bên-ngoài* (sáu ngoại xứ, sáu đối-tượng giác quan). ‘Chìm chìm giữa dòng’: đây là một cách để chỉ *khoái-lạc và nhục-dục*. ‘Bị mắc cạn trên cồn đất nổi’: đây là một cách để chỉ sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn, ta-đây).

(2) “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị bắt bởi người ta’? Ở đây, có người sống có liên hệ với những người tại gia: người đó vui chung với họ và sầu chung với họ, người đó vui khi họ vui và buồn khi họ buồn, và người đó dính líu vào những chuyện riêng và phận sự của họ.⁷² Đây được gọi là bị bắt bởi người ta.

(3) “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị bắt bởi chúng sinh khác-người’? Ở đây, có người sống đời sống tâm linh (tu hành) với khát nguyện [được tái sinh] vào chỗ các thiên-thần (trên cõi trời), trong đầu nghĩ: ‘Với sự giới-hạnh này, hay với sự thệ-nguyện và những lễ-nghi cúng tụng này (giới cấm thủ), hay với sự khổ-hạnh này, ta sẽ trở thành một thiên-thần hay một trong số những thiên-thần.’ Đây được gọi là bị bắt bởi chúng sinh khác-người.

(4) “Cái gì là ‘bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy’: này Tỳ kheo, đây là một cách để chỉ *năm dây khoái-lạc giác quan* (ngũ dục).

(5) “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị suy đồi bên trong’? Ở đây có người thất-đức, thuộc tính cách xấu ác, có hành-vi không sạch và đáng ngờ, hành-động bí mật lén lút, không phải bậc sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa-môn, không phải người sống độc-thân mà tự xưng là người độc-thân, bên trong bị suy đồi, hư hỏng, thối nát.⁷³ Đây được gọi là sự bị suy đồi ở bên trong.”

Bấy giờ, vào lúc đó có một người chăn bò tên là Nanda đang đứng gần đức Thế Tôn. Anh ta mới thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con sẽ không dạt⁷⁴ theo bờ bên này, con sẽ không dạt theo bờ bên kia, con sẽ không bị chìm nghỉm giữa dòng, con sẽ không bị mắc kẹt trên cồn đất nổi, con sẽ không bị bắt bởi người ta, con sẽ không bị bắt bởi chúng sinh khác-người, con sẽ không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, con sẽ không bị suy đồi ở bên trong. Con xin được xuất gia dưới đức Thế Tôn (thành sa-di), con xin được thụ nhận toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo)?”

“Này Nanda, trong trường hợp này, hãy trả đàn bò lại cho những chủ nhân của chúng.”

“Thưa Thế Tôn, các con bò sẽ tự chúng quay về vì chúng còn ràng buộc (thương yêu) những con bò con ở đó.”

“Hãy trả đàn bò lại cho những chủ nhân của chúng, này Nanda.”

Rồi người chăn bò Nanda đã trả lại đàn bò cho chủ bò, rồi quay trở lại gặp đức Thế Tôn, và thưa: “Các con bò đã được trả về cho các chủ bò, thưa Thế Tôn. Con xin được xuất gia dưới đức Thế Tôn, cho phép được thụ nhận toàn-bộ giới?”

Và không lâu sau, sau khi thụ nhận toàn-bộ giới, rồi sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ...

Và thầy Nanda đã trở thành một trong những vị A-la-hán.”

(SN 35:241)

24 ^ *Pañcakaṅga*

Lúc đó có người thợ mộc tên Pañcakaṅga đến gặp Ngài Udāyī, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy Udāyī, có bao nhiêu loại cảm-giác được nói bởi đức Thế Tôn?”⁷⁵

“Này anh thợ mộc, có ba loại cảm-giác được nói bởi đức Thế Tôn: cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. Đây là ba loại cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn.”

Khi điều này được nói ra, người thợ mộc nói với thầy Udāyī:

“Đức Thế Tôn đã không nói về ba loại cảm-giác, thưa thầy Udāyī. Đức Thế Tôn chỉ nói về hai loại cảm-giác: cảm-giác dễ chịu và cảm-giác khổ đau. Còn đối với loại cảm-giác trung tính [không khổ không sướng], thưa thầy, đức Thế Tôn nói nó nằm trong dạng khoái-lạc bình an và siêu phàm.” (nghĩa của câu cuối này: coi chú thích ở cuối đoạn (4) ‘tăng thiên định thứ tư’ ở bên dưới kinh này)

Lần thứ hai và lần thứ ba thầy Udāyī vẫn giữ nguyên ý mình; và lần thứ hai và lần thứ ba người thợ mộc Pañcakaṅga vẫn giữ nguyên ý mình, nhưng thầy Udāyī không thể thuyết phục Pañcakaṅga, và Pañcakaṅga cũng không thể thuyết phục thầy Udāyī.

Ngài Ānanda nghe được lời đối thoại của thầy Udāyī và người thợ mộc Pañcakaṅga. Rồi thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và kể lại cho đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đối thoại đó. [Đức Thế Tôn đã nói:]

- “Này Ānanda, lời giảng giải của Tỳ kheo Udāyī là đúng, tuy không được người thợ mộc Pañcakaṅga đồng ý, và lời giải thích của Pañcakaṅga cũng là đúng, tuy không được Tỳ kheo Udāyī đồng ý. Theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác, ta đã nói về năm loại cảm-giác ... sáu loại cảm-giác ... mười tám loại cảm-giác ... ba mươi sáu loại cảm-giác; và theo cách giảng giải khác, ta đã nói về một trăm lẻ tám loại cảm-giác. Như vậy, này Ānanda, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy bằng nhiều phương pháp giảng giải [khác nhau].”⁷⁶

- “Khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: có những người không thừa nhận, tán thành, hay đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ tranh luận, cãi vả, và dính vào tranh chấp, và sẽ liên tục đâm chọt nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ. Nhưng mặt khác, khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: cũng có những người sẽ thừa nhận, tán thành, và đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ sống hòa đồng, hòa thuận, không tranh cãi, và hiền hòa với nhau như sữa và nước, và nhìn nhau bằng ánh mắt hiền từ.

- “Này Ānanda, có năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Năm đó là gì? *Những hình-sắc* được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. *Những âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... *Những mùi-hương* được nhận biết bởi mũi ... *những mùi-vị* được nhận biết bởi lưỡi ... *những đối-tượng chạm xúc* được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đó là năm dây khoái-lạc giác quan. Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác quan: đây được gọi là khoái-lạc giác quan.

(1) “Cho dù ai nói ‘Đây là sự khoái-lạc và vui-thú cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại khoái-lạc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly.’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại khoái-lạc đó.

(2) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (ii) ‘Với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có niềm tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

(3) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết, người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: “Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)”.’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

(4) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng và sự khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả.’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.⁷⁷

(5) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (v) ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới); (nên từ đây trở lên được gọi là những tầng vô-sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

(6) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (vi) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

(7) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (vii) ‘Lại nữa: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

(8) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có

một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (viii) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong phi tướng phi phi tướng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

(9) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (ix) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tướng phi phi tướng xứ, một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tướng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.”⁷⁸

- “Này Ānanda, giờ các du sĩ khác đạo có thể nói như vậy: ‘Sa-môn Cồ-đàm nói về trạng thái diệt thọ tướng [chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác] và ông ta khẳng khăng nó nằm trong sự hạnh-phúc. Như vậy là gì? Như vậy là sao?’ Này Ānanda, nếu các du sĩ đó có hỏi như vậy, các thầy nên nói với họ rằng: ‘Này các bạn, đức Thế Tôn mô tả sự sướng (lạc) không phải là chỉ nói về cảm-giác sướng (lạc thọ). Nhưng thay vì vậy, Như Lai mô tả mọi sự sướng là sự sướng, cho dù có ở đâu hay theo cách nào chúng được thấy có.’”⁷⁹

(SN 36:19)

25 ^ *Gông Cùm*

Trong một lần có một số vị Tỷ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsāṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang (rẫy xoài).

Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi các Tỳ kheo trưởng lão trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ tụ họp trong khu hội họp và cùng ngồi với nhau và có sự đàm đạo này:

“Này các các Tỳ kheo, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ (trói buộc mình): hai thứ này khác nhau về nghĩa và khác nhau về chữ, hay chúng chỉ là một và chỉ khác nhau về chữ?”

Có mấy Tỳ kheo trưởng lão trả lời như vậy: “Này các Tỳ kheo, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ khác nhau về nghĩa và khác nhau về chữ.” Nhưng có mấy Tỳ kheo trưởng lão khác trả lời như vậy: “Này các Tỳ kheo, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ là một về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ.”

Bấy giờ, vào lúc đó có gia chủ tên là Citta mới đến làng Migapathaka vì một số công việc.⁸⁰ Rồi gia chủ Citta nghe được: “Có một số các Tỳ kheo trưởng lão trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ tụ họp trong khu hội họp và cùng ngồi với nhau và có sự đàm đạo này. ...” Rồi gia chủ Citta đã đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa với họ:

- “Thưa quý thầy, con đã nghe rằng khi các vị Tỳ kheo trưởng lão ngồi với nhau và có sự đàm đạo rằng: ‘Này các các Tỳ kheo, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’: hai thứ này khác nhau về nghĩa và cũng khác nhau về chữ, hay chúng là một về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ?’”

“Đúng vậy, này gia chủ.”

- “Thưa quý thầy, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ là khác nhau về nghĩa và cũng khác nhau về chữ. Con xin đưa ra ví dụ về điều này, bởi những người có trí ở đây hiểu được một điều nhờ phương tiện ví dụ.

- “Thưa quý thầy, giả sử có con bò đen và con bò trắng được gông với nhau bằng một cái gông hay cái ách.⁸¹ Ai là người nói một cách đúng đắn

có thể nói như vậy không: ‘Con bò đen là gông-cùm của con bò trắng; con bò trắng là gông-cùm của con bò đen’?”

“Không phải, này gia chủ. Con bò đen không phải là gông-cùm của con bò trắng, và con bò trắng cũng không phải là gông-cùm của con bò đen, mà chính là cái gông hay cái ách đã gông chúng lại với nhau: đó mới chính là gông-cùm.”

- “Cũng giống như vậy, thưa quý thầy, *mắt* không phải là gông-cùm của những hình-sắc, và *những hình-sắc* cũng không phải là gông-cùm của *mắt*, mà chính là *tham-muốn* và *nhục-dục* khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông-cùm. Tai không phải là gông-cùm của những âm-thanh ... Mũi không phải là gông-cùm của những mùi-hương ... Lưỡi không phải là gông-cùm của những mùi-vị ... Thân không phải là gông-cùm của những đối-tượng chạm xúc ... Tâm không phải là gông-cùm của những hiện-tượng thuộc tâm, và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông-cùm của tâm, mà chính là *tham-muốn* và *nhục-dục* khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông-cùm.”

“Đó là ích lợi [sự đạt được] cho chú, này gia chủ, đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi chú], này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.”

(SN 41:01)

26 Ngài Isidatta (1)

Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa quý thầy, mong các bậc trưởng lão nhận lời mời tới dùng cơm trưa chỗ con ngày mai.”

Các Tỳ kheo trưởng lão đồng ý trong im lặng. Rồi gia chủ Citta, sau khi hiểu được các trưởng lão đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ các vị, giữ họ ở hướng bên phải mình, và đi ra.

Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, các Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới chỗ ở của gia chủ Citta. Ở đó họ ngồi xuống các chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

- “Thưa Trưởng Lão, thường nghe nói ‘nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố’. Thưa thầy, theo cách nào có nhiều loại [đa dạng] yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?”⁸²

Khi điều này được nói ra, vị trưởng lão đứng đầu chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba gia chủ Citta hỏi lại câu hỏi đó, vị trưởng lão đứng đầu vẫn im lặng.⁸³

Bấy giờ, lúc đó có Ngài Isidatta khi đó là Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó.⁸⁴ Rồi thầy Isidatta mới thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

“Thưa trưởng lão, cho phép con trả lời câu hỏi của gia chủ Citta.”

“Trả lời đi, này Tỳ kheo Isidatta.”

“Giờ, này gia chủ, có phải chú đang hỏi câu như vậy không: ‘Thưa Trưởng Lão, thường nghe nói ‘nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố’. Thưa thầy, theo cách nào có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?’”

- “Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này gia chủ, nhiều loại yếu-tố này đã được nói bởi đức Thế Tôn như vậy: yếu-tố mắt, yếu-tố hình sắc, yếu-tố thức-mắt yếu-tố tâm, yếu-tố hiện-tượng thuộc tâm, yếu-tố thức-tâm. Theo cách như vậy, này gia chủ, nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn.”

Rồi gia chủ Citta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Isidatta, bằng hai tay mình đã phục vụ và làm vui lòng các Tỳ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Sau khi các Tỳ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dọn bình bát,⁸⁵ họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi, vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu đã nói với thầy Isidatta:

“Này Tỳ kheo Isidatta, thật tốt lành rằng câu trả lời cho câu hỏi đó đã xảy đến với thầy. Nó không xảy đến với tôi. Bởi vậy, này Tỳ kheo Isidatta, lúc khác có ai đặt câu hỏi tương tự như vậy, thầy cứ làm rõ nó như vậy.”⁸⁶

(SN 41:02)

27 Ngài Isidatta (2)

[*Mở đầu như kinh kết trên, cho tới:*]

Rồi gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

- “Thưa Trưởng Lão, có nhiều quan-điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới không phải bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là hữu hạn’ hay ‘Thế giới là vô hạn’; hoặc ‘Linh hồn và thể xác là một’ hay ‘Linh hồn một thứ và thể xác là thứ khác nhau’; hoặc ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’—những quan-điểm này cũng như sáu mươi hai quan-điểm đã được nói trong kinh *Lưới Trời* (*Brahmajāla*, kinh Phạm Võng).⁸⁷ Giờ, khi có cái gì thì xảy ra những quan-điểm này? Khi không có cái gì thì không xảy ra những quan-điểm này?”

Khi điều này được nói ra, vị trưởng lão đứng đầu chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba gia chủ Citta hỏi lại câu hỏi đó, vị trưởng lão đứng đầu vẫn im lặng.

Bấy giờ, lúc đó có Ngài Isidatta khi đó là Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó. Rồi thầy Isidatta mới thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

“Thưa trưởng lão, cho phép con trả lời câu hỏi của gia chủ Citta.”

“Trả lời đi, này Tỳ kheo Isidatta.”

“Giờ, này gia chủ, có phải chú đang hỏi câu như vậy không: ‘Thưa thầy, có nhiều quan-điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới không phải bất diệt’ ... cũng như sáu mươi hai quan-điểm đã được nói trong kinh Lưới Trời. Giờ, khi có cái gì thì xảy ra những quan-điểm này? Khi không có cái gì thì không xảy ra những quan-điểm này?’”

- “Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này gia chủ, đối với những quan-điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ ... cũng như sáu mươi hai quan-điểm được nói trong kinh Lưới Trời thì: khi có quan-điểm (cách nhìn) có danh-tính (thân kiến), thì có những quan-điểm này xảy ra; khi không có quan-điểm có danh-tính, thì không có những quan-điểm này xảy ra.”

- (1) “Nhưng, thưa thầy, theo cách nào có quan-điểm có danh-tính xảy ra?”

“Ồ đây, này gia chủ, người phàm phu không được chỉ dạy, là người không coi trọng những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của họ; là người không coi trọng những thiện nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; là người *cứ* coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc sắc-thân nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ nằm trong sắc-thân. Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức

là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách như vậy nên mới xảy ra quan-điểm có danh-tính.”

- (2) “Nhưng, thưa thầy, theo cách nào không có quan-điểm có danh-tính xảy ra?”

“Ở đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người coi trọng những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; là người coi trọng những thiện nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; là người *không* coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc sắc-thân nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ nằm trong sắc-thân. Người đó *không* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách như vậy nên không xảy ra quan-điểm có danh-tính.”

- “Xin phép hỏi thầy, Sư Thầy Isidatta đến từ đâu vậy?”

“Tôi đến từ vùng Avantī, này gia chủ.”

- “Thưa thầy, có một người họ tộc cũng đến từ vùng Avantī cũng tên là Isidatta, là một người bạn ‘chưa từng gặp’ của chúng con trước kia, người đó đã xuất gia. Thầy có bao giờ gặp người đó chưa?”

“Đã gặp rồi, này gia chủ.”

- “Thầy ấy hiện đang ở đâu, thưa thầy?” Khi câu hỏi này được nói ra, thầy Isidatta chỉ im lặng.

- “Vậy đây chính là Sư Thầy Isidatta?”

“Đúng vậy, này gia chủ.”

- “Vậy mong Sư Thầy Isidatta hãy vui sống trong khu Vườn Xoài Hoang đáng thích ở vùng Macchikāsaṇḍa này. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho Thầy Isidatta y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang.”

“Lời nói thật hảo tâm, này gia chủ.”

Rồi gia chủ Citta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời của thầy Isidatta, bằng chính hai tay mình, đã phục vụ và làm vui lòng các Tỳ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Sau khi các Tỳ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi, vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu đã nói với thầy Isidatta:

“Này Tỳ kheo Isidatta, thật tốt lành câu trả lời cho câu hỏi đó đã xảy đến với thầy. Nó không xảy đến với tôi. Bởi vậy, này Tỳ kheo Isidatta, lúc khác có ai đặt câu hỏi tương tự như vậy, thầy cứ làm rõ nó như vậy.”

Rồi, thầy Isidatta đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, thầy ấy rời khỏi vùng Macchikāsaṇḍa. Sau khi đi khỏi Macchikāsaṇḍa, thầy ấy đã rời đi mãi mãi và chưa bao giờ quay lại nơi đó.⁸⁸

(SN 41:03)

28 *Thần Thông của Ngài Mahaka* [^]

Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa quý thầy, mong các bậc trưởng lão nhận lời mời tới dùng cơm trưa ở chỗ trại bò sữa của con ngày mai.”

Các Tỳ kheo trưởng lão đồng ý trong im lặng. Rồi gia chủ Citta, sau khi hiểu được các trưởng lão đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ các vị, giữ họ ở hướng bên phải mình, và đi ra.

Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, các Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới chỗ tại bò sữa của gia chủ Citta. Ở đó họ ngồi xuống các chỗ ngồi đã dọn sẵn.

Rồi gia chủ Citta, bằng chính hai tay mình, đã phục vụ và làm vui lòng các Tỳ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Sau khi các Tỳ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi gia chủ Citta, sau khi nói với người của mình “Hãy đem phân phát hết chỗ thức ăn còn lại”, ông đi theo sát các Tỳ kheo trưởng lão. Lúc bấy giờ, lúc đó trời đang cực kỳ nóng bức,⁸⁹ và các trưởng lão bước đi giống như thân họ đang tan chảy cùng với những thức ăn họ mới vừa ăn.

Bấy giờ, lúc đó có Ngài Mahaka là một Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó. Rồi thầy Mahaka đã thưa với vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu:

“Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu giờ có luồng gió mát thổi qua, một tán mây tụ thành, và trời mưa phùn.”

“Được vậy sẽ tốt, này đạo hữu.”

Rồi thầy Mahaka đã thực hiện một chiêu thức thần thông làm gió mát thổi qua, và một tán mây tụ thành, và trời mưa phùn.

Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với gia chủ Citta: “Sức mạnh và năng lực thần thông như vậy mà lại có-được bởi một Tỳ kheo trẻ nhất đoàn Tăng ở đây như vậy!”

Rồi, sau khi thầy Mahaka về đến tịnh xá, thầy ấy thưa với vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu: “Như vậy có đủ không, thưa Trưởng Lão?”

“Như vậy là đủ rồi, này đạo hữu Mahaka. Vừa rồi là đã đủ, này đạo hữu Mahaka, sự cúng dường như vậy là đầy đủ rồi.”

Rồi các Tỳ kheo trưởng lão đi về chỗ ở và thầy Mahaka cũng đi về chỗ trú ở của mình.

Rồi gia chủ Citta đến gặp thầy Mahaka, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

- “Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu Thầy Mahaka cho con thấy một phép màu siêu phàm của thần thông.”

“Vậy thì, này gia chủ, hãy cởi áo choàng của chú phủ lên hiên và rải một nắm cỏ lên đó.”

- “Dạ, thưa thầy”, gia chủ Citta đáp lại, và ông cởi áo choàng của mình phủ lên hiên và rải một nắm cỏ lên đó.

Rồi, thầy Mahaka đi vào trong thất và khóa cửa lại, rồi thầy biểu diễn màn thần thông phun lửa ra lỗ khóa và khe cửa, đốt cháy hết cỏ, nhưng không cháy áo choàng.⁹⁰ Gia chủ Citta giữ áo choàng và đứng sang một bên, sững sờ và hoảng sợ.

Rồi thầy Mahaka bước ra khỏi thất và nói với gia chủ Citta: “Như vậy đủ chưa, này gia chủ?”

- “Như vậy là đủ rồi, thầy Mahaka. Vừa rồi là đã đủ, thưa thầy, sự ban tặng như vậy là đầy đủ rồi. Vậy mong Sư Thầy Mahaka hãy vui sống trong khu Vườn Xoài Hoang đáng thích ở vùng Macchikāsaṇḍa này. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho Thầy Mahaka y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang.”

“Lời nói thật hảo tâm, này gia chủ.”

Rồi, thầy Mahaka đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, thầy ấy rời khỏi vùng Macchikāsaṇḍa. Sau khi đi khỏi Macchikāsaṇḍa, thầy ấy đã rời đi mãi mãi và chưa bao giờ quay lại nơi đó.

(SN 41:04)

Trong một lần Ngài Kāmabhū đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp thầy Kāmabhū, kính lễ thầy ấy, và ngồi xuống một bên. Thầy Kāmabhū mới nói với ông rằng: “Này gia chủ, điều này đã được nói:

‘Với bánh xe hoàn-hảo và một mái che trắng,
Chiếc xe bánh một-cắm cứ lăn đi.
Nhìn xem người đang đến, không còn rắc-rối,
Dòng-chảy đã cắt, không còn sự trôi-buộc.’⁹¹

Này gia chủ, theo cách nào ý nghĩa của lời ngắn gọn này được hiểu một cách chi tiết?”

- “Thưa thầy, đó là lời của đức Thế Tôn phải không?”

“Đúng vậy, này gia chủ.”

- “Thưa thầy, vậy hãy chờ con một chút trong khi con xem xét ý nghĩa của nó.”

Rồi sau một chút im lặng, gia chủ Citta đã nói với thầy Kāmabhū:

- “Thưa thầy, ‘Hoàn-hảo’ [không vết lỗi]: đây là một cách để chỉ những giới-hạnh. ‘Mái che trắng’: đây là một cách để chỉ sự giải-thoát. ‘Một cắm’: đây là một cách để chỉ sự chánh-niệm. ‘Lăn’: đây là một cách để chỉ sự đi-tới và đi-lại. ‘Chiếc xe’: đây là một cách để chỉ thân này gồm có bốn yếu-tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) bị vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã.

- “Thưa thầy, những ‘rắc-rối’ chính là tham, sân, và si. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thì chúng (tham, sân, si) đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “không-còn rắc rối”. ‘Người đang đến’ là một cách để chỉ bậc A-la-hán.

- “Thưa thầy, ‘Dòng-chảy’: đây là một cách để chỉ dục-vọng. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì dục-vọng đó đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “người đã cắt đứt dòng-chảy.”

- “Thưa thầy, ‘sự trói-buộc’ cũng chính là tham, sân, si. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thì chúng (tham, sân, si) đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “không còn sự trói-buộc.”

“Nhu vậy, thưa thầy, khi đức Thế Tôn nói như vậy:

‘Vói bánh xe hoàn hảo và một mái che trắng,
Chiếc xe bánh một-cắm cứ lăn đi.
Nhìn xem người đang đến, không-còn rắc rối,
Dòng chảy đã cắt, không-còn trói buộc.’

, thì con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của lời đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn như vậy.”

“Đó là ích lợi [sự đạt được] cho chú, này gia chủ, đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi chú], này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.”

(SN 41:05)

30 Ngài Kāmaabhū (2)

Trong một lần Ngài Kāmaabhū đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp thầy Kāmaabhū, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa:

- (1) “Thưa thầy, có mấy loại sự tạo-tác (hành)?”⁹²

“Này gia chủ, có ba loại sự tạo-tác: *sự tạo-tác của thân* (thân hành), *sự tạo-tác của lời-nói* (khẩu hành), và *sự tạo-tác của tâm* (tâm hành).”⁹³

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói. Rồi sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Kāmabhū, ông hỏi thêm:

(2) “Nhưng, thưa thầy, cái gì là sự tạo-tác của thân? Cái gì là sự tạo-tác của lời-nói? Cái gì là sự tạo-tác của tâm?”

“Này gia chủ, *sự thở-vào và thở-ra* là sự tạo-tác của thân; *ý-nghĩ và sự soi-xét* (tâm và tứ) là sự tạo-tác của lời-nói; *nhận-thức và cảm-giác* (tưởng và thọ) là sự tạo-tác của tâm.”

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(3) “Nhưng, thưa thầy, tại sao *sự thở-vào và thở-ra* là sự tạo-tác của thân? Tại sao *ý-nghĩ* (tâm) và *sự soi-xét* (tứ) là sự tạo-tác của lời-nói? Tại sao *nhận-thức* (tưởng) và *cảm-giác* (thọ) là sự tạo-tác của tâm.”

“Này gia chủ, *sự thở-vào và thở-ra* là *thuộc thân*, những sự này tùy thuộc vào thân (mà sinh và diệt); đó là lý do tại sao *sự thở-vào và thở-ra* là sự tạo-tác của thân. Trước tiên người ta *nghĩ*, rồi *xem xét*, sau đó chuyển thành *lời-nói*; đó là lý do tại sao *ý-nghĩ* (tâm) và *sự soi-xét* (tứ) là sự tạo-tác của lời-nói. *Nhận-thức và cảm-giác* là *thuộc tâm*, những thứ này tùy thuộc vào tâm (mà sinh và diệt); đó là lý do tại sao *nhận-thức và cảm-giác* là sự tạo-tác của tâm.”

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(4) “Thưa thầy, theo cách nào thì có sự chứng đắc trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác* (diệt thọ tưởng)?”⁹⁴

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*, thì điều (ý nghĩ) này: ‘Ta sẽ chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ hay ‘Ta đang chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ hay ‘Ta đã chứng đắc trạng thái chấm-

dứt nhận-thức và cảm-giác’ không còn xảy đến trong người đó; nhưng thay vì vậy, tâm của vị ấy đã được tu tập trước đó theo một cách dẫn vị ấy tới trạng thái như vậy.”⁹⁵

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(5) “Thưa thầy, khi một Tỷ kheo đang chứng đắc trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*, thì sự tạo-tác nào trong ba sự tạo-tác đó chấm dứt trước bên trong vị ấy?”

“Này gia chủ, khi một Tỷ kheo đang chứng đắc trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*, thì sự tạo-tác của lời-nói chấm dứt trước, sau đó là sự tạo-tác của thân, và sau đó là sự tạo-tác của tâm.”⁹⁶

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(6) “Thưa thầy, cái gì là sự khác nhau của một người đã chết so với một Tỷ kheo đã chứng đắc *sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*?”

“Này gia chủ, trong trường hợp người đã chết, người đã kết thúc thời mạng, thì những sự tạo-tác của thân (thân hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác của tâm (tâm hành) đã chấm dứt và lắng lặn; sức-sống của người đó đã tận kiệt, nhiệt của người đó đã tiêu tan, và các căn của người đó đã hoàn toàn tan rã. Trong trường hợp một Tỷ kheo đã chứng nhập trong *sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác* thì những sự tạo-tác của thân (thân hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác của tâm (tâm hành) đã chấm dứt và lắng lặn; nhưng sức-sống của vị ấy không cạn kiệt, nhiệt của người đó không tiêu tan, và các căn của vị ấy trở nên cực kỳ sáng trong.”⁹⁷ Đây là sự khác nhau giữa người đã chết, người đã kết thúc thời mạng so với một Tỷ kheo đã chứng nhập trong *sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*.”

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(7) “Thưa thầy, theo cách nào có sự thoát-ra khỏi trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*?”

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác* thì điều (ý nghĩ) này: ‘Ta sẽ thoát ra khỏi trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*’, hay ‘Ta đang thoát ra khỏi trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*’ không còn xảy đến trong người đó; nhưng thay vì vậy, tâm của vị ấy đã được tu tập trước đó theo một cách dẫn vị ấy tới trạng thái như vậy.”⁹⁸

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(8) “Thưa thầy, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác* thì sự tạo-tác nào trong ba sự tạo-tác đó khởi sinh trở lại trước?”

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác* thì sự tạo-tác của tâm khởi sinh trước, sau đó là sự tạo-tác của thân, và sau đó là sự tạo-tác của lời-nói.”⁹⁹

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(9) “Thưa thầy, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*, có bao nhiêu loại tiếp-xúc tiếp xúc người đó?”

“Này gia chủ, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*, có ba loại tiếp-xúc tiếp xúc người đó: sự tiếp-xúc trống-không, sự tiếp-xúc vô dấu-hiệu, sự tiếp-xúc vô định-hướng.”¹⁰⁰

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm:

(10) “Thưa thầy, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*, tâm vị đó nghiêng về, hướng về, và ngã về cái gì?”

“Này gia chủ, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái *chấm-dứt nhận-thức* và *cảm-giác*, tâm vị đó nghiêng về, hướng về, và ngã về sự tách-ly.”¹⁰¹

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói. Rồi sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Kāmabhū, ông hỏi thêm:

(11) “Thưa thầy, có bao nhiêu điều hữu ích đối với sự chứng đắc trạng thái *chấm-dứt nhận-thức* và *cảm-giác*?”

“Này gia chủ, thực ra chú đang hỏi câu hỏi lẽ ra nên được hỏi đầu tiên; nhưng dù vậy tôi vẫn trả lời luôn cho chú. Đối với sự chứng đắc trạng thái *chấm-dứt nhận-thức* và *cảm-giác*, có hai điều hữu ích: sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ).”¹⁰²

(SN 41:06)

31 Ngài Godatta

Trong một lần Ngài Godatta đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp thầy Godatta, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên. Rồi thầy Godatta mới nói với ông khi ông đang ngồi một bên.¹⁰³

“Này gia chủ, (i) ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’, (ii) ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì’, (iii) ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không’, và (iv) ‘sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm’: những trạng thái này khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi, hay chúng đều giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi?”

- “Thưa thầy, (1) có một cách (phương pháp, phương diện, góc nhìn) theo đó (cho thấy) những trạng thái đó là khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi; và (2) có một cách theo đó những trạng thái đó giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi.

(1) “Và, thưa thầy, theo cách nào những trạng thái đó là khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi?”

(i) “Thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’? Ở đây, một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [phóng đại, khuếch đại, mở rộng, cao rộng, cao vợi], vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý.

“Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn ... sự tùy-hỷ ... sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý.

“Đây được gọi là ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’.”¹⁰⁴

(ii) “Và, thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì’? Ở đây: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên], ý thức rằng ‘không có gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống-không].’ Đây được gọi là ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì’.”¹⁰⁵

(iii) “Và, thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không’? Ở đây, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng hay đến một gốc hay một chòi trống, quán chiếu như vậy: “Đây là sự không-có [trống không] cái ‘Ta’ nào (vô ngã) hoặc của cái thuộc về cái ‘Ta’ (vô ngã sở).” Đây là ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không’.”¹⁰⁶

(iv) “Và, thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát vô dẫu-hiệu của tâm’? Ở đây, với sự không chú-tâm tới tất cả những dẫu-hiệu (các tướng), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dẫu-hiệu (vô tướng định) của tâm. Đây được gọi là ‘sự giải-thoát vô dẫu-hiệu của tâm’.”¹⁰⁷

- “Thưa thầy, đây là cách theo đó những trạng thái này là khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi.”¹⁰⁸

(2) Và, thưa thầy, theo cách nào những trạng thái này là giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi?

(a) “Tham là một tác giả (cái tạo ra, làm nên) của sự đo lường, sân là một tác giả của sự đo lường, si là một tác giả của sự đo lường. Trong một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), thì những thứ này đều đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Trong tất cả các loại của ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’, thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ được tuyên bố là tốt nhất (bậc nhất).”¹⁰⁹ Bây giờ thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ là trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si.

(b) “Tham là một thứ, sân là một thứ, si là một thứ.”¹¹⁰ Trong một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), thì những thứ này đều đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Trong tất cả các loại ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì’, thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ được tuyên bố là tốt nhất. Bây giờ thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ là trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si.

(d) “Tham là một tác giả (cái làm ra, tạo ra) của những dẫu-hiệu (các tướng), sân là tác giả của những dẫu-hiệu, si là tác giả của những dẫu-hiệu.”¹¹¹ Trong một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), thì những thứ này đều đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong

trương lai. Trong tất cả các loại ‘sự giải-thoát vô dẫu-hiệu của tâm’, thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ được tuyên bố là tốt nhất. Bây giờ thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ là trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si.

- “Đây là cách theo đó những trạng thái đó là giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi.”¹¹² (giống nhau ở chỗ đều là trạng thái trống rỗng tham, sân, si của tâm)

“Đó là ích lợi [sự đạt được] cho chú, này gia chủ, đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi chú], này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.”

(SN 41:07)

32 *Nigaṇṭha Nātaputta* (Ni-kiền-tử)

Bấy giờ, vào lúc đó có ông Ni-kiền-tử Nātaputta [Nigaṇṭha] Nātaputa đã đến vùng Macchikāsaṇḍa cùng với một đoàn lớn những ni-kiền-tử [môn đệ theo giáo phái của Ni-kiền-tử Nātaputa].¹¹³ Gia chủ Citta nghe được tin này và đã cùng với một nhóm cư sĩ đến gặp Ni-kiền-tử Nātaputta Nātaputa.¹¹⁴ Ông chào hỏi với Ni-kiền-tử Nātaputta Nātaputa, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Ni-kiền-tử Nātaputta mới nói với gia chủ:

“Này gia chủ, ông có niềm-tin vào sa-môn Cồ-đàm khi ông ta nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ); có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét’, hay không?” (tức trạng thái tầng thiền định thứ hai)¹¹⁵

- “Thưa ngài, về vấn đề này tôi không có niềm-tin vào đức Thế Tôn¹¹⁶ khi đức Thế Tôn nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét; có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét’.”

Khi điều này được nói ra, Ni-kiền-tử Nātaputta ngửa mặt lên một cách tự hào, ¹¹⁷ nhìn các môn đệ của ông và nói: “Thấy chưa, quý ngài! Gia chủ Citta này thật thẳng thắn! Gia chủ Citta này thật trung thực và cởi mở! Ai cho rằng ý-nghĩ và sự soi-xét có thể bị chặn thì chẳng khác nào tưởng tượng mình có thể bắt được gió bằng lưới hay bắt giữ dòng nước sông Hằng bằng nắm tay của mình.”

- “Thưa ngài, ngài nghĩ sao, cái nào cao hơn: sự-biết (trí) hay niềm-tin (tín)?”, gia chủ Citta hỏi.

“Này gia chủ, sự-biết là cao hơn niềm-tin.”

- “Đúng vậy, thưa ngài, tùy theo tôi muốn: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly’. Rồi, tùy theo tôi muốn: (ii) ‘Với sự lặn mất của ý-nghĩ và sự soi-xét, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) ...’ Rồi, tùy theo tôi muốn: (iii) ‘Với sự phai biến luôn của yếu tố hoan-hỷ ... tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) ...’ Rồi, tùy theo tôi muốn: (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và sự khổ ... tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền)’.

- “Thưa ngài, tôi đã tự biết và thấy như vậy, vậy tại sao tôi cần phải đặt niềm-tin vào lời một sa-môn hay bà-la-môn khác nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét; có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét’?”

Khi điều này được nói ra, Ni-kiền-tử Nātaputta với ánh mắt ngờ vực, nhìn qua các môn đệ của mình và nói: “Thấy chưa, các ngài! Gia chủ Citta này thật lươn lẹo! Gia chủ Citta này thật xảo trá và lừa lọc!”

- “Thưa ngài, mới đây chúng tôi hiểu ngài nói: ‘Thấy chưa, quý ngài! Gia chủ Citta này thật thẳng thắn! Gia chủ Citta này thật trung thực và cởi

mở!’— giờ chúng tôi lại hiểu ngài nói: ‘Thấy chưa, các ngài! Gia chủ Citta này thật lươn lẹo! Gia chủ Citta này thật xảo trá và lừa bịp!’ Thưa ngài, nếu câu nói đầu của ngài là đúng thì câu nói sau của ngài là sai; hoặc nếu câu nói đầu là sai thì câu nói sau là đúng.

- “Thêm nữa, thưa ngài, có mười câu hỏi hữu lý này được đưa ra. Khi ngài hiểu được ý nghĩa của chúng, thì ngài có thể trả lời lại cho tôi, cùng với đoàn môn đệ của ngài.¹¹⁸ ‘Một câu hỏi, một tóm tắt, một trả lời. Hai câu hỏi, hai tóm tắt, hai trả lời. Ba ... bốn ... năm ... sáu ... bảy ... tám ... chín ... mười câu hỏi, mười tóm tắt, mười trả lời.’”

Rồi gia chủ Citta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi luôn chứ không hỏi Ni-kiền-tử Nātaputta mười câu hỏi hữu lý đó.¹¹⁹

(SN 41:08)

33 *Tu Sĩ Lỏa Thê Tên Ca-Điếp*

Bấy giờ, lúc đó có khổ sĩ lỏa thê tên Ca-điếp (Kassapa) mới đến vùng Macchikāsaṇḍa; thời ông còn tại gia ông từng là một người bạn của gia chủ Citta. Gia chủ Citta nghe được điều này và đã đến gặp tu sĩ lỏa thê Ca-điếp. Ông chào hỏi với khổ sĩ đó, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với tu sĩ Ca-điếp:

- “Này ngài Ca-điếp, đã bao lâu rồi, kể từ lúc ngài xuất gia?”

“Này gia chủ, đã ba mươi năm rồi, từ lúc tôi xuất gia.”

- “Thưa ngài, trong ba mươi năm đó, ngài có chứng đắc sự khác-biệt siêu phàm nào về sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) của hàng thánh nhân hay không,¹²⁰ có sống trong sự thư thái an nhiên hay không?”

“Này gia chủ, trong ba mươi năm từ lúc tôi xuất gia, tôi không chứng đắc được sự khác-biệt siêu phàm nào về sự-biết và sự-thấy, cũng không sống trong sự thư thái an nhiên nào, ngoại trừ cái sự lỏa thê, và cái đầu

trọc, và cái bàn chải lông gà để phủi quét cho chỗ ngồi (trước khi ngồi) của tôi”.¹²¹

Khi điều này được nói ra, gia chủ Citta đã nói với ông Ca-diếp:

- “Thật sự kỳ diệu, thưa ngài! Thật sự tuyệt vời, thưa ngài! Rằng Giáo Pháp đã được giảng bày một cách hay khéo (không hiểu chỗ này gia chủ Citta đề cao Giáo Pháp hay chỉ mượn câu này để pha một ý nghĩa ngậm ngùi đối với người bạn cũ khác đạo?),¹²² trong đó, sau ba mươi năm, ngài không chứng đắc được sự khác-biệt siêu phàm nào về sự-biết và sự-thấy, cũng không sống trong sự thư thái an nhiên nào, ngoại trừ sự lừa thẽ, và cái đầu trọc, và cái bàn chải lông gà để phủi quét cho chỗ ngồi của mình.”

“Nhưng, này gia chủ, đã bao lâu rồi, kể từ lúc ông trở thành một đệ tử tại gia?”

- “Thưa ngài, trường hợp tôi cũng giống vậy, cũng đã ba mươi năm rồi.”

“Này gia chủ, trong ba mươi năm đó, ông có chứng đắc sự khác-biệt siêu phàm nào về sự-biết và sự-thấy của hàng thánh nhân hay không, có sống trong sự thư thái an nhiên hay không?”

- “Sao tôi lại không thẽ, thưa ngài?¹²³ Bởi, bất cứ khi nào, tùy theo tôi muốn: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất ... [*như nguyên đoạn này trong kinh kể trên cho đến*] ... tầng thiền định thứ tư. Thêm nữa, nếu tôi có chết trước đức Thế Tôn, thì cũng không lấy gì ngạc nhiên nếu đức Thế Tôn tuyên bố về tôi là: ‘Không còn gông-cùm nào trói buộc gia chủ Citta quay lại thế gian này nữa’.” (tức ông đã là bậc thánh Bất-lai)¹²⁴

Sau khi điều này được nói ra, tu sĩ lừa thẽ Ca-diếp đã nói với gia chủ Citta:

“Thật sự kỳ diệu, này gia chủ! Thật sự tuyệt vời, này gia chủ! Rằng Giáo Pháp đã được giảng bày một cách hay khéo, trong đó, một người tại

gia mặc đồ trắng có thể chứng đắc một sự khác-biệt siêu phàm về sự-biết và sự-thấy của hàng thánh nhân, một sự sống thư thái an nhiên. Tôi có thể xin được thụ giới xuất-gia trong Giáo Pháp và Giới Luật này không; tôi có thể xin thụ giới cao-hơn (toàn-bộ giới, đại thọ giới) hay không?”

Rồi gia chủ Citta đã dẫn tu sĩ lửa thể Ca-diếp đến gặp các Tỷ kheo trưởng lão, và thưa với họ:

- “Thưa quý thầy, tu sĩ lửa thể Ca-diếp này là một người bạn cũ của con thời ông còn sống tại gia. Mong các vị trưởng lão ban cho ông sự thụ giới xuất-gia, mong các thầy ban cho ông sự thụ giới cao-hơn. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho ông y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men.”

Rồi khổ sĩ lửa thể Ca-diếp đã thụ giới xuất-gia trong Giáo Pháp và Giới Luật này (thành sa-di); rồi thụ giới cao-hơn (đại thọ giới, toàn-bộ giới, thành Tỷ kheo). Và không lâu sau khi thầy Ca-diếp thụ giới cao-hơn, thầy ấy sống một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định; rồi Thầy Ca-diếp, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.”

Và thầy Ca-diếp đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 41:09)

34 Thăm Người Bệnh

Bấy giờ, lúc đó gia chủ Citta bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Có một số thiên thần điền viên, thiên thần rừng, thiên thần cây, và thiên thần sống trong cây được thảo và sống trong cây đại thụ trong rừng, họ đã tề

tự đến và nói với gia chủ Citta: “Này gia chủ, hãy ước nguyện như vậy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương)’!”

Khi điều này được nói ra, gia chủ Citta đã nói với các thiên thần: “Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.”

Khi điều này được nói ra, những bạn bè và đồng sự, những người thân và họ hàng của gia chủ Citta đã nói với ông rằng: “Này gia chủ, hãy thiết lập sự chánh-niệm. Đừng nói lảm nhảm gì nữa.”

- “Này, tôi đã nói gì khiến các người nói với tôi như vậy.”

“Ông mới nói với chúng tôi: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’”

- “Tôi nói vậy là vì mới có các thiên thần điền viên, thiên thần rừng, thiên thần cây, và thiên thần sống trong cây được thảo và sống trong cây đại thụ trong rừng, họ đã tề tựu ở đây, và nói với tôi: ‘Này gia chủ, hãy ước nguyện như vậy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe!’ Cho nên tôi mới nói với họ rằng: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’”

“Thưa gia chủ, do nhìn thấy lợi ích gì mà các thiên thần đã nói với gia chủ như vậy?”

- “Các thiên thần có ý nghĩ như vậy: ‘Gia chủ Citta này là đức-hạnh, thuộc tính-cách thiện. Nếu ông ấy ước: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe!’—thì nhờ ông ấy có đức-hạnh, thì ước-nguyện này sẽ thành nhờ vào sự trong-sạch (thanh tịnh) của nó. Một vị vua chân chính của sự chân chính sẽ chu cấp những sự cúng dường chân chính.’”¹²⁵ Sau khi nhìn thấy sự lợi ích này nên các thiên thần đã tề tựu đến đây và nói với tôi: ‘Này gia chủ, hãy ước nguyện như vậy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe!’ Và tôi mới nói với họ

rằng: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’”

“Vậy thì hãy khởi xướng (chỉ giáo) cho chúng tôi luôn, này gia chủ.”

- “Bởi vậy, các người nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *“Đức Thế Tôn đó là bậc A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành (thiện thế), bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.”*

“Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: *“Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.”*

“Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: *“Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh trực, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian.”*

“*Trong gia đình chúng ta có bất cứ thứ gì có thể cho đi, chúng ta có thể chia sẻ tất cả những thứ đó với những người đức-hạnh, có tính-cách thiện.*’ Chính theo cách như vậy các người nên tu tập bản thân.”

Rồi, sau khi đã tạo cảm hứng về niềm-tin vào Phật, Pháp, Tăng cho những người bạn bè và đồng sự, những người thân và họ hàng của mình, và sau khi đã khởi xướng cho họ về sự rộng lòng bố-thí như vậy, ¹²⁶ gia chủ Citta đã qua đời.

(SN 41:10)

35 Trưởng Thôn Canda

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có người được gọi là trưởng thôn Canda Hung Dữ¹²⁷ đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao một số người ở đây được quy là hung dữ? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hiền từ?”¹²⁸

“Ở đây, này trưởng thôn, có người chưa đẹp bỏ tham. Bởi vì người đó chưa đẹp bỏ tham, nên người khác kích chọc. Do bị người khác kích chọc, nên người đó thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hung dữ. Người đó chưa đẹp bỏ sân. Bởi vì người đó chưa đẹp bỏ sân, nên người khác kích chọc. Do bị người khác kích chọc, nên người đó thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hung dữ. Người đó chưa đẹp bỏ si. Bởi vì người đó chưa đẹp bỏ si, nên người khác kích chọc. Do bị người khác kích chọc, nên người đó thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hung dữ.

“Này trưởng thôn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hung dữ.

“Ở đây, này trưởng thôn, có người đã đẹp bỏ tham. Bởi vì người đó đã đẹp bỏ tham, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu có gì thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hiền từ. Người đó đã đẹp bỏ sân, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu có gì thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người

hiền từ. Người đã dẹp bỏ si, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu có gì thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hiền từ.

“Này trưởng thôn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hiền từ.

Khi điều này được nói ra, trưởng thôn Caṇḍa đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng lại những thứ đã bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn. Kể từ nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:01)

36 Trưởng Đoàn Talaputa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiềm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có ông Talaputa là trưởng đoàn kịch¹²⁹ đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe những tổ sư kịch sư thời trước giờ nói rằng: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất (điệu bộ, biểu cảm, lời nói ...) thật và giả,¹³⁰ thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!”

Lần thứ hai và lần thứ ba ông trưởng đoàn Talaputa lại thưa: “Thưa đức Thế Tôn, con nghe ... Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Này ông trưởng đoàn, chắc ta vẫn chưa làm ông thông hiểu¹³¹ khi ta nói ‘Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!’. Nhưng dù vậy ta vẫn trả lời cho ông. Trong nhà hát hay hội hát, giữa những chúng sinh chưa hết tham, là những người bị trói buộc bởi sự trói buộc của tham, một diễn viên làm vui họ bằng những diễn xuất khêu khích (cảm xúc) thì càng kích thích họ tham mạnh hơn. Trong nhà hát hay hội hát, giữa những chúng sinh chưa hết sân, là những người bị trói buộc bởi sự trói buộc của sân, một diễn viên làm vui họ bằng những diễn xuất khêu khích thì càng kích thích họ sân mạnh hơn. Trong nhà hát hay hội hát, giữa những chúng sinh chưa hết si, là những người bị trói buộc bởi sự trói buộc của si, một diễn viên làm vui họ bằng những diễn xuất khêu khích thì càng kích thích họ si mạnh hơn.

“Như vậy, tự mình bị say sưa (chuoát say) và lơ tâm phóng dật, sau khi còn làm cho người khác say sưa và lơ tâm phóng dật, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong ‘Địa Ngục Cười’.¹³² Nhưng nếu ai cứ chấp theo quan-điểm là: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất thật và giả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười’—thì đó là một quan-điểm sai lầm của người đó. Đối với một người có quan-điểm sai lầm (tà kiến), ta nói, thì chỉ có một trong hai nơi-đến, đó là: địa ngục hoặc cõi súc sinh.”¹³³

Khi điều này được nói ra, ông trưởng đoàn kịch Talaputa đã òa khóc với nước mắt hai hàng. [đức Thế Tôn đã nói:] “Chính vậy ta đã không nói thẳng với ông khi ta nói: ‘Đủ rồi, này trưởng đoàn. Cứ để vậy! Đừng hỏi ta điều đó!’”

“Thưa Thế Tôn, không phải con đang khóc vì điều Thế Tôn mới nói với con, mà bởi vì con đã bị gài, bị gạt và bị lừa từ lâu bởi những tổ sư

kịch sư trước giờ đã luôn nói: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất thật và giả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười.’

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng lại những thứ đã bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn. Thưa Thế Tôn, con xin được thụ giới xuất-gia dưới đức Thế Tôn, con xin được thụ giới cao-hơn có được không?”

Rồi trưởng đoàn kịch Talaputa đã thụ nhận giới xuất-gia dưới đức Thế Tôn, ông ta cũng thụ giới cao-hơn (toàn-bộ giới, đại thọ giới, thành Tỳ kheo). Và không lâu sau khi thầy Talaputa thụ giới cao-hơn, thầy ấy sống một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ...

Và thầy Talaputa đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 42:02)

37 Trưởng Đoàn Yodhājīva

Lúc đó có một trưởng đoàn chiến binh đánh thuê tên là ‘Yodhājīva Giết Thuê’¹³⁴ đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe những tổ sư chiến sư đánh giết thuê thời trước giờ nói rằng: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần liệt sĩ.’¹³⁵ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!”

Lần thứ hai và lần thứ ba ông trưởng đoàn Yodhājīva lại thưa: “Thưa Thế Tôn, con nghe những người đánh thuê giết thuê ... được tái sinh trong số những thiên thần liệt sĩ.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Này ông trưởng đoàn, chắc ta vẫn chưa làm ông thông hiểu khi ta nói ‘Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!’ Nhưng dù vậy ta vẫn trả lời cho ông. Này ông trưởng đoàn, một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, tâm trí của người đó đã là thấp kém, đòi bại, bị ý nghĩ tà đạo dẫn dắt: ‘Cầu cho lũ chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị hủy diệt, bị tiêu diệt, hay bị diệt vong.’ Nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta sẽ bị tái sinh trong ‘Địa Ngục Tử Trận’.¹³⁶ Nhưng ai cứ chấp theo quan-điểm là: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần liệt sĩ’—thì đó là quan-điểm sai lầm của người đó. Đối với ai có quan-điểm sai lầm (tà kiến), ta nói, thì chỉ có một trong hai nơi-đến, đó là: địa ngục hay cõi súc sinh.”

Khi điều này được nói ra, ông trưởng đoàn kịch Yodhājīva đã òa khóc với nước mắt hai hàng. [Đức Thế Tôn đã nói:] “Chính vậy ta đã không nói thẳng với ông khi ta nói: ‘Đủ rồi, này trưởng đoàn. Cứ để vậy! Đừng hỏi ta điều đó!’”

“Thưa Thế Tôn, không phải con đang khóc vì điều Thế Tôn mới nói với con, mà bởi vì con đã bị gài, bị gạt và bị lừa từ lâu bởi những tổ sư chiến sư đánh giết thuê thời trước giờ đã luôn nói: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần liệt sĩ.’”

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:03)

38 Trưởng Đoàn Hatthāroha

Lúc đó có ông Hatthāroha là trưởng đoàn Tượng Binh (chiến binh dùng voi) ... [*Lời kinh gốc bị bỏ mất, và kết thúc bằng câu cuối như kinh kể trên*]: “ ... là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:04)

39 Trưởng Đoàn Assāroha

Lúc đó có ông Assāroha là trưởng đoàn Kỵ Binh (chiến binh dùng ngựa) đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

[*Phần còn lại giống hết kinh 42:03 ở trên, chỉ khác ‘chiến binh đánh giết thuê’ được thay bằng ‘kỵ binh’.*]

(SN 42:05)

40 Trưởng Thôn Asibandhakaputta

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Rồi ông trưởng thôn tên Asibandhakaputta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, những bà-la-môn ở miền tây—là những người luôn mang theo bình nước, mang vòng hoa làm từ cây cỏ dưới nước (cây thủy sinh), đắm mình trong nước, và thờ lửa thiêng—họ được cho là có khả

năng dẫn người chết hướng thượng, dẫn dắt người đó theo đó, và đưa người đó lên thiên đàng.¹³⁷ Nhưng đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì có khả năng làm cho (những người trong) toàn thể gian này, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

(1) “Ra vậy, này trưởng thôn, vậy ta sẽ hỏi ông về điều này. Cứ trả lời ta nếu thấy được. Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ví dụ có người ở đây sát-sinh, gian-cắp (trộm, cướp, lừa, gian, lận, tham những ...), tà-dâm tà dục (tính dục bất chính), nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gồng nạt nộ, nói tầm-phào tán dóc, là người thèm-khát, đầy ác-ý, và chấp giữ cách-nhìn sai trái (tà kiến). Rồi có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh (đi nhiều quanh) và khấn vái như vậy: ‘Cầu cho người này khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ Ông nghĩ sao, này trưởng thôn, do nhờ có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi quanh, và khấn vái như vậy, cho nên ông ta sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn”

“Này trưởng thôn, giả sử một người quăng một tảng đá to xuống một ao nước sâu. Rồi có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện vì nó, tán tụng vì nó, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy: ‘Hãy nổi lên, này tảng đá! Hãy trôi lên, này tảng đá! Hãy nhảy lên bờ cao, này tảng đá!’ Ông nghĩ sao này gia chủ? Do nhờ có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên tảng đá sẽ nổi lên, trôi lên, và nhảy lên bờ cao, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn”

“Cũng giống như vậy, này trưởng thôn, nếu một người sống sát-sinh ... và chấp giữ cách-nhìn sai trái, thì dù có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, thì người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, cũng sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

(2) “Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Ví dụ có người ở đây sống kiêng cử sát-sinh, kiêng cử gian-cấp, kiêng cử tà-dâm tà dục, kiêng cử nói-dối nói láo, kiêng cử nói lời gây chia-rẽ, kiêng cử nói lời gắt-gồng nạt nộ, kiêng cử nói tầm-phào tán dóc; là người không thèm-khát, không ác-ý, nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Rồi có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy: ‘Cầu mong cho người này, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.’. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn, do có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn.”

“Này trưởng thôn, giả sử một người nhấn chìm một hũ bơ hay một hũ dầu xuống một ao nước sâu, sau đó lấy đồ đập bể hũ ra. Những miếng bể và mảnh vỡ đều chìm xuống dưới, nhưng bơ hay dầu đều nổi lên trên. Rồi lại có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện vì nó, tán tụng vì nó, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy: ‘Hãy ngoan ngoãn chìm xuống, này bơ này dầu! Hãy lặn xuống, này bơ này dầu! Hãy lắng xuống, này bơ này dầu!’ Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Do nhờ có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện, tán

tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên bơ hay dầu đó sẽ chìm xuống, lặn xuống, và lắng xuống, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này trưởng thôn, nếu một người sống kiêng cử sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, thì dù có đám đông người đến và bu quanh người đó, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, thì người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, cũng sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

Sau khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:06)

41 Ví Dụ Miếng Ruộng

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Rồi ông trưởng thôn tên Asibandhakaputta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có phải bậc Thế Tôn sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh, đúng không?”

“Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh.”

“Thưa Thế Tôn, vậy tại sao Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp một cách thấu suốt cho một số người, nhưng không chỉ dạy thấu suốt cho những người khác?”

(1) “Ra vậy, này trưởng thôn, ta sẽ hỏi ông điều này. Cứ trả lời nếu ông thấy được. Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ví dụ một nông dân ở đây có ba miếng ruộng: một miếng rất tốt, một miếng trung bình, và một miếng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thê đất tệ. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Nếu người nông dân đó muốn gieo hạt, ông ta sẽ gieo ở đâu trước: trên miếng tốt, miếng trung bình, hay miếng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thê đất tệ?”

“Thưa Thê Tôn, nếu người nông dân đó muốn gieo hạt, ông ta sẽ gieo trên miếng tốt trước tiên. Sau khi gieo hạt xong ở đó, có thể ông ta sẽ gieo hạt trên miếng trung bình. Sau khi gieo hạt ở đó, ông có thể gieo hoặc không gieo trên miếng đất xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thê đất tệ. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít số hạt đó còn có thể dùng làm thức ăn cho gia súc.” (vì có gieo trên miếng ruộng xấu đó cũng toàn vô ích)

“Này trưởng thôn, miếng ruộng tốt giống như những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni đối với ta. Ta chỉ dạy cho họ Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cho (họ) thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, miếng ruộng trung bình giống như những đệ tử tại gia nam và nữ đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cũng cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, miếng ruộng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thê đất tệ—thì giống như những tu sĩ, bà-la-môn, và các du sĩ giáo phái khác đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cũng cho thấy đời

sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít nếu họ chỉ hiểu được một câu ta nói, thì điều đó cũng dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.

“Này trưởng thôn, ví dụ một người có ba bình nước: (a) một bình không bị nứt, không để nước rỉ ra và thất thoát; (b) một bình (thứ hai) không bị nứt, nhưng nó để nước rỉ ra và thất thoát; và (c) một bình (thứ ba) bị nứt, nó để nước rỉ ra và thất thoát. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Nếu một người muốn trữ nước, ông ta sẽ để nước trong bình nào trước: (a) trong bình không bị nứt, không để nước rỉ ra và thất thoát; (b) trong bình không bị nứt, nhưng nó để nước rỉ ra và thất thoát; hay (c) trong bình bị nứt, nó để nước rỉ ra và thất thoát?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người đó muốn trữ nước, ông ta sẽ trữ nước trong (a) bình không bị nứt, nó không để nước rỉ ra và thất thoát. Sau khi trữ nước ở đó, ông ta có thể trữ nước trong (b) bình không bị nứt, nhưng nó để nước rỉ ra và thất thoát. Sau khi trữ nước ở đó, có thể ông ta trữ hoặc không trữ nước trong (c) bình bị nứt, nó để nước rỉ ra và thất thoát. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít nước còn có thể được dùng để rửa chén bát dơ.” (vì có để nước trong (c) bình bị nứt cũng bị chảy mất hết thôi)

“Này trưởng thôn, (a) bình nước không bị nứt và không để nước rỉ ra và thất thoát cũng giống như các Tỷ kheo và Tỷ kheo ni đối với ta. Ta chỉ dạy cho họ Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, (b) bình nước không bị nứt nhưng nó để rỉ nước ra và thất thoát giống như những đệ tử tại gia nam và nữ đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của

họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, (c) bình nước bị nứt và nó để nước rỉ ra và thất thoát giống như những tu sĩ, bà-la-môn, và các du sĩ giáo phái khác đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cũng cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít nếu họ chỉ hiểu được một câu ta nói, thì điều đó cũng dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”

Sau khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:07)

42 Người Thối Kèn Vô Ốc

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Nālandā, trong khu Vườn Xoài của gia chủ Pāvārika. Lúc đó có ông trưởng thôn Asibandhakaputta, một đệ tử tại gia của những người Ni-kiền-tử (nigaṇṭha),¹³⁸ đã đến gặp đức Thế Tôn ... Rồi đức Thế Tôn mới nói với ông khi ông đang ngồi một bên:

(1) “Này ông trưởng thôn, theo cách nào ông Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) Nātaputta chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử của mình?”

“Thưa ngài, Ni-kiền-tử Nātaputta chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử như vậy: ‘Ai sát-sinh ... Ai gian-cấp ... Ai tà-dâm tà dục ... Ai nói-dối nói láo thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục. Mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình *thường xuyên* sống’. Thưa ngài, Ni-kiền-tử chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử mình theo cách như vậy.”

- “Này trưởng thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình thường xuyên sống, thì theo như lời của Ni-kiền-tử Nātaputta, sẽ không có ai bị rớt trong cảnh giới đầy đọa, bị rớt trong địa ngục. Ông trưởng thôn, ông nghĩ sao? Như trong trường hợp người sát-sinh, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì cái nào là thường xuyên hơn: thời gian khi ông ta đang sát-sinh, hay thời gian ông ta không sát-sinh?”

“Thưa ngài, như trong trường hợp người sát-sinh, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì thời gian ông ta sát-sinh là ít thường xuyên, thời gian ông ta không sát-sinh là thường xuyên hơn.” (ví dụ một người làm ở lò giết mổ gia súc, thời gian ông ta giết mổ heo bò, chẳng hạn mỗi con 1 phút, mỗi ngày giết 30 con, vẫn ít hơn thời gian sống còn lại của ông ta một ngày)

- “Như vậy, này trưởng thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình thường xuyên sống, thì theo như lời của Ni-kiền-tử Nātaputta, sẽ không có ai bị rớt trong cảnh giới đầy đọa, bị rớt trong địa ngục.

- Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Như trong trường hợp người gian-cấp ... người tà-dâm tà dục ... người nói-dối nói láo, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì cái nào là thường xuyên hơn: thời gian khi ông ta đang lấy trộm lấy cắp ... đang tà-dâm tà dục ... đang nói-dối nói láo, hay thời gian ông ta không làm những điều đó?”

“Thưa ngài, như trong trường hợp người gian-cấp ... người tà-dâm tà dục ... người nói-dối nói láo, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì thời gian ông ta đang lấy trộm lấy cắp ... đang tà-dâm tà dục ... đang nói-dối nói láo là ít thường xuyên, thời gian ông ta không làm những điều đó là thường xuyên hơn.”

- “Như vậy, này trưởng thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình thường xuyên sống, thì theo như lời của Ni-kiền-

từ Nātaputta, sẽ không có ai bị rớt trong cảnh giới đầy đọa, bị rớt trong địa ngục.

(2) “Ở đây, này trưởng thôn, có đạo sư nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: ‘Ai sát-sinh ... Ai gian-cấp ... Ai tà-dâm tà dục ... Ai nói-dối nói láo thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.’ Rồi có đệ tử có toàn niềm-tin vào vị đạo sư. Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Sư thầy của ta nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: “Ai sát-sinh thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.” Giờ ta đã từng sát-sinh, vậy ta ắt sẽ bị rớt trong cảnh giới đầy đọa, bị rớt trong địa ngục.’ Đệ tử đó cứ khẳng khăng một quan-điểm như vậy. Nếu người đó không dẹp bỏ sự khẳng khăng đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không từ bỏ quan-điểm đó, thì đáng theo điều người đó cứ chấp, người đó sẽ rớt trong địa ngục, như thể bị tổng xuống đó. ¹³⁹

- “Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Sư thầy của ta nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: “Ai gian-cấp ... Ai tà-dâm tà dục ... Ai nói-dối nói láo thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.” Giờ ta đã từng tà-dâm tà dục ... từng lấy trộm lấy cắp ... từng nói-dối nói láo, vậy ta ắt sẽ bị rớt trong cảnh giới đầy đọa, bị rớt trong địa ngục.’ Người đệ tử cứ khẳng khăng một quan-điểm như vậy. Nếu người đó không dẹp bỏ sự khẳng khăng đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không từ bỏ quan-điểm đó, thì đáng theo những gì người đó chấp, người đó sẽ rớt trong địa ngục, như thể bị tổng xuống đó.

(3) “Nhưng, này trưởng thôn, ở đây một Như Lai khởi sinh trong thế gian, là bậc A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành (thiện thệ), bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tới thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Theo nhiều cách Như Lai chê trách và phê phán việc sát-sinh và Như Lai nói: ‘Hãy

kiêng cử sát-sinh’. Như Lai chê trách và phê phán việc gian-cấp và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử gian-cấp’. Như Lai chê trách và phê phán việc tà-dâm tà dục và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử việc tà-dâm tà dục’. Như Lai chê trách và phê phán việc nói-dối nói láo và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử nói-dối nói láo’.

- “Rồi một đệ tử có đầy đủ niềm-tin vào Vị Thầy. Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Theo nhiều cách đức Thế Tôn chê trách và phê phán việc sát-sinh và đức Thế Tôn nói: “Hãy kiêng cử sát-sinh”. Giờ ta đã từng sát-sinh như vậy và như vậy. Điều đó là không đúng; điều đó là bất thiện. Nhưng cho dù ta có hối tiếc tới mức nào, thì việc làm xấu ác (tà nghiệp) đó cũng đâu thể nào rút lại (hoàn tác, xí xóa) được.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đệ tử dẹp bỏ việc sát-sinh, và người đó kiêng cử mọi sự sát-sinh trong tương lai. Như vậy là có sự dẹp bỏ việc làm xấu ác đó; ¹⁴⁰ như vậy là có sự chuyển hóa vượt khỏi việc làm xấu ác đó.

- “Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Theo nhiều cách đức Thế Tôn chê trách và phê phán việc gian-cấp ... việc tà-dâm tà dục ... việc nói-dối nói láo và đức Thế Tôn nói: “Hãy kiêng cử gian-cấp” ... “Hãy kiêng cử tà-dâm tà dục” ... “Hãy kiêng cử nói-dối nói láo”. Giờ ta đã từng lấy trộm lấy cắp ... đã từng tà-dâm tà dục ... đã từng nói-dối nói láo. Điều đó là không đúng; điều đó là bất thiện. Nhưng cho dù ta có hối tiếc tới mức nào, thì việc làm xấu ác đó cũng đâu thể nào rút lại được.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đệ tử dẹp bỏ việc gian-cấp ... dẹp bỏ tà-dâm tà dục ... dẹp bỏ nói-dối nói láo, và người đó kiêng cử những việc xấu ác đó trong tương lai. Như vậy là có sự dẹp bỏ những việc làm xấu ác đó; như vậy là có sự chuyển hóa những việc làm xấu ác đó.

- “Sau khi đã dẹp bỏ việc sát-sinh, người đó kiêng cử việc sát-sinh. Sau khi đã dẹp bỏ việc gian-cấp, người đó kiêng cử gian-cấp. Sau khi đã dẹp bỏ việc tà-dâm tà dục, người đó kiêng cử tà-dâm tà dục. Sau khi đã dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cử sự nói-dối nói láo. Sau khi đã

đẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ. Sau khi đã đẹp bỏ lời nói gắt-gồng nạt nộ, người đó kiêng cử lời nói gắt-gồng nộ. Sau khi đã đẹp bỏ sự nói chuyện tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cử sự nói chuyện tầm-phào tán dóc. Sau khi đã đẹp bỏ sự thèm-khát [tham], người đó không còn thèm-khát [bỏ tham]. Sau khi đã đẹp bỏ sự ác-ý và thù-ghét [sân], người đó có một cái tâm không còn sự ác-ý và thù-ghét [bỏ sân]. Sau khi đã đẹp bỏ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), người đó thành người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến).

- “Vậy đó, này trưởng thôn, vị đệ tử thánh thiện đó—là người đã không còn thèm-khát [bỏ tham], không còn sự ác-ý và thù-ghét [bỏ sân], không còn sự ngu-mò [bỏ si], có sự rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ), cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy bên trên, bên dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao rộng], vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Giống như một người giỏi thổi kèn vô ốc thì có thể dễ dàng gửi tín hiệu của mình (tiếng kèn) khắp bốn phương hướng; cũng giống như vậy, khi ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ’ mà được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì mọi nghiệp giới hạn đã từng làm sẽ không còn nữa, không còn có nữa.”¹⁴¹

- Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ vì người khác (tâm hỷ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả), cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy bên trên, bên dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn ... sự tùy-hỷ ... sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn thù ghét, không còn ác ý. Giống như một người giỏi thổi kèn vô ốc thì có thể dễ dàng gửi tín hiệu của mình (tiếng kèn) khắp bốn

phương hướng; cũng giống như vậy, khi ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi’ ... tâm-hỷ’ ... tâm-xả’ mà được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì mọi nghiệp giới hạn đã từng làm sẽ không còn nữa, không còn có nữa.”

Sau khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: : “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:08)

43 Những Gia Đình

Trong một lần đức Thế Tôn, trong khi đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tát-la) cùng với một Tăng đoàn lớn nhiều Tỷ kheo, lúc đó đã đến Nālandā. Đức Thế Tôn ở Nālandā trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika.

Bấy giờ, vào lúc đó vùng Nālandā đang gặp nạn đói, vào lúc khan kiệt, mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng. Vào dịp đó ông Ni-kiền-tử Nātaputta (giáo chủ) cũng đang ở Nālandā với một đoàn lớn nhiều đệ tử của ông. Rồi ông trưởng thôn Asibandhakaputta, một đệ tử tại gia của những người Ni-kiền-tử, đã đến gặp Ni-kiền-tử Nātaputta, kính lễ ông, và ngồi xuống một bên. Rồi Ni-kiền-tử Nātaputta mới nói với ông ta:

“Này ông trưởng thôn, hãy đi bác bỏ giáo lý của sa-môn Cồ-đàm. Rồi tin đồn tốt về ông sẽ lan truyền như vậy: ‘Trưởng thôn Asibandhakaputta đã bác bỏ được giáo lý của sa-môn Cồ-đàm, một người thật uy lực và uy dũng.’”

“Nhưng, thưa ngài, làm sao tôi có thể bác bỏ giáo lý của sa-môn Cồ-đàm, một người thật uy lực và uy dũng?”

“Này trưởng thôn, hãy đến gặp sa-môn Cồ-đàm và hỏi ông ta: ‘Thưa ngài, có phải bậc Thế Tôn bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với các gia đình, sự bảo vệ đối với các gia đình, lòng bi mẫn đối với các gia đình?’ Khi ông ta được hỏi như vậy, nếu ông ta trả lời như vậy: ‘Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với các gia đình, sự bảo vệ đối với các gia đình, lòng bi mẫn đối với các gia đình’, thì ông hỏi tiếp ông ta như vậy: ‘Thưa ngài, vậy thì tại sao bậc Thế Tôn lại đi du hành với một đoàn lớn nhiều Tỳ kheo vào lúc đang có nạn đói, đang lúc khan kiệt, với mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng?’¹⁴² Đức Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì sự khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình hay sao.’ Khi sa-môn Cồ-đàm bị ông đặt vào thế kẹt này, thì ông ta sẽ ngậm bồ hòn đáng chứ không thể nuốt nó xuống hay nhổ nó ra.”

“Dạ, thưa ngài”, trưởng thôn Asibandhakaputta đáp lại. Rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ Ni-kiền-tử Nātaputta, giữ ông ta hướng bên phải mình, và đi ra; và ông đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ông ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn: “Thưa ngài, có phải bậc Thế Tôn bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với những gia đình, sự bảo hộ đối với những gia đình, sự bi mẫn đối với những gia đình?”

- “Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với những gia đình, sự bảo hộ đối với những gia đình, sự bi mẫn đối với những gia đình.”

“Vậy thì, thưa ngài, tại sao bậc Thế Tôn lại đang đi du hành cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo vào lúc đang có nạn đói, vào lúc khan kiệt, mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng? Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì sự khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình hay sao.”

- “Này trưởng thôn, ta nhớ lại trong chín mươi mốt đại kiếp trước, nhưng không thấy có gia đình nào bị tàn hoại chỉ vì cúng dường thức ăn đã nấu. Mặt khác, những gia đình nào giàu có, có nhiều tài sản và của cải, có nhiều vàng và bạc, có nhiều thứ sở hữu và phương tiện sinh sống, đòi đào tiền của và lúa gạo, thì tất cả họ có được như vậy là nhờ sự bố-thí, nhờ sự chân-thật, và nhờ sự tự-chủ.¹⁴³

- “Này trưởng thôn, có tám nguyên-nhân và điều-kiện dẫn tới sự tàn hoại của các gia đình. Các gia đình đi đến sự tàn hoại do (i) bị vua chúa (áp bức, tịch thu), hoặc (ii) bị trộm cướp, hoặc (iii) bị hỏa hoạn, hoặc (iv) bị lũ lụt; hoặc (v) do tiền của dành dụm bị biến mất;¹⁴⁴ (vi) hoặc do công việc làm ăn thất bại vì không tự mình nỗ lực đúng đắn; (vii) hoặc trong gia đình có kẻ hư hỏng phung phí, làm tiêu tán và làm tiêu tan tiền của; và (viii) sự vô-thường là thứ tám. Đó là tám nguyên-nhân và điều-kiện dẫn tới sự tàn hoại những gia đình. Nhưng trong khi có tồn tại tám nguyên nhân dẫn tới sự tàn hoại của những gia đình, nếu ai nói về ta như vậy: ‘Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì sự khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình’, nếu người đó không dẹp bỏ lời khẳng định đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không dẹp bỏ quan-điểm đó, thì người đó sẽ bị đọa xuống địa ngục.”

Sau khi điều này được nói ra, trưởng thôn Asibandhakaputta đã nói với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:09)

44 Trưởng Đoàn Mañicūlaka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy

Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó đoàn tùy tùng của nhà vua đang tề tụ trong cung điện và đang ngồi với nhau thì khởi sinh cuộc nói chuyện như sau: “Vàng bạc là có thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca (tức Phật); các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca chấp nhận vàng bạc.”

Bấy giờ, lúc đó có người trưởng đoàn tên Mañicūlaka cũng đang ngồi ở đó. Rồi ông Mañicūlaka mới nói với đoàn tùy tùng: “Đừng nói như vậy, các thầy. Vàng bạc là không thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca không đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca không chấp nhận vàng bạc.”¹⁴⁵ Và ông Mañicūlaka đã có thể thuyết phục đoàn tùy tùng về điều này.

Rồi ông Mañicūlaka đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, ông kể lại chuyện đã xảy ra, và nói thêm rằng: “Thưa Thế Tôn, con hy vọng khi con trả lời họ như vậy là con đã nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không diễn dịch sai bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó; rằng con đã giải thích cho họ đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở gì để bị (họ) phê bình.”

- “Chắc chắn là vậy, này ông trưởng đoàn, khi ông trả lời họ như vậy là ông đã nói đúng điều đã được nói bởi ta và không diễn dịch sai bằng điều gì trái với điều (ta đã nói) đó; rằng ông đã giải thích cho họ đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở gì để bị (họ) phê bình. Bởi vì, này ông trưởng đoàn, vàng bạc là không thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca không đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca không chấp nhận vàng bạc. Họ đã từ bỏ vàng bạc và châu báu; họ đã từ bỏ việc sử dụng vàng bạc. Khi vàng bạc được nhận bởi bất

cứ ai, thì coi như năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc) được nhận bởi người đó. Nếu năm dây khoái-lạc giác quan được nhận bởi ai, thì chúng ta nhất định có thể coi người đó là người không có phẩm-chất của một tu sĩ (sa-môn) hay của người tu theo người con của dân tộc Thích-ca.

- “Thêm nữa, này ông trưởng đoàn, ta nói điều này: ‘Rạ có thể được tìm kiếm bởi người cần rạ; gỗ có thể được tìm kiếm bởi người cần gỗ; xe có thể được tìm kiếm bởi người cần xe; thợ có thể được tìm kiếm bởi người cần thuê thợ’. Nhưng ta không nói có phương pháp nào qua đó vàng bạc có thể được cho phép hay được tìm kiếm (bởi các Tỷ kheo).”

(SN 42:10)

45 Trưởng Thôn Bhadraka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại một thị trấn tên là Uruvelakappa của những người dân Malla. Rồi có vị trưởng thôn tên Bhadraka đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thật tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con về nguồn-gốc và sự biến-quá của khổ.”

- “Này ông trưởng thôn, nếu như ta dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-quá của khổ trong thời quá khứ, và nói ‘Điều đó đã xảy ra trong thời quá khứ’ thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Và nếu như ta dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-quá của khổ trong thời tương lai, và nói ‘Điều đó xảy ra trong tương lai’ thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Vậy nên, này ông trưởng thôn, trong khi ta đang ngồi ngay đây và ông đang ngồi ngay đây, ta sẽ dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-quá của khổ. Hãy lắng nghe và ông tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Bhadraka đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này::

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê cười mà vì họ trong ông khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

“Dạ có những người đó, thưa Thế Tôn.”

- “Nhưng có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê cười mà vì họ trong ông không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?”¹⁴⁶

“Dạ cũng có những người đó, thưa Thế Tôn.”

- “Vì sao vậy, này ông trưởng thôn, vì sao có những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê cười, vì họ trong ông khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; trong khi có những người khác cũng bị như vậy thì trong ông không khởi sinh như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê cười, vì họ trong con khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng—là vì con có tham-muốn và ràng-buộc đối với những người đó. Nhưng những người khác ở Uruvelakappa khi họ bị vậy trong con không khởi sinh như vậy—là vì con không có tham-muốn và ràng-buộc đối với những người đó.

- “Này trưởng thôn, bằng phương tiện là nguyên lý này mới được nhìn thấy, được hiểu ra, được chứng ngộ tức thì, được xác minh bởi ông, thì ông hãy ứng dụng phương pháp (nguyên lý) này cho quá khứ và tương lai như vậy:¹⁴⁷ ‘Khổ nào đã khởi sinh trong quá khứ, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ. Khổ nào sẽ khởi sinh trong tương lai, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ.’”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo cách điều đó đã được khẳng định bởi đức Thế Tôn: ‘Khổ nào khởi

sinh, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ.’¹⁴⁸ Thưa Thế Tôn, con có một người con trai tên Ciravāsi, sống ở chỗ khác. Sáng sớm con thức dậy, con gọi một người tới và nói: ‘Đi anh, đi coi Ciravāsi có khỏe mạnh an ổn không.’ Trong khi chờ tới khi người đó trở về, trong lòng con cứ buồn lo và nghĩ ngợi: ‘Cầu cho Ciravāsi không gặp sự khó khổ nào!’”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê cười, vì điều đó trong ông có khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, phải không?”

“Thưa Thế Tôn, nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê cười, thì làm sao có thể trong con không khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

- “Cũng theo cách như vậy, này ông trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: ‘Điều gì khởi sinh, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ.’”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Khi chưa gặp vợ ông hoặc chưa nghe về cô ta, ông có tham-muốn, ràng-buộc, hay tình-cảm nào với cô ta không?”

“Không có, thưa Thế Tôn.”

- “Vậy thì, này trưởng thôn, chỉ khi ông gặp cô ta hoặc khi nghe nói về cô ta thì sự tham-muốn, sự ràng-buộc, và tình-cảm đó mới khởi sinh trong chú, phải không?”

“Đạ đúng, thưa Thế Tôn.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như vợ ông bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê cười, vì điều đó trong ông có khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, phải không?”

“Nếu như vợ con bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, thì đời con coi như chẳng còn gì, thì làm sao có thể trong con không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

- “Cũng theo cách như vậy, này trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: ‘Khổ nào khởi sinh, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ.’”

(SN 42:11)

46 Trưởng Thôn Rāsiya

Lúc đó có ông trưởng thôn tên Rāsiya đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe người ta nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm phê phán tất cả mọi sự hành xác khổ hạnh. Đặc biệt ông ta quở trách và phê phán những người tự hành xác là sống thô lỗ.’ Thưa Thế Tôn, có phải những người nói như vậy là đã nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không diễn dịch sai ý đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó? Họ có giải thích đúng theo Giáo Pháp để không tạo ra cơ sở nào để bị người ta phê bình, hay không?”

“Này trưởng thôn, những người nói như vậy là không nói đúng điều đã được ta nói mà diễn dịch sai ý ta bằng sự sai giả và trái sự thật.

(I)

“Này trưởng thôn, có hai cực đoan không nên tu dưỡng bởi người đã xuất gia tu hành, đó là: (i) sự theo đuổi hạnh-phúc nhục dục trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc), điều đó là thấp hèn, phạm tục, là cách sống của những người phạm tục, không thánh thiện, không lợi lạc; và (ii) sự theo đuổi sự hành xác khổ hạnh, đó là đau đớn, không thánh thiện, không lợi lạc. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai đã giác ngộ được con

đường trung-đạo, nó giúp khởi sinh sự-thấy, nó giúp khởi sinh sự-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Và cái gì là con đường trung-đạo được giác ngộ bởi Như Lai, nó giúp khởi sinh sự-thấy ... dẫn tới Niết-bàn? Đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến ... chánh-định. Đây là con đường trung-đạo đã được giác ngộ bởi Như Lai, nó giúp khởi sinh sự-thấy, nó giúp khởi sinh sự-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.¹⁴⁹

(II)

“Này trưởng thôn, đây là ba loại người thụ hưởng dục-lạc [khoái-lạc giác quan] thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?¹⁵⁰

(1) “Ở đây, này trưởng thôn, có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *phi pháp, bằng bạo lực*. Sau khi làm như vậy, người đó *không* làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *không* chia sẻ của-cải và không làm những việc công đức.

(2) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *phi pháp, bằng bạo lực*. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng *không* chia sẻ của-cải và không làm những việc công đức.

(3) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *phi pháp, bằng bạo lực*. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ của-cải và làm những việc công đức.

(4) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *cả hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực*. Sau khi làm vậy, người đó *không* làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *không* chia sẻ của-cải và không làm những việc công đức.

(5) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách cả hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng *không* chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(6) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức.

(7) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *hợp pháp, không bạo lực*. Sau khi làm vậy, người đó *không* làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *không* chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(8) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng *không* chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(9) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức—(tuy là tốt) Nhưng người này sử dụng tài sản trong khi *bị trói buộc vào nó*, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; *không* nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, *không* hiểu được sự thoát-khỏi nó.

(10) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức—Và (còn tốt hơn nữa) người này biết sử dụng tài sản mà *không bị trói buộc vào nó*, không mê đắm với nó, không bị cuốn

hút một cách mù quáng trong nó; có nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, có hiểu được sự thoát-khỏi nó.

(III)

(1) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(2) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này.

(3) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

(4) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể

bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(5) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này.

(6) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

(7) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a). Và dựa trên dựa trên 02 căn cứ nào người đó bị chê trách?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 01 căn cứ này và bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này.

(8) “Trong đó, này trưởng thôn, người hưởng khoái-lạc giác quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân

mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (c). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a) và (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

(9) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức, nhưng (d) người này sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 03 căn cứ, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (d). Và dựa trên 03 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 03 căn cứ này, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này.

(10) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức, và (d) người này sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 04 căn cứ. Dựa trên 04 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a), (b), (c), (d). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 04 căn cứ này.

(IV)

“Này trưởng thôn, đây là ba loại tu sĩ sống thô lỗ này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?

(1) “Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành với ý nghĩ như vậy: ‘Có lẽ ta sẽ thành tựu một trạng thái thiện lành; có lẽ ta sẽ chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân (siêu phàm, xuất chúng) của sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) xứng đáng của bậc thánh.’ Người đó hành xác và hành khổ bản thân, nhưng *không* thành tựu một trạng thái thiện lành nào, và cũng *không* chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh.”¹⁵¹

(2) “Rồi, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin ... Người đó hành xác và hành khổ bản thân, và *có* thành tựu được một trạng thái thiện lành, nhưng *không* chứng ngộ sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh.

(3) “Rồi, này trưởng thôn, cũng có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin ... Người đó hành xác và hành khổ bản thân, và *có* thành tựu được một trạng thái thiện lành, và cũng *có* chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh.

(V)

(1) “Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ (a) sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, nhưng (b) *không* thành tựu một trạng thái thiện lành nào, và (c) cũng *không* chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh, thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(2) “Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ (a) sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, và (b) *có* thành tựu một trạng thái thiện lành, nhưng (c) *không* chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh, thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (a) và (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được

khen?: (b). Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen ngợi dựa 01 căn cứ này.

(3) “Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ (a) sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, và (b) có thành tựu một trạng thái thiện lành, và có chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân của sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh, thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen ngợi dựa 02 căn cứ này.

(VI)

“Này trưởng thôn, có ba loại sự phai-mòn¹⁵² là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí. Ba đó là gì?

(1) “Có người là tham dục (tham), và do có tham dục người đó ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Khi tham dục được dẹp bỏ, thì người đó không ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Sự phai-mòn (của tham) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí.

(2) “Có người là đầy sự ghét (sân), và do có sự ghét người đó ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Khi sự ghét được dẹp bỏ, thì người đó không ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Sự phai-mòn (của sân) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí.

(3) “Có người là ngu mờ (si), và do bị ngu mờ người đó ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Khi sự ngu mờ được dẹp bỏ, thì người đó không ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Sự phai-mòn (của si) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí.

“Này trưởng thôn, đây là ba loại sự phai-mòn là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí.”

Sau khi điều này được nói ra, trưởng thôn Rāsiya đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:12)

47 Trưởng Thôn Pāṭaliya

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những xứ dân Koliya (Câu-lợi) trong một thị trấn của họ có tên là Uttara. Lúc đó có ông trưởng thôn tên Pāṭaliya đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật’.¹⁵³ Thưa Thế Tôn, con hy vọng những người nói như vậy là nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không nói sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó; là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và không tạo cơ sở có lý nào để bị phê bình. Bởi vì chúng con không muốn nói sai lời đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn.”

- “Này trưởng thôn, những ai nói ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật’ là họ nói đúng điều đã được nói bởi ta và không nói sai lời của ta bằng điều

gì không thật; là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo cơ sở có lý nào để bị (người khác) phê bình.”

“Rồi nữa, thưa Thế Tôn, chúng con đã không tin sự thật đơn giản mà những tu sĩ và bà-la-môn đã khẳng định, rằng ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật.’ Đúng thực sa-môn Cồ-đàm là một nhà bùa thuật!”¹⁵⁴

- “Này trưởng thôn, bộ hễ ai nói ‘tôi biết bùa thuật’ thì cũng đồng nghĩa ‘tôi là một nhà bùa thuật’ hay sao?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành!”

- “Vậy thì, này trưởng thôn, ta sẽ hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được.

(I)

(1) “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông có biết những người Koliya (Câu-lợi) có những người cai làm thuê có búi tóc thông xuống?”¹⁵⁵

“Con có biết, thưa Thế Tôn.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Công việc của những người làm cai thuê có búi tóc thông xuống đó là gì?”

“Thưa Thế Tôn, công việc của họ là canh bắt kẻ trộm cướp cho những người Koliya và đưa tin cho những người Koliya.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông có biết những người làm cai thuê có búi tóc thông xuống đó là có đức hạnh hay thất đức, hay không?”

“Thưa Thế Tôn, con biết những người đó là thất đức, có tính khí xấu. Họ nằm trong số những người thất đức, có tính khí xấu, trong thế gian.”

- “Vậy có đúng khi nói rằng do ông Pāṭaliya biết những người làm cai thuê có búi tóc thông xuống đó là thất đức, có tính khí xấu, nên chắc ông Pāṭaliya cũng là thất đức, có tính khí xấu, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Con thì khác với những người cai thuê có búi tóc thông xuống đó; tính khí của con và họ khác nhau.”

- “Vậy nếu ông có thể biết những người làm cai thuê đó là thất đức trong khi ông không phải là thất đức; thì tương tự, Như Lai biết về bùa thuật đâu có nghĩa Như Lai là nhà bùa thuật, đúng vậy không? Ta hiểu về bùa thuật và hậu quả của nó. Và ta hiểu cách những nhà bùa thuật hành sự ra sao, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

(2) “Ta hiểu sự sát-sinh và hậu quả của nó. Và ta hiểu cách những người sát-sinh hành sự ra sao, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Ta hiểu sự gian-cấp ... sự tà dục tà-dâm ... sự nói-dối nói láo ... sự nói lời gây chia-rẽ ... sự nói lời gắt-gồng nạt nộ ... sự nói chuyện tầm-phào tán dóc ... sự thèm-khát [tham] ... sự ác-ý và sự ghét-thù [sân] ... cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và hậu quả của sự gian-cấp hậu quả của cách-nhìn sai lạc. Và ta hiểu cách những người gian-cấp những người nắm giữ cách-nhìn sai lạc hành sự ra sao, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.”

(II)

“Có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm này: ‘Ai sát-sinh thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này. Ai gian-cấp ... Ai tà-dâm tà dục ... Ai nói-dối nói láo thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này.’

(1) (a) “Nhưng chúng ta có thể thấy: có người, đeo vòng hoa và trang điểm, tắm rửa sạch sẽ và xức dầu thơm, tóc và râu được chải chuốt, thụ hưởng khoái-lạc nhục dục với những phụ nữ, giống như một ông vua. Ai

thấy cũng muốn hỏi: ‘Thưa ông, ông đó đã làm gì?’ Và họ trả lời: ‘Thưa anh, ông ta đã tấn công và *giết* kẻ thù của nhà vua. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy. Cho nên ông ấy mới được đeo vòng hoa và trang điểm, tắm rửa sạch sẽ và xức dầu thơm, tóc và râu được chải chuốt, thụ hưởng khoái-lạc nhục dục với những phụ nữ, giống như một ông vua.’

- (b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng bằng dây thừng chắc chắn. Đầu bị cạo và ông ta bị dẫn bước đi theo tiếng trống oái ăm từ đường này qua đường khác, từ khu này qua khu khác. Sau đó ông bị dẫn qua cửa thành phía nam, và họ chặt đầu ông ta ở phía nam khu thành. Ai thấy cũng muốn hỏi: ‘Thưa ông, ông ấy đã làm gì?’ Và họ trả lời: ‘Thưa anh, ông ta là kẻ thù của nhà vua, và ông ta mới *giết* một người.’ Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy chưa?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

- “Từ những chuyện như vậy, có thể nói những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai sát-sinh thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.”

- “Nhưng những ai nói lời vô căn cứ, sai giả là có đức hạnh hay thất đức?”

“Thất đức, thưa Thế Tôn.”

- “Và những ai là thất đức, có tính khí xấu, thì đang hành sự đúng đắn hay sai trái?”

“Họ đang hành sự sai trái, thưa Thế Tôn.”

- “Và những ai đang hành sự sai trái thì có quan-điểm đúng đắn hay sai lạc?”

“Họ có quan-điểm sai lạc, thưa Thế Tôn.”

- “Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(2) (a) “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm ... ‘Thưa anh, ông ta đã tấn công kẻ thù của nhà vua và *cướp đoạt* của quý châu báu của họ. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy ...’

- (b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng ... ‘Thưa anh, ông ta *lấy cắp* đồ trong làng hay trong rừng. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Nay trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

- “Từ những chuyện như vậy, có thể nói những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai sát-sinh thì nếm trái khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’

“Họ sai, thưa Thế Tôn.” ... *(như đoạn (1) kể trên)* ...

- “Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(3) (a) “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm ... ‘Thưa anh, ông ta đã *tà-dâm tà dục* với những thê thiếp của một ông vua là kẻ thù của nhà vua này. Nhà vua này vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy ...’

- (b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng ... ‘Thưa anh, ông ta đã *tà-dâm tà dục* với mấy phụ nữ và hầu nữ của những gia đình hoàng. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Nay trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

- “Từ những chuyện như vậy, có thể nói những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai sát-sinh thì nếm trái khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.” ...

- “Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(4) (a) “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm ... ‘Thưa anh, ông ta đã bày chuyện *nói dối, nói bịa, nói nịnh* để làm vui lòng nhà vua. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy ...’

- (b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng ... ‘Thưa anh, ông ta đã *nói dối nói lừa dụ dỗ* một con trai của một gia chủ để cho anh ta trở thành hư hỏng suy đồi. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Nay trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

- “Từ những chuyện như vậy, có thể nói những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai sát-sinh thì nếm trái khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.” ...

- “Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(III)

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa đức Thế Tôn! Con có một nhà khách, ở đó có đủ giường chiếu, chỗ ngồi, bình nước, và đèn dầu. Khi nào có một tu sĩ hay bà-la-môn đến ở, con đều chia sẻ những gì tốt nhất con có được. Rồi có một lần, có bốn sư thầy khác nhau cùng đến ở trong nhà khách, họ có bốn quan-điểm khác nhau.

[1] “Một sư thầy có giáo thuyết và quan-điểm như vậy:¹⁵⁶ (đối với ông ta) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]

[2] “Một sư thầy khác thì có giáo thuyết và quan-điểm như vậy: (đối với ông ta) [‘Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]

[3] “Một sư thầy khác lại có giáo thuyết và quan-điểm như vậy:¹⁵⁷ (đối với ông ta) [‘Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động; khi đánh đập hoặc khiến người khác đánh đập, khi hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ; khi gây đau buồn hoặc khiến người khác gây đau buồn; khi áp bức hoặc khiến người khác áp bức; khi đe dọa hoặc khiến người khác đe dọa, khi sát-sinh, gian-cấp đột nhập nhà cửa, trộm cướp của cải, cướp giật, chặn cướp ngoài đường, dụ dỗ vợ người khác, nói-dối nói láo—người làm vậy là không gây tội ác gì. Nếu, với một bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đồng thịt, thành một núi thịt, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí và khiến người khác bố thí, cúng dường và khiến người khác cúng dường, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì. Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.’]

[4] “Một sư thầy khác lại có giáo thuyết và quan-điểm như vậy: (đối ông ta) [‘Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động; khi đánh đập hoặc khiến người khác đánh đập ... nói-dối nói láo—người làm vậy là gây tội ác. Nếu, với một bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đồng thịt, thành một núi thịt, làm vậy là gây ra tội ác và có ác quả. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, làm vậy là gây ra tội ác và có ác quả. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí và khiến người khác bố thí, cúng dường và khiến người khác cúng dường, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả. Bằng sự bố-thí, bằng

sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiểm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả.’]

“Thưa Thế Tôn, ở đây đã khởi sinh trong con sự bối rối và nghi-ngờ: ‘Trong số những tu sĩ và bà-la-môn đáng kính đó ai là nói đúng, ai là nói sai?’”

- “Này trưởng thôn, điều đó cũng hợp lý khi ông bị bối rối, cũng hợp lý khi ông có nghi ngờ. Sự nghi ngờ đã khởi sinh trong ông về một vấn đề còn gây bối rối đáng ngờ.”

“Con có niềm-tin vào đức Thế Tôn như vậy: ‘Đức Thế Tôn có khả năng chỉ dạy cho con Giáo Pháp theo cách để con có thể dẹp bỏ được sự bối rối này.’”

(IV)

- “Này trưởng thôn, có ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này.¹⁵⁸ Và, này trưởng thôn, cái gì là sự định-tâm của Giáo Pháp?

(1) “Ở đây, này trưởng thôn, sau khi đã dẹp bỏ việc sát-sinh, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự sát-sinh. Sau khi đã dẹp bỏ việc gian-cấp, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn việc gian-cấp. Sau khi đã dẹp bỏ việc tà-dâm tà dục, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự tà-dâm tà dục. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói-dối nói láo, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự nói-dối nói láo. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói lời gây chia-rẽ, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự nói lời gây chia-rẽ. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói lời gắt-gồng nạt nộ, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự nói lời gắt-gồng nạt nộ. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói chuyện tầm-phào tán dóc, người đệ tử thánh thiện kiêng cử hẳn sự nói chuyện tầm-phào tán dóc. Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham), người đó hết thèm-muốn (hết tham). Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và sự ghét-thù (sân), người đó có một cái tâm không

còn sự ác-ý (hết sân). Sau khi đã dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), người đó là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). *[tu tốt phần giới-hạnh]*

“Rồi, này trưởng thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn sự thèm-khát (tham), không còn sự ác-ý (sân), không còn sự ngu-mờ (si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự **từ-ái** *[tâm từ]*; và tương tự với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy phương trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như bản thân mình, người đó an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, lớn rộng, bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vợi], vô lượng, không còn sự hung-dữ, không còn sự ác-ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Su thầy **[1]** này nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: (đối với ông ta) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí) ... không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] Nếu lời nói của ông thầy **[1]** này là đúng, thì điều đó cũng đâu thể chuyển đổi gì đối với tôi¹⁵⁹ vì tôi không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Cho dù lời đó đúng hay sai thì đằng nào tôi cũng nắm phần thắng (phần an toàn, lành):¹⁶⁰ dù gì tôi cũng đã giới-hạnh về thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan-hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phần khởi bởi sự khoan-khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh-phúc trở nên đạt-định. *[tu tốt phần thiền-định]*

“Này trưởng thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này.

(2) “Rồi, này trưởng thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn sự thèm-khát (tham), không còn sự ác-ý (sân), không còn sự ngu-mờ (si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự **từ-ái** [*tâm từ*] ... không còn sự ác-ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Su thầy [2] này nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: (đối với ông ta) [‘Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí) ... có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] Nếu lời nói của ông thầy [2] này là đúng, thì điều đó cũng đâu thể chuyển đổi gì đối với tôi vì tôi không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Cho dù lời đó đúng hay sai thì đằng nào tôi cũng nắm phần thắng: dù gì tôi cũng đã giới-hạnh về thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan-hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phân khởi bởi sự khoan-khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh-phúc trở nên đạt-định. [*tu tốt phần thiên-định*]

“Này trưởng thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này.

(3) “Rồi, này trưởng thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn sự thèm-khát (tham), không còn sự ác-ý (sân), không còn sự ngu-mờ (si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm

một phương với một cái tâm thấm đẫm sự **từ-ái** [*tâm từ*] ... không còn sự ác-ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Su thầy [3] này nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: (đối với ông ta) [‘Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động ... —người làm vậy là không gây tội ác gì ... Bằng sự bố-thí, bằng sự thuận-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.’] Nếu lời nói của ông thầy [3] này là đúng, thì điều đó cũng đâu thể chuyển đổi gì đối với tôi vì tôi không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Cho dù lời đó đúng hay sai thì đằng nào tôi cũng nắm phần thắng: dù gì tôi cũng đã giớ-hạnh về thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan-hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phấn khởi bởi sự khoan-khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh-phúc trở nên đạt-định. [*tu tốt phần thiền-định*]

“Này trưởng thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này.

(4) “Rồi, này trưởng thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn sự thèm-khát (tham), không còn sự ác-ý (sân), không còn sự ngu-mờ (si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự **từ-ái** [*tâm từ*] ... không còn sự ác-ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Su thầy [4] này nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: (đối với ông ta) [‘Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động ... —người

làm vậy là gây tội ác ... Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả.’] Nếu lời nói của ông thầy [4] này là đúng, thì điều đó cũng đâu thể chuyển đổi gì đối với tôi vì tôi không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Cho dù lời đó đúng hay sai thì đằng nào tôi cũng nắm phần thắng: dù gì tôi cũng đã giới-hạnh về thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan-hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phần khởi bởi sự khoan-khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh-phúc trở nên đạt-định. *[tu tốt phần thiền-định]*

“Này trưởng thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này.

(V)

[Giống các đoạn (IV) - (1), (2), (3), (4) kể trên, chỉ khác “sự từ-ái” [tâm từ] được thay bằng “sự bi-mẫn” [tâm bi].]

(VI)

[Giống các đoạn (IV) - (1), (2), (3), (4) kể trên, chỉ khác “sự từ-ái” [tâm từ] được thay bằng “sự tùy-hỷ” [tâm hỷ].]

(VII)

[Giống các đoạn (IV) - (1), (2), (3), (4) kể trên, chỉ khác “sự từ-ái” [tâm từ] được thay bằng “sự buông-xả” [tâm xả].]

Khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Pāṭaliya đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:13)

48 *Khemā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có Tỳ kheo ni Khemā¹⁶¹ trong khi đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tát-la), đã chọn nơi tạm trú ở Toraṇavatthu nằm giữa Sāvathī và Sāketa. Rồi Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala, trong khi đang đi từ Sāketa đến Sāvathī, cũng đã chọn nơi tạm trú một đêm ở Toraṇavatthu nằm giữa Sāketa và Sāvathī. Lúc đó Vua Pasenadi của xứ Kosala đã nói với một người như vậy: “Này khanh, hãy đi tìm coi có tu-sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn nào đang ở Toraṇavatthu để ta có thể viếng thăm hôm nay.”

“Dạ, thưa đại vương”, người đó đáp lại. Ông ta thăm dò hết cả vùng Toraṇavatthu nhưng không thấy có tu sĩ hay bà-la-môn nào ở đó để Vua Pasenadi có thể đến thăm. Tuy nhiên ông ta thấy có Tỳ kheo ni Khemā đang trú ở Toraṇavatthu, nên ông về thưa với nhà vua:

“Thưa đại vương, không có tu sĩ và bà-la-môn nào có ở Toraṇavatthu để đại vương đến thăm. Nhưng, thưa đại vương, có Tỳ kheo ni tên là Khemā, một đệ tử của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Hiện những tin đồn tốt về bậc nữ tu này như vậy: ‘Ni ấy là bậc trí, giỏi giã, thông minh, học rộng, là một người thuyết giảng hay khéo, có biện tài.’ Vậy đại vương có thể ghé thăm ni ấy.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp Tỳ kheo ni Khemā, kính lễ ni, ngồi xuống một bên và thưa với ni ấy:

(1) “Thưa đức ni, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”¹⁶²

- “Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

(2) “Vậy là, thưa đức ni, Như Lai không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đại vương, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết.’”

(3) “Vậy là sao, thưa đức ni, Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết.’”

(4) “Vậy thì, thưa đức ni, Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đại vương, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy là sao, thưa đức ni? Khi được hỏi: ‘Thưa đức ni, là sao, Nhu Lai hiện hữu sau khi chết?’ ... Và khi được hỏi ‘Vậy thì, thưa đức ni, Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?’—trong mỗi trường hợp ni đều nói: ‘Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này.’ + Bây giờ, thưa đức ni, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (*)

- “Vậy thì, này đại vương, tôi sẽ hỏi đại vương cũng về vấn đề này. Cứ trả lời nếu đại vương thấy được. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ngài có một người tính toán, hay một kẻ toán, hay một nhà toán học nào có thể đếm số hạt cát của sông Hằng và nói như vậy: ‘Có rất nhiều hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều trăm hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều ngàn hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều trăm ngàn hạt cát’, hay không?”

“Không, thưa đức ni.”

- “Vậy thì, này đại vương, ngài có một người tính toán, hay một kẻ toán, hay một nhà toán học nào có thể đếm số nước của đại dương và nói như vậy: ‘Có rất nhiều gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều trăm gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều ngàn gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều trăm ngàn gàu nước’, hay không?”

“Không, thưa đức ni. Vì lý do gì? Bởi vì đại dương là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước.”

- “Cũng giống như vậy, ¹⁶³ này đại vương, nếu ai mô tả Như Lai qua sắc-thân [sắc], thì sắc-thân đó Như Lai đã dẹp bỏ, đã cắt bỏ tận gốc, đã làm nó thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Này đại vương, Như Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính (tính toán, ước tính, quy tính) về mặt sắc-thân; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. ¹⁶⁴ Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng được.

- “Nếu ai mô tả Như Lai qua cảm-giác [thọ] ... qua nhận-thức [tưởng] ... qua những sự tạo-tác cố ý [hành] ... qua thức [thức], thì thức đó Như Lai đã dẹp bỏ, đã cắt bỏ tận gốc, đã làm nó thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Này đại vương, Như Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính về mặt thức; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng được.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo ni Khemā, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức ni, giữ ni ở hướng bên phải mình, và đi ra.

Rồi, trong một dịp sau đó, Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp đức Thế Tôn, ông kính lễ, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

[Tiếp tục giống nội dung các câu trả lời như đoạn ở trên, cho tới:]

- “Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy là sao, thưa Thế Tôn? Khi được hỏi ‘Thưa Thế Tôn, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?’ ... Và khi được hỏi ‘Vậy thì, thưa Thế Tôn, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?’—trong mỗi trường hợp Thế Tôn đều trả lời: ‘Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này.’ + Bây giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (*)

- “Vậy thì, này đại vương, ta sẽ hỏi đại vương cũng về vấn đề này. Cứ trả lời nếu đại vương thấy được. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ngài có một người tính toán, hay một kẻ toán, hay một nhà toán học nào ... *[Tiếp tục giống nội dung mà Tỳ kheo ni Khemā đã nói ở trên, cho tới:]* Này đại vương, Như Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính về mặt thức; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng được.”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của Vị Thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau,

và không khác biệt nhau về vấn đề chính. ¹⁶⁵ Thưa Thế Tôn, trong một lần trước con có đến gặp Tỳ kheo ni Khemā và đã hỏi ni ấy về vấn đề này. Đức ni đó cũng đã giải thích vấn đề này bằng những từ ngữ và câu chữ y hệt như đức Thế Tôn mới dùng để giải thích. Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của Vị Thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính. Thưa Thế Tôn, bây giờ chúng con phải đi. Chúng con đang bận bịu và có nhiều việc phải làm.”

“Vậy thì, này đại vương, ngài cứ tùy tiện mà đi.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra.

(SN 44:01)

(IV) Quyển 5:

49 # Con Đường

Ở Sāvatthī.

- “Này các Tỳ kheo, cho dù đối với người tại gia hay xuất gia, ta không đề cao con-đường sai lạc (tà đạo). Cho dù là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách sai lạc, thì bởi do con-đường tu tập sai lạc người đó sẽ không đạt được phương pháp, đó là Giáo Pháp thiện lành. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là con-đường sai lạc. Cho dù là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách sai lạc, thì bởi do con-đường tu tập sai lạc người đó sẽ không đạt được phương pháp, là Giáo Pháp thiện lành.

- “Này các Tỳ kheo, cho dù đối với người tại gia hay xuất gia, ta luôn đề cao con-đường đúng đắn (chánh đạo). Cho dù là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách đúng đắn, thì bởi nhờ con-đường tu tập đúng đắn người đó sẽ đạt được phương pháp, đó là Giáo Pháp thiện lành.¹⁶⁶ Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường đúng đắn? Đó là: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là con-đường đúng đắn. Cho dù đó là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách đúng đắn, thì bởi nhờ con-đường tu tập đúng đắn người đó sẽ đạt được phương pháp, là Giáo Pháp thiện lành.

(SN 45:24)

50 (5) Bà-la-môn Saṅgārava

Ở Sāvattthī.¹⁶⁷

Lúc đó có bà-la-môn tên là Saṅgārava đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, (I) cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có nhiều lúc các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày lại không nhớ được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng? (II) Và tại sao nhiều lúc các kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn nhớ được lâu trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày?”

(I) [*Tại sao một người không nhớ được những kinh kệ?*]

(1) “Này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm **bị** ám muội bởi (chươngng-ngại) *tham-dục* (tham), bị chiếm ngự bởi tham-dục, và người đó không hiểu ‘*sự thoát-khỏi tham-dục*’ đúng như nó thực là,¹⁶⁸ thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học

tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu đựng nước có pha thuốc nhuộm màu đỏ, vàng, xanh, hay màu gấc (*hàm chỉ đủ loại tham-dục*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó (khuôn mặt) đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *tham-dục* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(2) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự ác-ý* (sân), bị chiếm ngự bởi *sự ác-ý*, và người đó không hiểu ‘*sự thoát-khỏi sự ác-ý*’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước được nấu bằng lửa, đang nổi bọt và sôi sục (*hàm chỉ sự ác-ý, sự sân hận*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự ác-ý* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(3) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ* (hôn trầm thụy miên), bị chiếm ngự bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*, và người đó không hiểu ‘*sự thoát-khỏi sự đờ-*

đẫn và buồn-ngủ’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, ví dụ có chậu nước bị che phủ bởi rong rêu và tảo (*hàm chỉ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(4) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự bất-an và hối-tiếc* (trạo cử hối quá), bị chiếm ngự bởi *sự bất-an và hối-tiếc*, và người đó không hiểu ‘*sự thoát-khỏi sự bất-an và hối-tiếc*’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, ví dụ có một cái chậu nước bị thổi bởi gió, chao động, xoáy động, khuấy động thành sóng nhỏ (*hàm chỉ sự bất-an và hối-tiếc*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự bất-an và hối-tiếc* ... mặc dù

các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

(5) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự nghi-ngờ* (nghi), bị chiếm ngự bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu ‘*sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ*’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước đục ngầu, không lắng trong, đầy bùn đất, được đặt trong chỗ tối (*hàm chỉ sự nghi-ngờ, sự chưa thấy rõ*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự nghi-ngờ* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

(II) [*Tại sao một người nhớ được những kinh kệ?*]

(1)-(5) “Này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm **không bị** ám muội bởi (chướng-ngại) *tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc*, và *sự nghi-ngờ*, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

“Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước *không bị* pha tạp bởi thuốc nhuộm; không nổi bọt và sôi sục; không bị che phủ bởi rong rêu và tảo; không bị khuấy động bởi gió và chao động thành sóng; được trong sạch, lắng trong, trong suốt, được đặt ở chỗ sáng. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ biết và thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một sống với một cái tâm *không bị* ám muội bởi *tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc*, và *sự nghi-ngờ*, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

“Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

(III) “Này bà-la-môn, có ‘bảy chi giác-ngộ’ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* là sự không trở-ngại ... Chi giác-ngộ là *sự buông-xả* là sự không trở-ngại ... sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát.

Sau khi lời tuyên thuyết này được nói ra, bà-la-môn Saṅgārava đã thưa với đức Thế Tôn rằng: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! ... Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 46:55)

51 Abhaya

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó Hoàng tử Abhaya đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:¹⁶⁹

“Thưa Thế Tôn, ông Pūraṇa Kassapa (Phú-lan-na Ca-diếp) nói rằng: ‘Không có nguyên-nhân (nhân) và điều-kiện (duyên) nào gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy; sự thiếu sự-biết và sự-thấy là không có nguyên-nhân và điều-kiện. Không có nguyên-nhân và điều-kiện nào làm ra sự-biết và sự-thấy; sự-biết và sự-thấy là không có nguyên-nhân và điều-kiện.’¹⁷⁰ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

- “Này hoàng tử, có nguyên-nhân và điều-kiện gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy; sự thiếu sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện. Có nguyên-nhân và điều-kiện làm ra sự-biết và sự-thấy; sự-biết và sự-thấy có nguyên-nhân và điều-kiện.”

[i. Nguyên Nhân của sự thiếu sự-biết và sự-thấy]

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy? Theo cách nào thì sự thiếu sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện?”

- “Này hoàng tử, trong trường hợp khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *tham-dục*, bị chiếm ngự bởi *tham-dục*, và người đó không hiểu ‘*sự thoát-khỏi tham-dục*’ đúng như nó thực là: đây là nguyên-nhân và điều-kiện gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy; chính theo cách như vậy sự thiếu sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện.

“Lại nữa, này hoàng tử, trong trường hợp khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự ác-ý ... sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ... sự bất-an và hối-tiếc ... sự nghi-ngờ*, bị chiếm ngự bởi *sự nghi-ngờ*, và người đó không hiểu ‘*sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ*’ đúng như nó thực là: đây là nguyên-nhân

và điều-kiện gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy; chính theo cách như vậy sự thiếu sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện.”

“Thưa Thế Tôn, lời giảng giải Giáo Pháp này được gọi là gì?”

- “Này hoàng tử, đây được gọi là *những chướng-ngại*.”

“Chắc chắn chúng là những chướng-ngại, thưa Thế Tôn! Chắc chắn chúng là những chướng-ngại, thưa Bạc Phúc Lành! Người bị chi phối thậm chí bởi một trong những chướng-ngại đó cũng không biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là, nói chi đến người bị chi phối bởi cả năm chướng-ngại.

[ii. Nguyên Nhân của Sự-Biết và Sự-Thấy]

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện của sự-biết và sự-thấy? Theo cách nào sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện?”

- (1) “Ở đây, này hoàng tử, một Tỷ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Với một cái tâm đã tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, người đó biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Đây là nguyên nhân làm nên sự-biết và sự-thấy; chính theo cách như vậy sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện

- (7) “Lại nữa, này hoàng tử, một Tỷ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Với một cái tâm đã tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả, người đó biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Đây là nguyên nhân làm nên sự-biết và sự-thấy; chính theo cách như vậy sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện.”

“Thưa Thế Tôn, lời giảng giải Giáo Pháp này được gọi là gì?”

“Này hoàng tử, đây được gọi là *những chi giác-ngộ*.”

“Chắc chắn chúng là những chi giác-ngộ, thừa Thế Tôn! Chắc chắn chúng là những chi giác-ngộ, thừa Bạc Phúc Lành! Người có-được thậm chí một chi giác-ngộ cũng thấy và biết mọi sự đúng như chúng thực là, nói chi đến người có-được bảy chi giác-ngộ. Sự mệt mỏi của thân và sự mệt mỏi của tâm mà con đã ném trái khi leo lên Đỉnh Núi Kền Kền này giờ đã lặn mất. Con đã thâm nhập vào Giáo Pháp.” (tức chứng nhập thánh quả Nhập-lưu)¹⁷¹

(SN 46:56)

52 Một Bà-la-môn

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cô-đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao Giáo Pháp đích thực (chân pháp, chánh pháp) không tồn tại lâu sau khi một Như Lai Bát-niết-bàn? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao Giáo Pháp đích thực tồn tại lâu sau khi một Như Lai Bát-niết-bàn?”

“Này bà-la-môn, chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ không được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Và chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Bốn đó là gì? Ở đây, này bà-la-môn, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ không được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Và chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn.”

Sau khi điều này được nói ra, Bà-la-môn đó đã thưa với đức Thế Tôn: ‘Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! ... Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm nhi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.’”

(SN 47:25)

53 Gia Chủ Sirivaḍḍha

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bảy Sóc. Lúc đó có gia chủ tên Sirivaḍḍha đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi gia chủ Sirivaḍḍha đã nói với một người như vậy:

“Này, người tốt, hãy đến gặp Ngài Ānanda, nhân danh ta cúi đầu dưới chân thầy ấy để kính lễ, và thưa: ‘Thưa thầy, gia chủ Sirivaḍḍha đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết; ông ấy xin cúi đầu dưới chân thầy để kính lễ.’ Rồi thưa tiếp rằng: ‘Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Ānanda đến gia cư để thăm gia chủ Sirivaḍḍha, vì lòng bi-mẫn.’”

“Dạ được, thưa ông chủ”, người đó đáp lại, và ông ta đi đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn của gia chủ. Thầy Ānanda đồng ý trong im lặng.

Rồi, vào buổi sáng, thầy Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà gia chủ Sirivaḍḍha. Rồi thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với gia chủ Sirivaḍḍha:

“Này gia chủ, tôi hy vọng chú đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng chú đang đỡ hơn. Tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của chú đang lắng lặn, chứ không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa thầy, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ.”

“Này gia chủ, vậy chú nên tu tập bản thân như vậy: ‘Ta sẽ an trú quán sát thân **trong thân**, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Ta sẽ an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.’ Ông nên tu tập bản thân theo cách như vậy.”

“Thưa thầy, đối với ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn—những điều (sự thiền quán) đó có mặt ở trong con, và con sống đúng theo những điều đó. Thưa thầy, con an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Và đối với năm gông-cùm thấp hơn đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy còn cái nào chưa được dẹp-bỏ trong con.”

“Này gia chủ, đó là sự đạt-được (lợi ích, chứng đắc) của chú! Này gia chủ, nó đã khéo đạt-được bởi chú! Này gia chủ, như vậy là chú đã tuyên bố thánh quả Bất-lai.”

(SN 47:29)

54 Mānadinna

Tình huống như kinh kể trên. Bảy giờ, lúc đó có gia chủ tên Mānadinna đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi gia chủ Mānadinna đã nói với một người như vậy:

“Này, người tốt, hãy đến gặp Ngài Ānanda ... [*tiếp tục như kinh kể trên, cho đến:*]

“Thưa thầy, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ. Nhưng, thưa thầy, khi con *đang* bị tiếp xúc bởi cảm-giác đau đớn như vậy, con an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm-giác ... tâm trong tâm ... những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Và đối với năm gôn-g-cùm thấp hơn đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy còn cái nào chưa được dẹp-bỏ trong con.”

“Này gia chủ, đó là sự đạt-được (lợi ích, chứng đắc) của chú! Này gia chủ, đó đã khéo đạt-được bởi chú! Này gia chủ, như vậy là chú đã tuyên bố thánh quả Bất-lai.”

(SN 47:30)

55 Bà-la-môn Uṇṇābha (1)

Ở Sāvatthī.

Lúc đó có bà-la-môn tên Uṇṇābha đến gặp và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, năm căn này có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; chúng không trải nghiệm trú xứ và khu vực lẫn nhau. Năm đó là gì? Căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân. Bây giờ, Thầy Cồ-đàm, khi năm căn có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; chúng không trải nghiệm trú xứ và khu vực lẫn nhau, thì chúng nương dựa vào cái gì? Và cái gì trải nghiệm trú xứ và khu vực của chúng?”¹⁷²

“Này bà-la-môn, năm căn này có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; chúng không trải nghiệm trú xứ và khu vực lẫn nhau. Năm đó là gì? Căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân. Bây giờ, này bà-la-môn, khi năm căn có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; không trải nghiệm trú xứ và khu vực lẫn nhau—thì chúng nương dựa vào tâm, và tâm trải nghiệm trú-xứ và khu-vực khác nhau của chúng.”¹⁷³

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, tâm thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, tâm nương dựa vào sự chánh-niệm.”

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, sự chánh-niệm thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, sự chánh-niệm nương dựa vào sự giải-thoát.”¹⁷⁴

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, sự giải-thoát thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, sự giải-thoát nương dựa vào Niết-bàn.”

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, Niết-bàn thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, ông đã không thể nắm được giới hạn đối với sự hỏi. Ông chưa thể với tới giới hạn của câu hỏi. Bởi vì, này bà-la-môn, đời sống tâm linh được sống với Niết-bàn là nền-tảng, Niết-bàn là đích-đến, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của nó.”¹⁷⁵

Rồi bà-la-môn Uṇṇābha, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải mình và đi ra.

Rồi, không lâu sau sau khi bà-la-môn Uṇṇābha đã đi, đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các Tỷ kheo, ví dụ trong một ngôi nhà hay hội trường mái nhọn, có cửa sổ nhìn phía đông, mặt trời đang mọc lên. Khi những tia nắng chiếu qua cửa sổ, chúng ổn định (nằm, đậu, nương) ở đâu?”

“Trên bức tường phía tây, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỷ kheo, bà-la-môn Uṇṇābha đã đạt được niềm-tin vào Như Lai, (niềm tin đó) được ổn định, được bắt rễ, được thiết lập, vững chắc. Nó không thể bị phá bỏ bởi tu sĩ hay bà-la-môn nào, hay bởi những thiên thần hay Ma Vương hay Trời Brahmā hay bởi bất cứ ai trong thế gian. Này các Tỷ kheo, nếu bây giờ bà-la-môn Uṇṇābha chết thì cũng không còn gông-cùm trói buộc ông ta quay lại thế gian này nữa.” (tức ông đã là bậc Bất-lai)¹⁷⁶

(SN 48:42)

56 Bà-la-môn Uṇṇābha (2)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó có bà-la-môn tên Uṇṇābha đến gặp thầy Ānanda và chào hỏi với thầy ấy.¹⁷⁷ Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

“Thầy Ānanda, vì mục đích gì mà đi sống đời sống tâm linh theo/dưới sa-môn Cồ-đàm như vậy?”

“Đó là vì mục đích dẹp bỏ tham-muốn nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.”

“Nhưng, Thầy Ānanda, có con-đường nào (đạo), có đường-đi nào dẫn tới sự dẹp bỏ tham-muốn này?”

“Này bà-la-môn, có một con-đường, có một đường-đi dẫn tới sự đẹp bỏ tham-muốn này.”

“Nhưng, Thầy Ānanda, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi dẫn tới sự đẹp bỏ tham-muốn này?”

“Ở đây, này bà-la-môn, (i) một Tỷ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *tâm* (tâm) ... (iv) sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu.”

“Thầy Ānanda, trong trường hợp như vậy thì đường tu đó là vô cùng, không có kết cục, (tức là vô lý, tu hoài cũng chẳng xong, chẳng đi tới đâu).¹⁷⁸ Vì làm sao một người có thể đẹp bỏ tham-muốn (dục) bằng chính sự tham-muốn [sự mong-muốn] nói trên.”

“Vậy thì, này bà-la-môn, tôi sẽ hỏi ông về vấn đề này. Cứ trả lời nếu ông thấy đúng. Này bà-la-môn, ông nghĩ sao, trước đó ông đã từng có *mong-muốn* ‘Ta sẽ đi tới tịnh xá’, và sau khi ông đã đến tịnh xá, có phải mong-muốn ban đầu [tương ứng] đó đã lặn mất?”

“Đúng rồi thầy.”

“Trước đó ông đã từng phát khởi *sự nỗ-lực*, nghĩ rằng ‘Ta sẽ đi tới tịnh xá’, và sau khi ông đã đến tịnh xá, có phải sự nỗ-lực ban đầu đó đã lặn mất?”

“Đúng rồi thầy.”

“Ông đã từng *quyết định tâm mình*, nghĩ rằng ‘Ta sẽ đi tới tịnh xá’, và sau khi ông đã đến tịnh xá, có phải sự quyết-tâm¹⁷⁹ ban đầu đó đã lặn mất?”

“Đúng rồi thầy.”

“Trước đó ông đã từng có *sự điều-tra* để biết “Liệu ta có nên đi đến tịnh xá hay không?”, và sau khi ông đã đến tịnh xá, có phải *sự điều-tra* ban đầu đó đã lặn mất?”

“Đúng rồi thầy.”

“Điều tôi đã nói cũng tương tự như vậy, này bà-la-môn, với một Tỷ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt hết ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã phá hủy những công-cùm trói buộc hiện-hữu, và đã được hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng. Vị đó trước đây đã từng có *mong-muốn* (dục) chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị ấy đã đạt tới A-la-hán, *sự mong-muốn* ban đầu đó đã lặn mất (sau khi đã đạt tới mục-tiêu). Vị đó trước đây đã từng phát khởi *sự nỗ-lực* (*tinh tấn*) để chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị đó đã đạt tới A-la-hán, *sự nỗ-lực* ban đầu đó đã lặn mất. Vị đó trước đây đã từng *quyết-định tâm mình* để chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị đó đã đạt tới A-la-hán, *sự quyết-tâm* ban đầu đó đã lặn mất. Vị đó trước đây đã từng có *sự điều-tra* (trạch pháp) để chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị đó đã đạt tới A-la-hán, *sự điều-tra* ban đầu đó đã lặn mất. ¹⁸⁰

“Này bà-la-môn, ông nghĩ sao, trong trường hợp như vậy thì đường tu là có kết cục hay là vô cùng?”

“Chắc chắn có, thưa thầy Ānanda, trong trường hợp như vậy thì đường tu là có kết cục, không phải là vô cùng. ¹⁸¹ Thật kỳ diệu! Thầy Ānanda! Thật tuyệt vời! Thầy Ānanda! ... Kể từ hôm nay mong thầy Ānanda ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 51:15)

Trong một lần có Ngài Lomasavaṅṡisa đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Lúc đó, ông Mahānāma (Đại Danh) thuộc họ tộc Thích-ca đã đến gặp thầy Lomasavaṅṡisa, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thầy, có phải sự an trú của một học-nhân cũng giống sự an trú của Như Lai, hay sự an trú của một học nhân là một thứ và sự an trú của Như lai là thứ khác?”

“Này đạo hữu Mahānāma, không phải sự an trú của một học-nhân cũng giống sự an trú của Như Lai; thay vì vậy, sự an trú của một học-nhân là một thứ và sự an trú của Như lai là thứ khác.

“Này đạo hữu Mahānāma, những Tỳ kheo nào còn là học-nhân, là người chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, người sống tâm nguyện đạt được ‘sự an-toàn khỏi sự trói-buộc’, thì họ an trú sau khi đã dẹp-bỏ năm chướng-ngại.¹⁸² Năm đó là gì? Những chướng ngại là tham-dục, ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Những Tỳ kheo nào còn là học-nhân ... thì an trú sau khi đã dẹp-bỏ năm chướng-ngại.

“Nhưng, này đạo hữu Mahānāma, còn những Tỳ kheo là A-la-hán, là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá sạch những gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, những người đã giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng: thì đối với họ năm chướng-ngại đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.¹⁸³ Năm đó là gì? Những chướng ngại là tham-dục, ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Những Tỳ kheo là A-la-hán ... thì đối với họ năm chướng-ngại đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

“Này đạo hữu Mahānāma, cũng theo phương pháp sau đây, có thể hiểu được cách mà sự an trú của một học-nhân là một thứ và sự an trú của Như Lai là thứ khác:

“Này đạo hữu Mahānāma, trong một lần giống vậy khi đức Thế Tôn đang sống ở Icchānaṅgala, trong Khu Rừng Icchānaṅgala. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta muốn đi ở tách-ly (ẩn dật một mình, nhập thất) trong ba tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang thức ăn khát thực cho ta.

[Tiếp tục y hệt như kinh 54:11 kể trên, cho đến:]

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn mà nói về thứ gì như vậy: ‘Đó là một sự an trú thánh thiện (thánh trú), một sự an trú thiên thánh (phạm trú), sự an trú của Như Lai (Như Lai trú)’, thì người đó đang nói về ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’.”

“Này đạo hữu Mahānāma, bằng phương pháp này, có thể hiểu được cách mà sự an trú của một học-nhân là một thứ và sự an trú của Như Lai là thứ khác.”

(SN 54:12)

58 Dīghāvu

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có một đệ tử tại gia tên là Dīghāvu bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi người đệ tử tại gia Dīghāvu đó đã nói với cha mình là gia chủ Jotika, như vậy:

“Thưa cha, nhờ cha đến gặp đức Thế Tôn, kính lạy đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của đức Thế Tôn giùm con, và thưa rằng: ‘Thưa đức

Thế Tôn, đệ tử tại gia Dīghāvu (là con trai của con) đang bệnh, đau đớn, bệnh gần chết; con trai con nhờ con đến kính lạy với đầu cúi xuống chân của đức Thế Tôn.’ Rồi cha thưa rằng: ‘Thưa đức Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đến nơi ở của người đệ tử tại gia Dīghāvu, vì lòng bi-mẫn.’”

“Được rồi, con yêu”, gia chủ Jotika trả lời, và ông đi đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại lời của người con. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

Rồi đức Thế Tôn mặc y áo, mang bình bát và cà sa, đi đến nơi ở của đệ tử tại gia Dīghāvu. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với người đệ tử Dīghāvu:

“Này Dīghāvu, ta hy vọng anh đang chịu đựng tốt, ta hy vọng anh đang đỡ hơn. Ta hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của anh đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ.”

“Như vậy, này Dīghāvu, anh nên tập luyện bản thân như vậy: (1) ‘Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *“Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.”*’ (2) Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) Tôi sẽ là người có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà *những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.*” (như kinh 55:01 ở đầu chương) Chính theo cách như vậy anh nên tập luyện bản thân.”

“Thưa Thế Tôn, đối với ‘bốn yếu-tố (của/dẫn tới) Nhập-lưu’ đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, những điều đó đều có đủ bên trong con, và con sống đúng đủ theo những điều đó. Vì vậy, thưa đức Thế Tôn, con có-được *niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng*, và con có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng*.”

“Như vậy, này Dīghāvu, nếu đã thiết-lập ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ đó, thì anh nên tu tập thêm sáu điều góp phần tạo nên ‘trí-biết đích thực’ (minh, chân trí). Ở đây, này Dīghāvu, hãy an trú (1) quán sát sự vô-thường trong tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), (2) nhận thức sự-khổ trong những thứ vô-thường, (3) nhận thức sự vô-ngã trong những thứ khổ, (4) nhận thức sự đẹp-bỏ, (5) nhận thức sự phai-biến, (6) nhận thức sự chấm-dứt. ¹⁸⁴ Chính theo cách như vậy anh nên tập luyện bản thân.”

“Thưa đức Thế Tôn, đối với sáu điều góp phần tạo nên ‘trí-biết đích thực’ đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, sáu điều đó đều có đủ bên trong con, và con đã sống đúng đủ theo những điều đó. Vì vậy, thưa đức Thế Tôn, con an trú an trú (1) quán sát sự vô-thường trong tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), (2) nhận thức sự-khổ trong những thứ vô-thường, (3) nhận thức sự vô-ngã trong những thứ khổ, (4) nhận thức sự đẹp-bỏ, (5) nhận thức sự phai-biến, (6) nhận thức sự chấm-dứt. Tuy nhiên, thưa đức Thế Tôn, con hy vọng sau khi con chết đi phụ thân con [gia chủ Jotika] sẽ không bị ưu sầu.”

“Đừng lo lắng về điều này, này con Dīghāvu yêu dấu. Lúc này con chỉ nên chú-tâm kỹ càng vào những lời đức Thế Tôn đang nói với con”, (gia chủ Jotika nói)

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã nói những lời dạy đó cho người đệ tử tại gia Dīghāvu, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đi về, người đệ tử tại gia Dīghāvu đã qua đời.

Rồi, sau đó một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, vị đệ tử tại gia Dīghāvu đã chết. Vậy nơi-đến của vị ấy là gì? Đường tương lai của vị ấy là gì?”

“Này các Tỳ kheo, đệ tử tại gia Dīghāvu là người có trí. Người đó đã tu tập đúng theo Giáo Pháp và đã không làm phiền ta về vấn đề Giáo Pháp. Này các Tỳ kheo, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đệ tử tại gia Dīghāvu đã trở thành người tái sinh một cách tự phát (vào một trong 05 cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) của những bậc thánh Bất Lai), và từ ở đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn, không còn quay lại (thế gian) nữa.”

(SN 55:03)

59 Những Người Thị Vệ

Ở Sāvatthī.

Bấy giờ, lúc đó có một số Tỳ kheo đang may cà-sa cho đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng: “Sau ba tháng, khi cà-sa được làm xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.”

Bấy giờ, lúc đó có những người thị vệ¹⁸⁵ là Isidatta và Purāṇa đang tạm trú ở Sādhuka vì một số công chuyện. Họ nghe rằng: “Một số Tỳ kheo đang may cà sa cho đức Thế Tôn, và họ nghĩ rằng: ‘Sau ba tháng, khi cà-sa được làm xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.’”

Rồi hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa đã đặt một người đứng trước đường, dặn anh ta: “Này bạn hiền, khi nào anh thấy đức Thế Tôn đến, đó là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì anh báo ngay cho chúng tôi nghe.” Sau khi đứng trước đường hai, ba ngày thì anh ta nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi tới từ xa. Sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, anh ta đến gặp hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa để báo với họ: “Thưa các ngài, đức Thế Tôn đang đến, đó là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Vậy các ngài tùy nghi đến gặp.”

Rồi hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và đi theo sát phía sau đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đã bước ra khỏi đường, đến một gốc cây, và ngồi xuống một chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

(a) “Thưa Thế Tôn, lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời khỏi Sāvattthī (Xá-vệ) để du hành tới xứ người Kosala (Kiêu-tát-la), thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự buồn-bã với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở xa chúng con.’ Rồi khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời khỏi Sāvattthī để du hành tới xứ người Kosala, thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự buồn-bã với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở xa chúng con.’

“Thêm nữa, thưa Thế Tôn, lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời khỏi Kosala để du hành tới xứ người Malla ... Rồi khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Kosala để du hành tới xứ người Malla ...

... lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời khỏi Malla để du hành tới xứ người Vajji (Bạt-kỳ) ... Rồi khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời khỏi Malla để du hành tới xứ người Vajji (Bạt-kỳ) ...

... lúc chúng con nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời xứ Vajji để du hành tới xứ người Kāsi ... Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời xứ người Vajji để du hành tới xứ người Kāsi ...

... lúc chúng con nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời khỏi Kāsi ... Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Kāsi để du hành tới xứ người Magadha (Ma-kiệt-đà), thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự buồn-bã với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở xa chúng con.’ Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Kāsi để du hành tới xứ người Magadha, thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự buồn-bã với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở xa chúng con.’

(b) “Nhưng, thưa Thế Tôn, lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời Magadha để du hành tới xứ người Kāsi, thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự hân-hoan và vui-mừng với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở gần chúng con hơn.’ Rồi khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Magadha để du hành ở xứ người Kāsi, thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự hân-hoan và vui-mừng với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở gần chúng con hơn.’”

“Thêm nữa, thưa Thế Tôn, lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời Kāsi để du hành tới xứ người Vajji ... Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Kāsi để du hành tới xứ người Vajji ...

... lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời Vajji để du hành tới xứ người Malla ... Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Vajji để du hành tới xứ người Malla ...

... lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời Malla để du hành tới xứ người Kosala ... Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Malla để du hành tới xứ người Kosala ...

... lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời Kosala để du hành tới Sāvattthī, thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự hân-hoan và vui-mừng với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở gần chúng con hơn.’ Rồi khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī, trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc, thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự hân-hoan và vui-mừng với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở gần chúng con.’”

- “Như vậy đó, này các quan thị vệ, đời sống tại gia là sự giam cầm, là con đường đầy bụi bẩn. Đời sống xuất gia như trời đất rộng mở. Này các thị vệ, bấy nhiêu đó cũng đủ lý do để các anh biết chuyên cần (tu tập).”

“Thưa Thế Tôn, chúng con còn bị dính một sự giam cầm khác thậm chí còn giam cầm hơn, và coi như giam cầm nhiều hơn (cả đời sống tại gia) đó nữa.”

- “Nhưng, này các thị vệ, cái gì là sự giam cầm mà các anh đang dính vào, cái gì thậm chí còn giam cầm hơn và coi như giam cầm nhiều hơn (cả đời sống tại gia) đó nữa?”

“Ồ đây, thưa Thế Tôn, khi Vua Pasenadi của xứ Kosala muốn đi một chuyến tới vườn ngự viên của mình, thì trước hết chúng con phải chuẩn bị những con voi, rồi đặt những cung phi được sủng ái của nhà vua ngồi lên những ghế ngồi trên lưng voi, ngay trước mặt và sau lưng mình. Thưa Thế Tôn, rồi mùi hương của những cung phi đó thơm ngát như hộp nước hoa mới mở ra; những cung phi được sức mùi thơm ngát như vậy. Thêm nữa, thưa Thế Tôn, sự đụng chạm với thân thể của các cung phi đó thì êm ái giống như chạm vào bông vải hay bông kapok vậy; những cung phi hoàng gia đó được được nuôi dưỡng một cách chăm chút như vậy. Rồi, thưa Thế Tôn, trong thời gian đó thì chúng con phải thị vệ những con voi, thị vệ những quý phi, và còn phải lo phòng vệ bản thân mình, mặc dù chúng con không thể nào nhớ hết bao nhiêu lần đã làm khởi sinh những trạng thái bất thiện (tà dục) đối với những cung phi mỹ nữ đó. Thưa Thế Tôn, đó chính là một sự giam cầm khác mà chúng con đang dính phải, nó thậm chí còn giam cầm hơn, và coi như giam cầm nhiều hơn (cả đời sống tại gia) đó nữa.”

- “Bởi vậy, này các thị vệ, đời sống tại gia là sự giam cầm, là con đường đầy bụi bẩn. Đời sống xuất gia thì như trời đất rộng mở. Bấy nhiêu cũng đủ lý do để các anh biết chuyên cần (tu tập). Này các thị vệ, người đệ tử thánh thiện có được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này các thị vệ, (1) Ở đây, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn ... (*như 03 điều kinh 55:01 ở đầu chương*) ... (4) Người đó *sống ở nhà với một cái tâm không bị nhiễm tính keo-kết, rộng lòng bố-thí, mở rộng bàn tay, vui thích sự từ-bỏ, người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.*¹⁸⁶ Một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Này các thị vệ, các anh có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn.... Thêm nữa, trong nhà có thứ gì thích hợp để cho-đi thì các anh hãy bố thí chia sẻ một cách không thủ-giữ những thứ đó cho những người đức-hạnh và có tính-cách thiện. Này các quan thị vệ, các anh nghĩ sao, có được bao nhiêu người trong dân chúng Kosala có thể sánh bằng các anh về mặt *rộng lòng bố-thí?*”

“Thưa Thế Tôn, điều đó thật là ích-lợi cho chúng con, điều đó được khéo đăc-lợi bởi chúng con, rằng đức Thế Tôn đã biết rõ chúng con như vậy.”

(SN 55:06)

60 Những Người Làng Cồ Tre

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi bộ du hành ở xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó mới tới khu làng Cồ Tre (Trúc Môn) của những bà-la-môn người Kosala. Lúc đó những gia chủ bà-la-môn ở làng Cồ Tre đã nghe tin rằng: [*“Này các ngài, nghe nói rằng sa-môn Cồ-đàm, người con của dân*

tộc Thích-Ca đã xuất gia khỏi một gia đình họ Thích-Ca, đã đi du hành tới xứ Kosala cùng với một tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, và mới tới làng Cồṅg Tre. Giờ tin đồn tốt về Thầy Cồ-đàm đã lan truyền như vậy: ‘Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh, chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tới thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.’] Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đến gặp những vị A-la-hán đó.”

Rồi những gia chủ bà-la-môn của làng Cồṅg Tre đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, một số họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Một số chào hỏi, sau khi chào hỏi thân thiện, ngồi xuống một bên. Một số khác tự xưng tên tuổi và họ tộc của mình với đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, những gia chủ bà-la-môn của làng Cồṅg Tre đã nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, chúng tôi có những ước nguyện, mong muốn, và hy vọng như vậy: ‘Chúng tôi cầu được sống trong nhà với nhiều con cháu! Chúng tôi cầu được dùng gỗ đàn hương và lụa Kāsi! Chúng tôi cầu được mang vòng hoa, xúc nước hoa, và cao sáp! Chúng tôi cầu nhận được vàng bạc! Khi thân tan rã, sau khi chết, chúng tôi cầu được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời!’ Khi chúng tôi có những ước nguyện, mong muốn, và hy vọng như vậy, mong Thầy Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp

theo một cách để chúng tôi có thể được sống trong nhà với nhiều con cháu ... được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

- “Này các gia chủ, ta sẽ dạy cho các người Giáo Pháp có thể ứng dụng được cho mỗi người.¹⁸⁷ Hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, Thầy Cồ-đàm”, những gia chủ bà-la-môn vùng Công Tre đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các gia chủ, cái gì là Giáo Pháp ứng dụng được cho mỗi người?

(1) “Ở đây, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Ta là người muốn được sống chứ không muốn chết; ta muốn (thích) hạnh-phúc và tránh (ghét) khổ-đau. Vì ta là người muốn được sống ... và tránh khổ-đau, nên nếu có ai lấy mạng ta thì ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta lấy mạng người (hay vật) khác—người (hay vật) đó cũng muốn được sống chứ không muốn chết, muốn hạnh-phúc và tránh khổ-đau—thì người (hay vật) đó cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người (hay vật) khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người (hay vật) khác?’ (Điều gì mình không muốn thì đừng làm với người khác). Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện *kiêng cử sát-sinh*, khuyến khích người khác *kiêng cử sát-sinh*, và đề cao (khen ngợi) việc *kiêng cử sát-sinh*. Như vậy hành-vi *thân* (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.¹⁸⁸

(2) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai muốn lấy thứ ta không cho, đó là trộm cắp của ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta lấy thứ người khác không cho ta, tức là gian cắp của người khác, điều đó người khác đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’ Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử

thánh thiện kiêng cử, *kiêng cử gian-cấp* (như lấy thứ không được cho, cướp, gian lận, ăn hối lộ, tống tiền, tham nhũng, làm giàu bất chính ...), khuyến khích người khác kiêng cử gian-cấp, và khen ngợi sự kiêng cử gian-cấp. Như vậy hành-vi *thân* (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(3) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai muốn ngoại tình với vợ ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta đi ngoại tình với vợ của người khác, điều đó người khác đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’ Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện *kiêng cử tà-dâm tà dục* (ý nghĩ, hành vi, quan hệ tính dục bất chính), khuyến khích người khác kiêng cử tà-dâm tà dục, và khen ngợi sự kiêng cử việc tà-dâm tà dục. Như vậy hành-vi *thân* (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(4) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai nói dối nói sai để làm hại ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta nói dối nói sai để làm hại người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’ Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện *kiêng cử nói-dối nói láo*, khuyến khích người khác kiêng cử nói-dối nói láo, và khen ngợi sự kiêng cử nói-dối nói láo. Như vậy hành-vi *thân* (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(5) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai chia rẽ ta với bạn bè thân hữu bằng lời-nói gây chia rẽ, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ ta chia rẽ người khác và bạn bè thân hữu của họ, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu ...

(*tiếp tục tương tự các điều trên*) ...’ Như vậy hành-vi *miệng* (lời nói) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(6) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai nói với ta bằng những lời-nói gắt-gỗng nạt nộ, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ ta nói lời gắt-gỗng nạt nộ với người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu ...’ Như vậy hành-vi *miệng* (lời nói) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(7) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai nói với ta những lời-nói tầm-phào tán dóc (vô ích, vô bổ, tào lao), điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta nói lời tầm-phào tán dóc với người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’ Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện *kiêng cử lời-nói tầm-phào tán dóc*, khuyến khích người khác *kiêng cử lời-nói tầm-phào tán dóc*, và khen ngợi sự *kiêng cử lời-nói tầm-phào tán dóc*. Như vậy hành-vi *miệng* (lời nói) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(9)-(12) “(1) Người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: ‘*Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.*’ (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) Người đó có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, *không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ (*như đoạn này ở kinh 55:01 ở đầu chương*)

“Này các gia chủ, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bảy phẩm-hạnh thiện lành nói trên, cộng với bốn điều đáng có mới nói này, thì nếu muốn người đó có thể tuyên bố về mình như vậy: ‘Ta đã hết đã hết (rớt vào; đã đoạn tuyệt với) cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cảnh hòn

ma nga quý, đã hết cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

Sau khi điều này được nói ra, những gia chủ bà-la-môn của làng Cồ-gi-đề đã nói: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! ... Nay chúng con xin quy y nương tựa vào Thầy Cồ-đàm, vào Giáo Pháp, và vào Tăng Đoàn các Tỷ Kheo. Kể từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ chúng con là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 55:07)

61 *Mahānāma* (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ tộc Thích-ca đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thành Kapilavatthu này giàu có và phát đạt, đông dân, đông đức, với đường phố chen chúc.¹⁸⁹ Vào buổi cuối chiều, khi con đang đi vô thành Kapilavatthu sau khi đi thăm viếng đức Thế Tôn hoặc những Tỷ kheo đáng kính, con gặp phải voi đi tán lạc, ngựa đi tán lạc, xe ngựa nhỏ đi tán lạc, xe ngựa lớn đi tán lạc, người đi tán lạc.¹⁹⁰ Trong thời lúc đó, thưa Thế Tôn, sự chánh-niệm của con về đức Thế Tôn bị tán nhiễu, sự chánh-niệm của con về Giáo Pháp bị tán nhiễu, sự chánh-niệm của con về Tăng Đoàn bị tán nhiễu. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với con: ‘Nếu mình chết ngay lúc này, nơi-đến của mình là gì, đường tương-lai của mình là gì?’”

“Đừng sợ, này Mahānāma! Đừng sợ sệt, này Mahānāma! Cái chết của chú không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của chú không phải là

một sự qua đời tồi tệ.¹⁹¹ Khi tâm của một người đã được củng cố từ lâu bởi niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì ngay đây lũ quạ, kền kền, điều hâu, chó, chó rừng, hay những sinh vật khác ăn rĩa thân xác người đó, cái thân gồm thể sắc, được tạo thành bởi bốn yếu-tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã. Nhưng tâm của người đó, vốn đã được củng cố từ lâu bởi niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ—thì vẫn đi hướng thượng, đi đến sự khác-biệt.¹⁹²

- “Này Mahānāma, ví dụ người ta nhấn chìm một hũ bơ hay một hũ dầu xuống một ao nước sâu, sau đó lấy đồ đập bể hũ ra. Những miếng bẻ và mảnh vỡ đều chìm xuống dưới, nhưng bơ hay dầu ắt sẽ nổi lên trên. Cũng giống như vậy, này Mahānāma, khi tâm của một người đã được củng cố từ lâu bởi niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì nó sẽ đi hướng thượng, đi đến sự khác-biệt.

“Đừng sợ, này Mahānāma! Đừng sợ sệt, này Mahānāma! Cái chết của chú không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của chú không phải là một sự qua đời tồi tệ.”

(SN 55:21)

62 ^ Mahānāma (2)

[Giống kinh kể trên, cho đến:]

“Đừng sợ, này Mahānāma! Đừng sợ sệt, này Mahānāma! Cái chết của chú không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của chú không phải là một sự qua đời tồi tệ. Một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều thì đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. Bốn đó là gì? Ở đây, này Mahānāma, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và*

người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn ... (4) “Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà *những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.’* (*như kinh 55:01 ở đầu chương*)

“Này Mahānāma, ví dụ có một cây đang đổ về, nghiêng về, và hướng về phía đông. Nếu nó bị chặt ở gốc, nó sẽ ngã về hướng nào?”

“Thưa Thế Tôn, nó sẽ ngã theo hướng mà nó đang đổ về, nghiêng về, và hướng về phía đông.”

“Cũng giống như vậy, này Mahānāma, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này thì đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 55:22)

63 Godhā

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ tộc Thích-ca đến gặp ông Godhā người họ tộc Thích-ca, và nói:

“Này Godhā, bao nhiêu thứ một người phải có-được để chú có thể nhìn nhận người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình?”

“Này bác Mahānāma, khi một người có-được ba điều thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Ba đó là gì? Ở đây, một người (1) có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2) vào Giáo Pháp ... (3) vào Tăng Đoàn ... Khi một người có-được ba điều này thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Này bác Mahānāma, còn đối với

bác thì bao nhiêu thứ một người phải có-được để bác nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình.?”

“Này chú Godhā, đối với tôi, khi một người có-được bốn điều thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? Ở đây, này chú Godhā, một người đệ tử thánh thiện (1) có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2) vào Giáo Pháp ... (3) vào Tăng Đoàn ... (4) Và người đó có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định*. Khi một người có-được bốn điều này thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

“Khoan đã, bác Mahānāma! Đợi đã, bác Mahānāma! Chỉ đức Thế Tôn mới biết có phải người đó cần có-được những điều này hay không.”

“Vậy thì, này chú Godhā, chúng ta hãy đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, chúng ta sẽ thưa lại vấn đề này cho đức Thế Tôn.”

Rồi hai ông họ tộc Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Ông Mahānāma đã thưa lại vấn đề đối thoại của hai người [*và nói thêm như vậy*]:

“Thưa Thế Tôn, ở đây có ‘vấn đề liên quan đến Giáo Pháp’ có thể phát sinh. (a) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo đứng một bên. Đức Thế Tôn đứng bên nào, con đều đứng theo bên đó. ¹⁹³ Đức Thế Tôn hãy ghi nhớ con là một người có *niềm-tin* như vậy.

“Thưa Thế Tôn, ở đây có ‘vấn đề liên quan đến Giáo Pháp’ có thể phát sinh. (b) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, và Tăng Đoàn Tỳ kheo ni đứng một bên ... (c) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, và các đệ tử tại gia nam đứng một bên ... (d) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên, và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, và các đệ tử

tại gia nữ đứng một bên. Đức Thế Tôn đứng bên nào, con đều đứng theo bên đó. Đức Thế Tôn hãy ghi nhớ con là một người có niềm-tin như vậy.”

“Thưa Thế Tôn, ở đây có ‘vấn đề liên quan đến Giáo Pháp’ có thể phát sinh. (b) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, và Tăng Đoàn Tỳ kheo ni đứng một bên ... (c) Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, và các đệ tử tại gia nam đứng một bên ... (d) Đức Thế Tôn đứng một bên, và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, các đệ tử tại gia nữ, và thế giới này có những thiên thần và Ma Vương, và Trời Brahmā, và thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người đứng một bên. Đức Thế Tôn đứng bên nào, con đều đứng theo bên đó. Đức Thế Tôn hãy ghi nhớ con là một người có niềm-tin như vậy.”

[Đức Thế Tôn mới nói:] “Này Godhā, khi Mahānāma họ Thích-ca đã nói như vậy,¹⁹⁴ chú có muốn nói gì về ông ta nữa không?”

“Thưa Thế Tôn, khi bác Mahānāma họ Thích-ca đã nói ra lời như vậy, con không còn muốn nói gì nữa về bác ấy, ngoại trừ những điều tốt lành và phúc đức cho bác ấy.”¹⁹⁵

(SN 55:23)

64 Sarakāṇi (1)

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Bấy giờ, lúc đó ông Sarakāṇi¹⁹⁶ người họ Thích-ca đã chết, và đức Thế Tôn đã tuyên bố ông ta là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Lúc đó có nhóm người họ Thích-ca, sau khi gặp nhau và tụ họp, họ đã phản đối điều này, họ càu nhàu và phàn nàn về điều này, họ nói rằng: “Thật kỳ lạ! Thật đáng ngạc nhiên! Vậy giờ đâu còn ai chưa là bậc Nhập-lưu sau khi đức Thế Tôn đã tuyên bố ông Sarakāṇi họ Thích-ca đã chết

thành bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình? Ông Sarakāni thì tu tập quá kém; ông ta còn uống rượu kia mà!”¹⁹⁷

Rồi ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại vấn đề này với đức Thế Tôn. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao người đó rớt xuống cỏi dưới cho được? Bởi vì, nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói về ai như vậy: ‘Người đó là một đệ tử tại gia đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng’, thì Sarakāni họ Thích-ca là một người mà người đó có thể nói điều đó. Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao vị ấy rớt xuống cỏi dưới cho được?

(1) “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Và người đó cũng có niềm-tin xác thực như vậy vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, và người đó đã đạt tới sự giải-thoát. Bằng *sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm*, ngay trong kiếp này chúng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp. Này Mahānāma, người này đã thoát khỏi địa ngục, cỏi súc sinh, và cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy dọa, những nơi-đến xấu dữ, cỏi dưới.¹⁹⁸ (là A-la-hán).

(2) “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, nhưng người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã phá sạch *năm gông-cùm thấp hơn* (hạ phần kiết-sử), người đó sẽ tái sinh tự phát vào một (trong 5) cỏi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên, dành cho những thánh Bất-lai), và sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn ở đó, không còn quay lại

(thế gian) nữa. Nay Mahānāma, người này cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Bất-lai)

(3) “Ở đây, nay Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Nhưng người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã phá sạch *ba gông-cùm thấp hơn và đang giảm thiểu tham, sân, si*, người đó là một bậc thánh Nhất-lai, sau khi chỉ còn quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, sẽ làm nên sự diệt-khô. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhất-lai)

(4) “Ở đây, nay Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã phá sạch ba gông-cùm thấp hơn (đầu tiên), người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhập-lưu)

(5) “Ở đây, nay Mahānāma, có người không có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ. Và những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai được người đó chấp nhận sau khi đã suy xét tới một mức độ đủ bằng trí-tuệ. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, không đi xuống cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là người căn trí)¹⁹⁹

(6) “Ở đây, này Mahānāma, có người không có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Và người này có đủ niềm-tin vào Như Lai, có đủ lòng kính-mộ đối với Như Lai. Này Mahānāma, người này cũng vậy, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, không đi xuống cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là người căn tín)

- “Này Mahānāma, ngay cả nếu những cây sa-la lớn này hiểu được điều gì được thuyết một cách hay khéo và điều gì được thuyết một cách tồi tệ, thì ta cũng tuyên bố những cây sa-la lớn này là những bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Vậy tại sao ông Sarakāni họ Thích-ca lại là không được? Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca đã đảm nhận sự tu-tập vào lúc chết.”²⁰⁰

(SN 55:24)

65 Sarakāni (2)

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Bấy giờ, lúc đó ông Sarakāni họ Thích-ca đã chết, và đức Thế Tôn đã tuyên bố ông là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Lúc đó có một nhóm người họ tộc Thích-ca, sau khi gặp mặt và tụ họp, đã phản đối điều này, họ cầu nhàu và phàn nàn về điều này, họ nói rằng: “Thật kỳ lạ! Thật đúng đáng ngạc nhiên! Vậy giờ đâu còn ai chưa là bậc Nhập-lưu sau khi đức Thế Tôn đã tuyên bố ông Sarakāni họ Thích-ca đã chết thành bậc

thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình? Ông Sarakāni họ Thích-ca đã chưa hoàn thành việc tu tập kia mà!”²⁰¹

Rồi ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại vấn đề này với đức Thế Tôn. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao người đó rớt xuống cõi dưới cho được? ... Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao ông ấy rớt xuống cõi dưới cho được?

(1) “Ở đây, này Mahānāma, có người hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Phật như vậy:²⁰² *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, và người đó đã đạt tới sự giải-thoát. Bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đó ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp. Này Mahānāma, người này đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là A-la-hán)

(2) “Ở đây, này Mahānāma, có người hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Phật như vậy: ... Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, nhưng người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), người đó (i) là người sẽ sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) *trong kiếp này*; hoặc (ii) là người chứng ngộ trí-biết cuối cùng *vào lúc chết*; hoặc (iii) là người chứng ngộ Niết-bàn *trong khoảng-giữa* (giữa 02 kiếp); hoặc (iv) là người chứng ngộ Niết-bàn *ngay khi đáp-xuống* (ngay sau tái sinh); hoặc

(v) là người chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng thêm*; hoặc (vi) là người chứng ngộ Niết-bàn *nhờ sự cố-gắng thêm*; hoặc (vii) là người đang hướng thượng, *đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha* (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất, thọ nhất trong năm cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai).²⁰³ Nay Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma nga quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (*là bậc Bất-lai*)

(3) “Ở đây, nay Mahānāma, có người hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Phật như vậy.... Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Nhưng người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, hay trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã tiêu diệt sạch sẽ *ba gông-cùm thấp hơn* và *đang giảm thiểu tham, sân, si*, người đó là một bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, sẽ làm nên sự diệt-khổ. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma nga quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (*là bậc Nhất-lai*)

(4) “Ở đây, nay Mahānāma, có người hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Phật như vậy ... Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Nhưng người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, hay trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã tiêu diệt sạch sẽ *ba gông-cùm thấp hơn*, người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma nga quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (*là bậc Nhập-lưu*)

(5) “Ở đây, nay Mahānāma, có người không hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và không có niềm-tin trọn vẹn vào Phật là như vậy: *‘Đức Thế*

Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Và người đó cũng không có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Và người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ. - Và những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai được người đó chấp nhận sau khi đã suy xét tới một mức độ đủ bằng trí-tuệ. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, không đi xuống cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. *(là người căn trí)*

(6) “Ở đây, nay Mahānāma, có người không hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và không có niềm-tin trọn vẹn vào Phật là như vậy: ... Và người đó cũng không có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Và người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. - Và người đó có đủ niềm-tin vào Như Lai, có đủ lòng kính-mộ đối với Như Lai. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, không đi xuống cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. *(là người căn tín)*

- “Nay Mahānāma, ví dụ có một miếng ruộng xấu, một miếng đất xấu, còn đầy gốc cây chưa được dọn sạch, và những hạt giống gieo xuống đó thì bị bề nát, bị phá hư, bị hư hại bởi gió và nắng, chúng được gieo trồng một cách không an toàn, và trời thì không hề mưa xuống đúng lúc. Như vậy những hạt giống đó có thể mọc lên, lớn lên, và tăng trưởng hay không?

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, ở đây, nếu một Giáo Pháp được giảng giải một cách tồi tệ, được tuyên thuyết một cách tồi tệ, không mang tính giúp giải-

thoát, không hộ dẫn tới sự bình-an, được tuyên thuyết bởi người chưa giác-ngộ toàn thiện—thì đó giống như một miếng ruộng xấu, ta nói vậy. Và người đệ tử sống trong Giáo Pháp đó cứ tu tập theo nó như vậy, thực hành đúng theo nó như vậy, dẫn dắt bản thân mình đúng theo nó như vậy—thì người đó giống như hạt giống xấu, ta nói vậy.

- “Này Mahānāma, ví dụ có một miếng ruộng tốt, một miếng đất tốt, đã dọn sạch hết những gốc cây, và những hạt giống gieo xuống đó thì không bị bẻ nát, bị không phá hư, không bị hư hại bởi gió và nắng, chúng được gieo trồng một cách an toàn, và trời mưa xuống đúng lúc. Như vậy những hạt giống đó có thể mọc lên, lớn lên, và tăng trưởng hay không?

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, ở đây, nếu một Giáo Pháp được giảng giải một cách hay khéo, được tuyên thuyết một cách hay khéo, mang tính giúp giải-thoát, hộ dẫn tới sự bình-an, được tuyên thuyết bởi bậc đã giác-ngộ toàn thiện—thì đó giống như một miếng ruộng tốt, ta nói vậy. Và người đệ tử sống trong Giáo Pháp đó cứ tu tập theo nó như vậy, thực hành đúng theo nó như vậy, dẫn dắt bản thân mình đúng theo nó như vậy—thì người đó giống như hạt giống tốt, ta nói vậy.

Vậy tại sao Sarakāni họ Thích-ca lại là không được? Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca là người đã hoàn thành sự tu-tập vào lúc chết.”

(SN 55:25)

66 *Cấp Cô Độc* (1)

Ở Sāvatthī.

Bấy giờ, lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc nói với một người như vậy:

“Này người thiện, hãy đến gặp Thầy Xá-lợi-phát, nhân danh ta cúi đầu dưới chân thầy ấy để kính lễ, và thưa: ‘Thưa Thầy, gia chủ Cấp Cô Độc đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết; ông ấy xin cúi đầu dưới chân Thầy để kính lễ.’ Rồi hãy thưa tiếp rằng: ‘Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu Thầy Xá-lợi-phát đến gia cư để thăm gia chủ Cấp Cô Độc vì lòng bi-mẫn.’”

“Dạ được, thưa gia chủ”, người đó đáp lại, và ông ta đi đến gặp thầy Xá-lợi-phát, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn của gia chủ. Thầy Xá-lợi-phát đồng ý trong im lặng.

Rồi, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phát mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà gia chủ Cấp Cô Độc, cùng đi có thầy Ānanda. Rồi các thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và thầy Xá-lợi-phát nói với gia chủ Cấp Cô Độc:

“Này gia chủ, tôi hy vọng bác đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng bác đang đỡ hơn. Tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của bác đang lắng lặn, chứ không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của nó, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa thầy, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ.”

(1) “Này gia chủ, bác *không-có sự không tin tưởng vào Đức Phật*. Không giống những người phạm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đau, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và bác *có-được niềm-tin xác thực* vào Đức Phật. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Đức Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và người, bậc Giác*

Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Khi bác quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(2) “Này gia chủ, bác không-có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp. Không giống những người phạm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và bác có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Giáo Pháp như vậy: *‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’* Khi bác quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(3) “Này gia chủ, bác không-có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn. Không giống những người phạm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và bác có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Tăng Đoàn như vậy: *‘Tăng Đoàn của các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập theo cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’* Khi bác quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(4) “Này gia chủ, bác *không-có sự thiếu giới-hạnh*. Không giống những người phạm phu không được chỉ dạy, do có sự thiếu giới-hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và bác có-được giới-hạnh. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có-được giới-hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đó là: ‘*Những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ Khi bác quán xét bên trong mình *những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng* như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(5) “Này gia chủ, {*tiếp tục chi 1*} bác *không có cách-nhìn sai lạc* (tà kiến). Không giống những người phạm phu không được chỉ dạy, do có những cách-nhìn sai lạc ... bị tái sinh ... trong địa ngục. Và bác *có-được cách-nhìn đúng đắn* (chánh kiến). Khi bác quán xét bên trong mình sự chánh-kiến đó, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(6)-(14) “Này gia chủ, {*chi 2-10*} bác *không có ý-định sai lạc* (tà tư duy) ... *lời-nói sai trái* (tà ngữ) ... *hành-động sai trái* (tà nghiệp) ... *sự mưu-sinh sai trái* (tà mạng) ... *sự nỗ-lực sai lạc* (tà tinh tấn) ... *sự tâm-niệm sai lạc* (tà niệm) ... *sự định-tâm sai lạc* (tà định) ... *sự hiểu-biết sai lạc* (tà trí) ... *sự giải-thoát sai lạc* (sự giải-thoát giả). Không giống những người phạm phu không được chỉ dạy, do có ý-định sai lạc ... sự giải-thoát giả ... bị tái sinh ... trong địa ngục. Và bác *có-được ý-định đúng đắn* (chánh tư duy) ... *lời-nói đúng đắn* (chánh ngữ) ... *hành-động đúng đắn* (chánh nghiệp) ... *sự mưu-sinh đúng đắn* (chánh mạng) ... *sự nỗ-lực đúng đắn* (chánh tinh tấn) ... *sự tâm-niệm đúng đắn* (chánh niệm) ... *sự định-tâm đúng đắn* (chánh định) ... *sự hiểu-biết đúng đắn* (chánh trí) ... *sự giải-thoát đúng đắn* (chánh giải-thoát).²⁰⁴ Khi bác quán xét bên trong mình sự chánh-ngữ ... sự chánh giải-thoát đó, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

Rồi những sự đau đớn của ông Cấp Cô Độc đã lắng lặn ngay tại chỗ.

Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đã tự tay sót thức ăn từ đĩa đựng của mình để mời thầy Xá-lợi-phất và thầy Ānanda. Khi thầy Xá-lợi-phất ăn xong cơm trưa và đã dẹp bình bát qua một bên, gia chủ Cấp Cô Độc chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất mới cảm ơn vị gia chủ bằng những dòng thi kệ này:

“Khi người có niềm-tin vào Như Lai,
(Niềm-tin) bất lay chuyển và được thiết lập thiện khéo,
Và những giới-hạnh là tốt thiện

Được những bậc thánh nhân yêu quý và khen ngợi;

“Khi người đã có niềm-tin vào Tăng Đoàn
Và cách-nhìn của người đó đã được chánh thẳng,
Thì người ta nói rằng người đó là không nghèo nàn,
Rằng đời sống của người đó là không vô ích.

“Bởi vậy một người thông minh,
Ghi nhớ lời dạy của Đức Phật,
Nên chú ý đến niềm-tin và giới-hạnh,
Đến sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp.”

Rồi thầy Xá-lợi-phất, sau khi đã nói xong mấy dòng thi kệ cảm ơn gia chủ Cấp Cô Độc, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.

Rồi thầy Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới hỏi thầy: “Này Ānanda, thầy đi đâu về giữa trưa như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, gia chủ Cấp Cô Độc đã được thầy Xá-lợi-phất khởi xướng (giáo giới) bằng những sự khởi xướng như vậy và như vậy ...”

“Này Ānanda, Xá-lợi-phất là có trí, Xá-lợi-phất là có trí-tuệ lớn lao (đại trí), bằng cách đó là thầy ấy có thể phân tách ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ thành mười kiểu {(6)-(14)} như vậy.”

(SN 55:26)

67 Cấp Cô Độc (2)

[Mở đầu như kinh kể trên, nhưng lần này ông Cấp Cô Độc cho người đi thỉnh mời thầy Ānanda ... và đến đoạn:]

“Thưa thầy, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ.”

(I) “Này gia chủ, đối với người phàm phu không được chỉ dạy, do có bốn điều (thiếu) nên có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.²⁰⁵ Bốn điều đó là gì?

(1) “Ở đây, này gia chủ, người phàm phu không được chỉ dạy có sự không tin tưởng vào Đức Phật, và khi người đó suy xét bên trong mình sự không tin tưởng đó vào Phật thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(2) “Lại nữa, này gia chủ, người phàm phu không được chỉ dạy có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp, và khi người đó suy xét bên trong mình sự không tin tưởng đó vào Giáo Pháp thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(3) “Lại nữa, này gia chủ, người phàm phu không được chỉ dạy có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn, và khi người đó suy xét bên trong mình sự không tin tưởng đó vào Tăng Đoàn thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(4) “Lại nữa, này gia chủ, người phạm phu không được chỉ dạy là thiếu giới-hạnh (thiếu đức hạnh, thất đức), và khi người đó suy xét bên trong mình sự thiếu giới-hạnh đó thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

“Đối với người phạm phu không được chỉ dạy, do có bốn điều này nên có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(II) “Này gia chủ, đối với người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được bốn điều (đủ) nên không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới. Bốn điều đó là gì?

(1) “Ở đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Khi người đó quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Phật như vậy, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(2) “Lại nữa, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: *‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’* Khi người đó quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(3) “Lại nữa, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: *‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’* Khi người đó quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(4) “Lại nữa, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng (quý giá), không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định*. Khi người đó quán xét bên trong mình *những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng đó*, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.

“Đối với người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có-được bốn điều này, nên không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.”

- “Thưa thầy Ānanda, con không sợ sệt. Tại sao con phải sợ? Thưa thầy, bởi vì con có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Và đối với những giới-luật tu hành dành cho đệ tử tại gia đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy bên trong mình có thứ (giới) nào bị sút mẻ (bị bể, bị phạm, bị vết).”

“Điều Đó là ích-lợi cho bác, này gia chủ! Điều đó khéo được đắc-lợi bởi bác, này gia chủ! Này gia chủ, như vậy là bác đã tuyên bố thánh quả Nhập-lưu.”

(SN 55:27)

68 Sự Từ Ghét Đáng Sợ (1) [= Cấp Cô Độc (3)]

[*Kinh này giống hệt kinh 12:41 (Quyển 2).*]

(SN 55:28)

69 ^ Nadaka Người Licchavi

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-lì) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn. Lúc đó có ông Nandaka, là quan

thượng thư (bộ trưởng) của những người Licchavi, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông ấy:

- “Này Nandaka, một người đệ tử thánh thiện nếu có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? Ở đây, này Nandaka, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn ... (4) “Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà *những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ (như kinh 55:01 ở đầu chương). Một đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

- “Thêm nữa, này Nandaka, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này sẽ được phú cho mạng sống đại thọ, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho sắc-đẹp, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho hạnh-phúc, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho danh-tiếng, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho quyền-hành, dù ở trong cõi trời hay cõi người. Nay ta nói điều này, này Nandaka, không phải do nghe được từ tu sĩ hay bà-la-môn nào; mà ta nói ra điều chính tự ta đã biết, đã thấy, và đã hiểu.”

Sau khi điều này được nói ra, một người (hầu cận) đã nhắc ông Nandaka, vị quan thượng thư của những người Licchavi, rằng: “Thưa ngài, đến giờ đi tắm gội.”

“Quá đủ rồi, ta nói, đó là sự tắm gội bên ngoài. Sự tắm gội bên-trong này mới đáng đủ, đó chính là, niềm-tin vào đức Thế Tôn.”

(SN 55:30)

70 Mahānāma

Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người là một đệ tử tại gia?”

- “Này Mahānāma, khi một người đã quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì người đó là một đệ tử tại gia.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về giới-hạnh?”

- “Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia sống kiêng cử: không sát-sinh, không gian-cấp, không tà-dâm tà dục, không nói-dối nói láo, không uống rượu nhẹ, rượu nặng hay dùng những chất độc hại là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì người đệ tử đó đã thành tựu về mặt giới-hạnh.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về niềm-tin?”

- “Này Mahānāma, ở đây, một đệ tử là người có niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Theo cách như vậy là một đệ tử tại gia thành tựu về niềm-tin.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về sự rộng lòng bố-thí?”

- “Này Mahānāma, ở đây, một đệ tử tại gia *sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kết, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.* Theo cách như vậy là một đệ tử tại gia thành tựu về sự rộng lòng bố-thí.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về trí-tuệ?”

- “Này Mahānāma, ở đây, một đệ tử tại gia là có trí, người đó có-được *trí-tuệ được hướng tới ‘sự khởi-sinh và biến-diệt’ (lẽ sinh-diệt), trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ.* Theo cách như vậy là một đệ tử tại gia thành tựu về trí-tuệ.”

(SN 55:37)

71 Kāligodhā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca, ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến tư gia của phu nhân Kāligodhā người họ Thích-ca, đến đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi phu nhân Kāligodhā họ Thích-ca đã ra gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với cô ấy:

“Này Godhā, một nữ đệ tử thánh thiện nếu có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này Godhā, (1) một nữ người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* (2) Cô ta có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... (3) ... vào Tăng Đoàn ... (4) Cô ta *sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kết, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.*

“Này Godhā, một nữ người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Thưa Thế Tôn, đối với ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn, những điều đó đã có ở trong con, và con sống đúng theo những điều đó. Bởi vì, thưa Thế Tôn, con có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng. Thêm nữa, những gì trong nhà có thể cho đi thì con đều chia sẻ tất cả cho những người đức-hạnh và có tính-khí thiện lành.

“Đó là ích-lợi cho cô, này Godhā! Điều đó khéo được đắc-lợi bởi cô, này Godhā! Như vậy là cô đã tuyên bố thánh quả Nhập-lưu.”

(SN 55:39)

72 *Nandiya (1)*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Lúc đó có ông Nandiya người họ Thích-ca đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa::

“Thưa Thế Tôn, khi ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ hoàn toàn và tất thảy không-có bên trong một người đệ tử thánh thiện, thì có phải người đó là người sống lơ tâm phóng dật hay không?”

“Này Nandiya, ta nói rằng người mà bên trong mình hoàn toàn và tất thảy không-có ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ thì đó là ‘một người ngoài cuộc (ngoài sự tu tập, ngoài chánh đạo), người đứng trong thành phần phạm phu tục chúng’.²⁰⁶ Nhưng còn, này Nandiya, theo cách nào một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách lơ tâm phóng dật và theo cách nào là người sống một cách chuyên cần, hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Nandiya họ Thích-ca đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(I) “Và này Nandiya, theo cách nào một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách lơ-tâm phóng dật?”

(1) Ở đây, này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Rồi do *quá tự mãn* với niềm-tin xác thực đó vào Phật, người đó không nỗ-lực thêm cho sự sống (tu) một-mình vào ban ngày hay sự tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách lơ tâm như vậy, thì không có niềm-vui. Khi không có niềm-vui thì không có sự hoan-hỷ (hỷ). Khi không có sự hoan-hỷ, thì không có sự tĩnh-lặng (khinh an). Khi không có sự tĩnh-lặng, thì người đó sống trong sự khổ. Tâm của người khổ thì không đạt-định được. Khi tâm không đạt-định, thì các hiện-tượng không thể hiện (hiển lộ, hiện thị... đúng như chúng thực là). Bởi do những hiện-tượng (các pháp, những giáo pháp) không thể-hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’.²⁰⁷

(2) “Lại nữa, này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... (3) ... Tăng Đoàn.... (4) Người đó có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị siết mé ... dẫn tới đạt định.*’ Rồi do *quá tự mãn* với những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, người đó không nỗ-lực thêm cho sự (sống tu) một-mình vào ban ngày hay sự tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách lơ tâm như vậy, thì không có niềm-vui ... Bởi do những hiện-tượng (các pháp, giáo pháp) không thể-hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’. người đó không nỗ-lực thêm cho sự sống một-mình vào ban ngày hay sự sống tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách lơ tâm như vậy, thì không có niềm-vui ... Bởi do những hiện-tượng (các pháp, những giáo pháp) không thể-hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’.

“Này Nandiya, chính theo cách như vậy là một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách lơ-tâm phóng dật.

(II) “Và này Nandiya, theo cách nào một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách chuyên-chú?

(1) Ở đây, này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Nhưng không tự mãn với niềm-tin xác thực đó vào Phật, người đó càng thêm nỗ-lực cho sự sống (tu) một-mình vào ban ngày và sự tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách chuyên cần như vậy, thì niềm-vui được sinh ra. Khi có niềm-vui, thì có sự hoan-hỷ. Khi tâm được nâng bổng bởi sự hoan-hỷ, thì thân được tỉnh-lặng (khinh an). Một người tỉnh-lặng **trong thân**, thì trải nghiệm sự hạnh-phúc (thân lạc). Tâm của một người hạnh-phúc thì dễ đạt-định. Khi tâm đạt-định, thì những hiện-tượng (các pháp, những giáo pháp) sẽ hiển hiện (đúng như chúng thực là). Do những hiện-tượng hiển hiện như vậy, nên người đó được gọi là ‘người sống một cách chuyên-chú.’

(2) “Lại nữa, này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... (3) ... Tăng Đoàn.... (4) Người đó có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng (quý giá), không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ Nhưng không tự mãn với niềm-tin xác thực đó vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... vào những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, người đó càng thêm nỗ-lực cho sự sống (tu) một-mình vào ban ngày và sự tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách chuyên cần như vậy, thì niềm-vui được sinh ra ... Do những hiện-tượng hiển hiện như vậy, nên người đó được gọi là ‘người sống một cách chuyên-chú.’

“Này Nandiya, chính theo cách như vậy là một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách chuyên-chú.”

(SN 55:40)

73 Nandiya (2)

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với ông Nandiya người họ Thích-ca khi ông đang ngồi một bên:

“Này Nandiya, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2) ... vào Giáo Pháp ... (3) ... vào Tăng Đoàn.... (4) Người đó có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định*’.

“Này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này là một bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

(SN 55:47)

74 Bhaddiya

[Y hệt kinh kể trên, được nói cho ông Bhaddiya họ Thích-ca.]

(SN 55:48)

75 ^ Mahānāma

[Y hệt kinh kể trên, được nói cho ông Mahānāma họ Thích-ca.]

(SN 55:49)

76 Người Trú Xong Kỳ An Cư Mùa Mưa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó có một Tỷ kheo

vừa mới trú xong kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) ở Sāvattthī đã đến Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) vì một số công việc. Những người họ tộc Thích-ca nghe tin rằng: “Nghe nói có một Tỳ kheo vừa mới xong kỳ an cư mùa mưa ở Sāvattthī mới đến Kapilavatthu.”

Rồi những người họ Thích-ca ở Kapilavatthu đó đã đến gặp Tỳ kheo đó, và kính lễ thầy ấy, sau đó họ ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy, chúng con hy vọng đức Thế Tôn vẫn khỏe mạnh.”

“Này các đạo hữu, đức Thế Tôn vẫn khỏe mạnh.”

“Thưa thầy, chúng con hy vọng thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên vẫn khỏe mạnh.”

“Này các đạo hữu, thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vẫn khỏe mạnh.”

“Thưa thầy, chúng con hy vọng các Tỳ kheo trong Tăng Đoàn vẫn khỏe mạnh.”

“Này các đạo hữu, các Tỳ kheo trong Tăng Đoàn vẫn khỏe mạnh.”

“Thưa thầy, thầy có được nghe hay học điều gì khi có mặt đức Thế Tôn trong thời gian an cư mùa mưa hay không?”

(1) “Này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: ‘Này các Tỳ kheo, (i) một số ít các Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chúng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (ii) Một số nhiều những Tỳ kheo, với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đã trở thành (người sẽ) tái sinh tự phát (trong một trong năm cõi tịnh cư thiên), sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn ở đó chứ không còn quay lại (thế gian) nữa (tức Bất-lai).’

(2) “Thêm nữa, này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: ‘Này các Tỳ kheo, (i) một số ít các Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm ... tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (ii) Một số nhiều những Tỳ kheo, với sự phá sạch năm công-cù thấp hơn ... không còn quay lại (thế gian) nữa (tức Bất-lai). (iii) Một số nhiều hơn những Tỳ kheo, với sự đã phá sạch ba công-cù thấp hơn và đang giảm thiểu tham, sân, si, đã trở thành bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian một lần nữa, sẽ làm nên sự diệt-khổ.’

(3) “Thêm nữa, này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: ‘Này các Tỳ kheo, (i) một số ít các Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm ... tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (ii) Một số nhiều những Tỳ kheo, với sự phá sạch năm công-cù thấp hơn ... không còn quay lại (thế gian) nữa (tức Bất-lai). (iii) Một số nhiều hơn những Tỳ kheo, với sự đã phá sạch ba công-cù thấp hơn và đang giảm thiểu tham, sân, si ... đã trở thành bậc thánh Nhất-lai ... (iv) Một số nhiều hơn nữa các Tỳ kheo, với sự phá sạch ba công-cù thấp hơn, đã trở thành bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trôi buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’”

(SN 55:52)

77 Dhammadinna

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana, (Isipatana có nghĩa là nơi những thiên thần hạ giới). Lúc đó có một đệ tử tại gia tên Dhammadinna, cùng với năm trăm đệ tử tại gia, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên.²⁰⁸ Sau khi ngồi xuống một bên, vị đệ tử tại gia Dhammadinna thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn hãy khởi xướng chúng con và chỉ dạy chúng con theo một cách để dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng con.”

“Này Dhammadinna, như vậy các người nên tu tập bản thân như vậy: ‘Lúc này lúc khác chúng ta sẽ thường xuyên chứng nhập và an trú trong những bài thuyết giảng đã được Như Lai nói ra, chúng là sâu sắc, sâu sắc về ý nghĩa, xuất thế gian, liên hệ đến tính-không.’ Chính theo cách như vậy các người nên tu tập bản thân.”²⁰⁹

“Thưa Thế Tôn, sẽ không dễ dàng cho chúng con—khi đang sống ở trong nhà với con cháu, dùng gỗ đàn hương và lụa Kāsi, mang vòng hoa, xúc nước hoa, và cao sáp, nhận lãnh vàng bạc—mà thường xuyên chứng nhập và an trú trong những bài thuyết giảng đã được Như Lai nói ra, chúng là sâu sắc, sâu sắc về ý nghĩa, xuất thế gian, liên hệ đến tính-không. Chúng con mong Thế Tôn chỉ dạy thêm Giáo Pháp cho chúng con.”

“Như vậy, này Dhammadinna, các người nên tu tập bản thân như vậy: (1) ‘Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2) ... vào Giáo Pháp ... (3) ... vào Tăng Đoàn.... (4) Chúng ta sẽ có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định*’. Các người nên tu tập bản thân theo cách như vậy.”

“Thưa Thế Tôn, đối với ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ đã được chỉ dạy bởi Thế Tôn, những điều đó đã có bên trong chúng con, và chúng con sống đúng theo những điều đó. Thưa Thế Tôn, vì chúng con có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng. Chúng con có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng (quý giá), không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.”

“Đó là ích-lợi cho các người, này Dhammadinna! Điều đó khéo được đắc-lợi bởi các người, này Dhammadinna! Như vậy là các người đã tuyên bố thánh quả Nhập-lưu.”

(SN 55:53)

78 Bị Bệnh

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Bấy giờ, lúc đó có một số Tỳ kheo đang may cà sa cho đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng:

“Sau ba tháng, khi cà sa đã được làm xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.”

Ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đã nghe tin: “Nghe nói rằng, một số Tỳ kheo đang may cà sa cho đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng, sau ba tháng, khi y phục đã may xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.”

Rồi ông Mahānāma họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe tin một số Tỳ kheo đang may cà sa Thế Tôn ... Giờ, con chưa nghe được và học được khi có mặt đức Thế Tôn về cách mà một đệ tử tại gia hiền trí khi bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết, nên được khởi xướng bởi một đệ tử tại gia hiền trí khác.”

(1) “Này Mahānāma, một đệ tử tại gia hiền trí²¹⁰ khi bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết, nên được an ủi bởi một đệ tử tại gia hiền trí khác với bốn điều an ủi như vậy: ‘Mong ngài²¹¹ được yên ủi. (1) Quý ngài đã xác thực niềm-tin vào Đức Phật như vậy: *“Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.”* (2) Quý ngài đã xác thực niềm-tin vào Giáo Pháp ... (3) ... vào Tăng Đoàn.... (4) Quý ngài đã có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sụt mẻ ... dẫn tới đạt định*’.

(2) “Sau khi một đệ tử tại gia hiền trí bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết được an ủi bởi một đệ tử tại gia hiền trí khác với bốn điều an ủi như

vậy, thì người đó nên được hỏi thêm: ‘Ngài có lo lắng về cha mẹ mình không?’ Nếu người đó trả lời: ‘Tôi có’, thì người đó nên được nói: ‘Nhưng, thưa ngài, ngài cũng phải chết. Dù ngài có lo lắng về cha mẹ của mình hay không, thì ngài cũng phải chết. Vì vậy, mong ngài dẹp bỏ sự âu lo về cha mẹ của mình.’

(3) “Nếu người đó nói: ‘Tôi đã dẹp bỏ sự âu lo về cha mẹ của tôi rồi’, thì người đó nên được hỏi: ‘Vậy ngài có lo lắng về vợ con hay không?’ Nếu người đó trả lời: ‘Tôi có’, thì người đó nên được nói: ‘Nhưng, thưa ngài, ngài cũng phải chết. Dù ngài có lo lắng về vợ con của mình hay không, thì ngài cũng phải chết. Vì vậy, mong ngài dẹp bỏ sự âu lo về vợ con của mình.’

(4) “Nếu người đó nói: ‘Tôi đã dẹp bỏ sự âu lo về vợ con của tôi rồi’, thì người đó nên được hỏi: ‘Vậy ngài có lo lắng về năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc) hay không?’ Nếu người đó trả lời: ‘Tôi có’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, những dục-lạc ở cõi trời còn siêu xuất hơn và siêu việt hơn những dục-lạc ở cõi người. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi những dục-lạc cõi người và quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương.’

(5) “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi những dục-lạc cõi người và đã quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa, Ba Mươi Ba) còn siêu xuất hơn và siêu việt hơn những thiên thần cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi (cảnh) những thiên thần cõi trời Tứ Đại Thiên Vương và quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần cõi trời Đao-lợi.’

(6) “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương và đã quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Đao-lợi’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, những thiên thần cõi trời Dạ-ma thiên ... những thiên thần cõi trời Đâu-

suất (Tusita) ... những thiên thần thích sáng tạo ở cõi trời Hóa Lạc Thiên (Nimmānarati) ... những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của các thiên thần khác ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên (Paranimmitavasavattī) ... những thiên thần ở cõi trời Phạm Thiên (Brahmā) còn siêu xuất hơn và siêu việt hơn những thiên thần cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên và quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Brahmā.’²¹²

(7) “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Paranimmitavasavattī (Tha hóa tự tại thiên) và đã quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Brahmā (Phạm thiên)’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, ngay cả cõi trời Brahmā cũng là vô thường, không ổn định mãi mãi, vẫn còn nằm trong danh-tính. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi cảnh trời Brahmā và hướng tâm tới sự chấm-dứt danh-tính luôn.’²¹³

(8) “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi cõi trời Brahmā và tôi đã hướng tâm tới sự chấm-dứt danh-tính’, thì, này Mahānāma, ta nói, như vậy không còn sự khác-biệt nào giữa một đệ tử tại gia đã được giải-thoát trong tâm như vậy và một Tỷ kheo đã được giải-thoát trong tâm cả trăm năm,²¹⁴ tức là, không có sự khác-biệt giữa sự giải-thoát của người này và của người khác.’²¹⁵

(SN 55:54)

CHÚ THÍCH

¹ [Trong những phiên bản của Kinh Điển Pali đã được bảo tồn (chính-bản bằng tiếng Miến Điện, tiếng Tích Lan, tiếng Thái Lan, và các ấn bản bằng mẫu tự La-tinh và bằng tiếng Anh của PTS), tổng-số-lượng các bài kinh này trong 02 bộ kinh là Bộ Kinh Liên-Kết (SN) và Bộ Kinh Tăng-Chi (AN) là khác nhau; điều này là do có nhiều bài kinh nhỏ đã được kết-lại hoặc được tách-ra, tùy theo cách biên tập của những nhà kinh điển học và các nhà biên tập khác nhau. Những số-lượng tôi [John Kelly] dùng để ghi là những số-lượng dựa theo bản dịch 02 bộ kinh này của thầy Bhikkhu Bodhi [bản dịch bộ kinh SN (năm 2.000) và bản dịch bộ kinh AN ấn hành (năm 2011*)].

² [Chỗ này xin coi phần chú thích kể trên; nhưng quý vị nên lưu ý rằng bản dịch Bộ Kinh Tăng-Chi (AN) của thầy Bhikkhu Bodhi vẫn còn đang trong giai đoạn biên tập bản thảo vào lúc tôi thực hiện bài nghiên cứu này (2009), do vậy sau này (năm 2011) xuất bản có thể cái số-lượng này có thể thay đổi một vài; mặc dù tôi vẫn tin rằng con số này chắc sẽ không thay đổi.]

³ [Con số này của Bộ Kinh Ngắn (KN) chỉ được tính dựa trên 07 tập kinh đã **được khảo sát toàn bộ**, như đã nói trên. 07 tập đó là: *Khuddakapatha* (Kinh Tiểu Tụng), *Dhammapada* (Kinh Pháp Cú), *Udana* (Kinh Phật Tự Thuyết), *Itivuttaka* (Kinh Phật Nói Như Vầy), *Sutta-nipata* (Kinh Tập), *Theragatha* (Trường Lão Kệ), và *Therigatha* (Trường Lão Ni Kệ).

⁴ [Kinh này là giống hệt **SN 55:28** (Quyển 5) và giống các kinh kinh song hành là **AN 10:92**. **Spk** giải thích “*bhayāni verāṇī*” là những sự cố-ý [mang lại] sự sợ-hãi và sự thù-ghét (*bhayaveracetanāyo*). **Spk-pt**: Sự sát-sinh và hệ quả là đáng sợ và tai hại cho cả người làm và nạn nhân; chúng tạo ra sự sợ-hãi và thù-ghét để người ta thấy sợ.

- Lời tự tuyên bố về thánh quả Nhập-lưu của mình như vậy cũng có trong các kinh **SN 55:8–10**. Bậc Nhập-lưu không còn bị tái sinh trong những cõi thấp xấu, cõi dưới; người đó “*đã định xong vận mệnh*” (*niyata*), tức chắc chắn không còn quá bảy lần tái sinh trong cõi người hay cõi trời; và người đó có “*sự giác-ngộ (chánh giác) là đích đến của mình*” (*sambodhiparāyaṇa*), nghĩa là trước sau gì cũng đạt tới giác-ngộ là thánh quả A-la-hán.] (118)

⁵ [Phiên bản kinh này trong bộ kinh AN [là kinh AN V 183 (?)] thì có thêm một hàng nữa ở đây là: “*Nhưng người biết kiêng cử sát-sinh (vân vân) thì không gây ra ‘sự thù-ghét đáng sợ’ thuộc kiếp này [hiện tại] và ‘sự thù-ghét đáng sợ’ thuộc kiếp sau [tương lai], và người đó không nếm trải sự khổ sở và ưu buồn về tâm*” (*pāṇātipātā paṭivirato n’ eva diṭṭhadhammikaṃ bhayaṃ verampasavati, na samparāyikaṃ bhayaṃ veraṃ pasavati, na cetasikaṃ dukkhaṃ domanassaṃ paṭisaṃvedeti*). Đường như lý lẽ lập luận của bài kinh đòi hỏi phải có thêm câu bổ sung này; sự bỏ mất nó trong kinh này có thể là do lỗi ghi chép ngày xưa.] (119)

- (Lưu ý trong kinh SN 12:41 này cụm chữ “*sự thù-ghét đáng sợ*” là cụm chữ tương ứng với “*hiểm-họa và sự thù-ghét*” trong phiên bản song hành của nó trong bộ kinh AN.)

⁶ [Spk: “*Bốn yếu-tố Nhập-lưu*” (*sotāpattiyaṅga*) gồm có 02 loại (mặc dù chúng đều được ghi bằng một chữ như vậy trong tiếng Pali). Loại thứ nhất có thể dịch nghĩa luôn là (i) “*bốn yếu tố giúp đạt tới thánh quả Nhập-lưu*”, bao gồm: (1) giao lưu với bậc thượng nhân; (2) nghe Giáo Pháp chân thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp, [coi kinh SN 55:55]. Và loại thứ hai có nghĩa là (ii) “*bốn yếu-tố (phẩm hạnh) của một bậc Nhập-lưu*”. Đó là những yếu tố (phẩm chất) mà một người tu chứng đắc Nhập-lưu có được, bao gồm: (1) niềm-tin xác thực vào Đức Phật; (2) niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp; (3) niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn. Niềm-tin xác-thực là niềm tin không lay chuyển [đạt được] thông qua điều đã đắc được [Spk-pt: điều đã đắc được chính là *thánh-đạo*] (*aveccappasādenā ti adhigatena [maggena] acalappasādena*). Công thức niềm-tin vào Phật, Pháp, Tăng (Tam Bảo) được phân tích chi tiết trong Vism 197–221 (Ppn 7:1–100). Cộng thêm một yếu-tố thứ tư là: (4) “*những đức-hạnh (giới hạnh) được những bậc thánh quý trọng*” để đủ thành “*bốn yếu-tố của bậc Nhập-lưu*”. Đoạn kinh này đang nói về loại thứ (ii) này.] (120)

⁷ [Spk: “*những đức-hạnh [giới hạnh] được những bậc thánh nhân quý trọng* (*ariyakantāni sīlāni*) chính là *năm giới-hạnh*, mà những bậc thánh không bao giờ từ bỏ ngay cả khi họ chuyển qua kiếp sau. Những chữ này được giải thích chi tiết trong Vism 222 (Ppn 7:104). Những giới-hạnh này là “*không bị nắm-giữ*” (*aparāmaṭṭha*), tức là chúng không phải để được tôn giữ chấp giữ vì

đục-vọng hay tà-kiến (mà giới-hạnh được tuân giữ với sự buông-bỏ và chánh-kiến).] (121)

⁸ [Spk luận giải: Ở đây, *phương pháp (nāya)* là gồm cả ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ và ‘*sự hiểu-biết vững chắc*’ sau khi người tu đã biết (mọi sự?) đã khởi-sinh một cách tùy thuộc. Như Phật đã nói: “Chính sự ‘khởi-sinh tùy thuộc’ được gọi là phương pháp; phương pháp cũng chính là Bát Thánh Đạo” [*câu này không dẫn nguồn Phật nói ở đâu*]. Trí-tuệ ở đây là minh-sát tuệ đã khởi sinh một cách liên tục (*aparāparam uppannā vipassanāpaññā*). Spk-pt nói: ‘Khởi-sinh tùy thuộc’ được gọi là “*phương pháp*” đó bởi vì, với sự áp dụng những phương tiện đúng đắn, thì *cái được biết (ñāyati)* đúng như nó thực là trong thứ đã khởi-sinh tùy thuộc. Nhưng *sự-biết (ñāṇa)* được gọi là “*phương pháp*” đó bởi vì nhờ *do điều này nên điều sau được biết*. Dù các nhà luận giảng có nói sao, chữ *nāya* không có liên hệ gì với chữ *ñāṇa* cả; *nāya* vốn xuất thân từ *ni + i*.] (122)

- (Lưu ý: Trong đoạn này, khi hết câu “*khi chấm dứt thứ này thì thứ kia chấm dứt*”, người dịch Việt đã xuống hàng để ghi riêng phần “*sự khởi-sinh tùy thuộc*” (vòng nhân duyên) để cho người đọc dễ đối chiếu với kinh song hành AN 10:92.)

⁹ [Coi thêm kinh SN 12:17, 12:18, và chú thích ở đó.] (126)

¹⁰ [Bà-la-môn tên Jāṇussoṇi cũng được nói đến trong kinh SN 45:04 và những chỗ khác trong các bộ kinh. Spk nói ông ta là quan tế lễ hay đại tế quan (*mahāpurohita*) rất giàu có, ông nổi tiếng vì sự giàu có và chức vị đó. Về chủ-đề tương tự của kinh này, coi kinh SN 12:15.] (127)

¹¹ [*Lokāyatika*: người luận giải về thế giới. Spk nói rằng ông này rất thông thạo về môn *lokāyata* (*vitāṇḍasatthe lokāyate kataparicayo*), đó là một môn tranh luận biện luận về thế giới ...] (128)

¹² [Nguyên văn câu này: *Jeṭṭham etaṃ lokāyataṃ*. Spk giải nghĩa *jeṭṭham = paṭhamam*, và giải thích rằng: “*lokāyata* là quan-điểm suy đoán tệ nhược và ô nhiễm nhưng bề ngoài nghe có vẻ lớn lao và sâu sắc” (*mahantaṃ gambhīraṃ ti upaṭṭhitaṃ parittaṃ sāsavaṃ ditṭhigataṃ*; lời chú giải này theo cách ghi trong phiên bản Se, có vẻ đáng tin hơn trong Be).] (129)

13 [Nguyên văn chữ này: *ekattaṃ*. **Spk**: Ý ông ta hỏi nó có bản tính thường-hằng (*niccasabhāva*) hay không; quan-điểm thứ nhất và thứ ba là những dạng của tư tưởng bất-diệt (*sassatadiṭṭhi*).] (130)

14 [Nguyên văn chữ này: *puṭhuttaṃ*. **Spk**: Ý ông ta hỏi có một bản tính khác với bản tính trước hay không; quan-điểm thứ hai và thứ tư là những dạng của tư tưởng đoạn-diệt (*ucchedadiṭṭhi*).] (131)

15 [Gia chủ *Citta* là đệ tử tại gia nam đệ nhất về ‘thuyết-pháp’; và gia chủ *Hatthaka* của xứ Ālavaka là đệ tử tại gia nam đệ nhất về ‘có tài vận-dụng bốn phương tiện hấp dẫn và duy trì mối quan hệ với người khác’. Về 02 người này, mời coi lại kinh **AN 250** và **251**, và các chú thích ở đó.] (328)

16 [*Khujjuttarā* là nữ đệ tử tại gia đệ nhất ‘đa-văn học rộng’; và *Veḷukaṇḍakīyā* là nữ đệ tử tại gia đệ nhất về “tu-thiền”. Về 2 người này, mời coi lại kinh **AN 1:260** và **262**, và các chú thích ở đó.

- *Khemā* là Tỳ kheo ni đệ nhất về ‘trí-tuệ’; và *Uppalavaṇṇā* là Tỳ kheo ni đệ nhất về ‘thần-thông’. Tỳ kheo ni *Uppalavaṇṇā* đã xuất hiện trong kinh **SN 5:05**, và *Khemā* đã thuyết pháp trong kinh **SN 44:01**. Về 2 thánh ni này, mời coi lại kinh **AN1: 236** và **237**, và các chú thích ở đó] (329)

17 [*Nakulapitā* có nghĩa là ‘cha của Nakula’, vợ ông là *Nakulamātā* nghĩa là ‘mẹ của Nakula’. Phật tuyên bố vợ chồng ông là đệ nhất về sự tin-tưởng trong những đệ tử tại gia; (coi thêm kinh **AN 1:157** và chú thích ở đó)] (1)

18 [Tất cả 03 phiên bản của bộ kinh **SN**, và cả những phiên bản của **Spk**, đều ghi là *aniccadassā* vi (không luôn luôn là một người nhìn-thấy), nhưng **SS** thì ghi là *adhiccadassā* vi (một người nhìn thấy cơ hội); có lẽ là đúng chữ nguyên thủy; **CPD** cũng chọn chữ này. **Spk** giải nghĩa là: “Bởi do sự khổ đau của con nên con không thể đi đến nơi nào mình muốn; tôi chỉ thỉnh thoảng gặp được [đức Thế Tôn], không thường xuyên gặp được.”

- Chữ *manobhāvanīyā*, thường được gán cho Tỳ kheo, thường bị dịch sai là ‘với một cái tâm được tu tập’. Tuy nhiên cụm chữ này có nghĩa của một động-tính từ có nghĩa chữ là “người nên được đưa tới tâm (mình)”, tức là người đó là người đáng được kính trọng, bậc đáng kính. **Spk**: “Những vị đại

trưởng lão như Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên được gọi là người (bậc) ‘*đáng kính trọng*’ [= được đưa tới tâm] bởi vì *tâm* (*citta*) sẽ tăng trưởng về những phẩm-chất thiện mỗi khi nhìn thấy những vị đó.”.] (2)

19 [Be và Se ghi chữ mô tả thứ hai là *aṇḍabhūto*, nghĩ chữ là “trở thành trứng”, và Spk đã đưa chữ này vào chú giải như sau: “*Aṇḍabhūto*: trở một người không nên yếu ớt (*dubbala*) như một cái trứng. Vì một người không thể chơi đùa quăng ném cái trứng, nó sẽ bị bể ngay—cũng giống như vậy thân này ‘giống như trứng’ bởi vì nó sẽ tan vỡ ngay cả khi một người đâm sầm vào một gai nhọn hay một gốc cây.” Mặc dù lời kinh và chú giải của Spk, phiên bản Ee ghi chữ này là *addhabhūto*, có vẻ đúng hơn; coi thêm kinh SN 35:29 (Quyển 4) và chú thích 14 ở đó.] (3)

20 [Về nguyên từ học theo luận giảng của chữ *puthujjana*, mời coi lại chú thích số 153 trong Quyển 2. Spk đã phân tích dài về đoạn này; về bản dịch đoạn luận gii song hành ở Ps I 20–25, coi thêm tham luận có tên “*Kinh Gốc Rễ Củ Sự Hiện-Hữu*” see Bodhi, trang 33–38, bởi TKBD. Những giảng luận phân biệt “*người phạm phu không được chỉ dạy*” (*assutavā puthujjana*) và “*người phạm phu thiện tốt*” (*kalyāṇa puthujjana*). Trong khi cả 02 loại người phạm phu đều có chung nghĩa là người chưa đạt tới thánh đạo Nhập-lưu, loại đầu là chưa có sự hiểu biết giáo lý về Giáo Pháp và chưa có sự tu tập nào cả; loại sau thì có cả hai và đang phấn đấu tu tập để đạt tới thánh đạo.] (4)

21 [Đoạn kinh ở đây nêu ra 20 loại *cách-nhìn* hay *quan-điểm* có một *danh-tính* (thân kiến, *sakkāyadiṭṭhi*); 20 quan-điểm này là do đặt cái ‘ta’ (ngã) theo 04 cách trong liên quan với 05 uẩn cấu thành nên một danh tính ‘con người’ [về *danh-tính*: *sakkāya*; coi thêm kinh SN 22:105]. Quan điểm thân-kiến là một trong 03 gông-cùm (kiết sử) cần phải được búng bỏ trước khi chứng nhập vào dòng thánh đạo (Nhập-lưu).

- **Spk**: Người đó *cứ* coi *sắc-thân* là ‘ta’ (*rūpaṃ attato samanupassati*): bằng cách coi sắc-thân và cái ‘ta’ là một, như coi ngọn lửa đèn dầu và màu của nó là một vậy. Người đó coi cái ‘ta’ là *sở hữu sắc-thân* (*rūpavantam attānam*): người đó lấy thứ vô sắc [như tâm hay những yếu tố thuộc tâm] là cái ‘ta’ sở hữu sắc-thân, giống như kiểu một cái cây sở hữu bóng cây vậy; *sắc-thân nằm trong cái ‘ta’* (*attani rūpaṃ*): người đó lấy thứ vô sắc [tâm] là cái ‘ta’ mà sắc-

thân nằm trong đó, kiểu như mùi hương nằm trong một bông hoa vậy; cái ‘ta’ ở trong sắc-thân (*rūpasmim attānam*): người đó lấy thứ vô sắc [tâm] là cái ‘ta’ nằm trong sắc-thân, kiểu như một viên ngọc nằm trong cái hộp vậy. Người đó bị ám muội bởi những quan-niệm “Ta là sắc-thân, sắc-thân là của-ta”: người đó nuốt những ý tưởng đó với dục-vọng và những quan-điểm (tà-kiến), người đó đứng dựa trên chúng, và nắm giữ chấp thủ theo chúng.

- **Spk** ghi rằng việc nhận lấy mỗi uẩn là cái ‘ta’ chính là cách-nhìn của tư tưởng tự diệt-vong (*ucchedadiṭṭhi*, đoạn kiến), còn những cách-nhìn khác là những biến tấu của tư tưởng bất-diệt (*sassatadiṭṭhi*, thường kiến); như vậy có 05 loại tư tưởng tự-diệt và 15 loại tư tưởng bất-diệt. Theo tôi [TKBD] điều này không thể chấp nhận được, vì những quan điểm bất-diệt rõ ràng có được bằng cách lấy mỗi uẩn thuộc tâm (cảm-giác, nhận-thức ...) là cái ‘ta’. Tôi cũng nghi vấn tại sao phải bắt buộc quan-điểm cái ‘ta’ (thân kiến) là phải lấy một uẩn hay nhiều uẩn làm cái ‘ta’; bởi vì nếu quan-điểm cái ‘ta’ có ý nghĩa hay nội dung gì thì nó chỉ cần có một mối quan hệ giữa một cái ‘ta’ giả định đó và các uẩn mà thôi, chứ nó đâu cần phải nhận lấy uẩn nào là cái ‘ta’. Theo Đức Phật, tất cả những giả định (về thân kiến) như vậy đều sụp đổ khi phân tích ra. Coi thêm phần “*những suy-xét về cái ‘ta’*” trong kinh *Đại Duyên* (*Mahānidāna Sutta*) (**DN 16**) được dịch và giảng luận bởi TKBD trong quyển “*Đại Duyên*”, trang **53–55, 92–98.**] (5)

22 [**Spk**: Ngay cả những vị Phật cũng bị khổ đau về thân, nhưng tâm thì chỉ bị khổ đau khi nó có đi kèm bởi tham, sân-m si.] (6)

23 [Đây là đoạn kinh “mẫu” hay “công thức” chung dùng để diễn tả một đệ tử với sự chứng ngộ tối thiểu cũng là Nhập-lưu (*sotāpatti*). Thánh đạo Nhập-lưu bứng bỏ 03 gông-cùm đầu tiên là: quan điểm có ‘danh tánh’ (thân kiến), sự nghi-ngờ (nghi), và ‘sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thế nguyện’ (giới-cấm thủ).] (7)

24 [**Spk**: Ở đây, sự không khổ đau của tâm đã được chỉ ra là ‘*sự vắng mặt những ô-nhiễm*’ (vô nhiễm). Như vậy trong kinh này số đông phạm tục được cho thấy bị khổ đau cả về thân và tâm, còn A-la-hán chỉ bị khổ đau về thân nhưng không bị khổ đau về tâm. Còn 07 hạng học-nhân [*sekha*: 04 trên thánh đạo và 03 với thánh quả] thì không phải [hoàn toàn] bị khổ đau trong tâm

cũng không phải [hoàn toàn] không bị khổ đau trong tâm, mà họ đang theo đuổi mục tiêu là ‘sự không còn khổ đau trong tâm’ (*anāturacittatam yeva bhajanti*).] (8)

25 [Spk: Họ muốn đi đến chỗ để trú trong 03 tháng An Cư mùa mưa (kiết hạ).] (9)

26 [Spk đã chú giải rất dài về cách thầy Xá-lợi-phất trợ giúp những người đồng đạo về nhu cầu vật chất (*āmisānuggaha*) của họ và về Giáo Pháp (*dhammānuggaha*). Coi thêm quyển “Xá-lợi-phất: Vị Thống Soái của Giáo Pháp” bởi trưởng lão Nyanaponika, và quyển “Những Vị Đệ tử Của Đức Phật” bởi Nyanaponika và Hecker, trang 21–22.] (10)

27 [Theo luận giảng, bụi cây này được người dân uốn mọc thành vòm che mát như một cái lều để ngồi dưới đó cho khỏi nắng ...] (11)

28 [*Xuất ngoại (nānāverajjagatam)* ở đây nghĩa là: từ xứ này qua xứ khác, bang này qua bang khác (ngay cả trong cùng một vương quốc).] (12)

29 [Mẫu lời kinh này có xuất hiện nhiều chỗ trong bộ kinh SN này, gần giống nhau hoặc khác nhau chút ít, như trong **SN 12:24, 12:25, 12:26, 22:02, 22:86, 35:81, 42:13, 44:02, và 45:5.**]

30 [Spk nói rằng tất cả những chữ này nên được hiểu là đồng nghĩa với chữ dục-vọng (ái; *taṇhā*). Tôi cố ý dịch chữ *parilāha* theo 02 cách: (i) là *sự đam-mê* khi nó được dùng là đồng nghĩa với dục-vọng (như ngay chỗ này), và (ii) là *sự sốt nã*o như khi nó được dùng để mức độ khắc nghiệt của sự khổ đau (như bên dưới).] (14)

31 [Spk: Đoạn này được đưa vào thêm để cho thấy *sự nguy-hại* đối với người không tránh bỏ tham-dục đối với năm uẩn, và *những ích-lợi* của người trừ bỏ tham-dục đó.] (15)

32 [Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) là đệ nhất trong số những Tỷ kheo giỏi phân giải chi tiết điều được nói ra một cách ngắn gọn, là một kỹ năng thầy ấy sẽ thể hiện trong kinh này và trong những kinh khác như **SN 35:130, 132**. Về cuộc đời và sự chỉ dạy của thầy ấy, mời đọc thêm quyển của

TKBD có tên “*Đại Ca-chiên-diên: Bạc Thầy về Giảng Giải Giáo Lý*”, coi thêm quyển “*Những Vị Đại Đệ Tử Của Đức Phật*” của nhà sư Nyanaponika và học giả Hecker, trang 213–244. Avantı là quê nhà của thầy ấy, nằm ở miền xa tây nam của thung lũng sông Hằng. Toàn bộ bài kinh này đã được trích nguyên văn trong **Nidd** I 197–200 trong chỗ một luận giảng về bài thi kệ bên dưới.](16)

33 [Coi kinh **Sn 844.**] (17)

34 [Chữ “yếu-tổ” (*dhatu*, giới) ở đây = “uẩn” (*khandha*): cách dùng này rất hiếm, chỉ thấy có trong một số kinh như kinh này và các kinh **SN 22:45, 53, 54 ...**] (18)

35 [Yếu-tổ *thức* không được nói ra ở đây để tránh nhầm lẫn với những thức nghiệp và thức quả ... **Spk** chú giải: Tại sao yếu-tổ thức không được đề cập ở đây [như là “*nhà cho thức*”? Vì để tránh sự bối rối, vì “nhà” được nói đến ở đây theo nghĩa là điều-kiện (*duyên; paccaya*). Thức (do) nghiệp trước là một điều-kiện cho cả thức do nghiệp và thức do quả, và một thức (do) quả (trước) là điều-kiện cho cả thức quả (sau) và thức nghiệp (sau). Do vậy sự bối rối có thể khởi sinh như vậy: “Loại thức nào đang được nói ở đây?” Để tránh sự bối rối đó, thức không được đưa vào câu này, và giáo lý được diễn đạt không bị rối loạn. Thêm nữa, 04 uẩn kia, là những đối-tượng [hay những cơ-sở: *ārammanavasena*], được cho là những “trạm dừng cho loại thức được tạo ra từ nghiệp” (*abhisāṅkhāraviññāṇaṭṭhitiyo*), và để chỉ cho họ thấy thức không được đề cập ở đây như vậy.](19)

36 [*Sự dính-líu và dính-chấp (upay’ upādāna)* ... vân vân. Coi kinh **12:15** (Quyển 2) và chú thích số 31 ở đó.] (20)

37 [Lưu ý: ở đây có lại ‘*yếu-tổ thức là nhà của thức*’: mục đích để chỉ ‘sự đẹp-bỏ ô-nhiễm’, bởi *sự loại bỏ hết ô-nhiễm* là không chỉ đối với 4 uẩn kia, mà đối với tất cả năm uẩn] (21)

38 [Tôi đọc cụm chữ ghép dài theo cách ghi của **Be** và **Se** là *rūpanimittaniketavisā ravinibandha*. **Ee** thì ghi chữ *-sāra-* thay chỗ đuôi chữ *-visāra-*. Sự dịch nghĩa chỗ này là khó khăn như đã nhìn thấy. Tôi đã làm rõ nghĩa chỗ này với sự trợ giúp của **Spk**, nó giải thích rằng: “Bản thân sắc là

dấu-hiệu (nimitta) theo cái nghĩa nó là một điều-kiện (duyên) làm khởi sinh những ô-nhiễm, và nó cũng là trú xứ [gồm có] ‘dấu-hiệu của những hình-sắc’, là trú xứ theo cái nghĩa là chỗ trú ở cho *cái hành động đối-tượng hóa*. Hai chữ *sự phát rộng* (của những ô-nhiễm) và *sự trói buộc* (của chúng) (*visāra-vinibandha*) có nghĩa là sự mở rộng những ô-nhiễm và tính chất giam cầm hay trói buộc của chúng. [Do vậy toàn bộ cụm chữ ghép nên được hiểu là:] ‘sự phát rộng và sự giam cầm trong trú xứ [nằm trong] dấu-hiệu của những hình-sắc.’ Do vậy, nghĩa câu kinh ở đây là: ‘bằng sự phát rộng của những ô-nhiễm, và bằng sự giam cầm trói buộc của những ô-nhiễm khởi sinh trong trú xứ [nằm trong] dấu-hiệu của những hình-sắc.’ *Một người đó được gọi là người đi lang thang trong một trú-xứ: là ‘người đi lang thang trong một nơi trú ở’ bằng cách lấy những hình-sắc là một đối-tượng.’*] (22)

39 [Spk: Tại sao *năm-uẩn* ở đây được gọi là “nhà”(oka), trong khi *sáu đối-tượng* được gọi là một “trú xứ” (*niketa*)? Một cách tương ứng, đó là do sự mạnh và yếu của tham-muốn và nhục-dục. Mặc dù chúng đều có nghĩa là nơi ở, nhưng “nhà” có nghĩa là nhà của một người, một nơi thường trú, trong khi đó “trú xứ” là một nơi một người ở vì mục đích đặc biệt nào đó, ví dụ như tịnh xá (để tu) ... Giống như tham-muốn và nhục-dục là mạnh trong liên hệ với “nhà” của một người, trong đó có vợ, con, của cải, thì tham-muốn và nhục-dục là mạnh trong liên hệ với *năm-uẩn bên trong*. Nhưng, giống như tham-muốn và nhục-dục là yếu hơn trong liên hệ với những nơi như tịnh xá, tu viện ..., thì tham-muốn và nhục-dục cũng yếu hơn trong liên hệ với *những đối-tượng bên ngoài*.] (23)

40 [Sự thân tình và dính líu như vậy với người tại gia được cho là không phù hợp với một Tỷ kheo; coi thêm **SN 9:07** và **SN 35:241**.] (24)

41 [Se ghi là: *purekkharāno*; Be và Ee: *purakkharāno*. Sn ghi giống Se. Chữ này thường có nghĩa “tôn vinh, kính trọng” nhưng lời kinh ở đây là nói theo nghĩa gốc của nó là “đưa ra trước, đặt ra trước”, được dịch nghĩa là sự phóng tâm tới tương lai thông qua sự tham-muốn.

Spk giải nghĩa nó = cụm chữ *vaṭṭam purato kurumāno* (đặt vòng hiện-hữu ra trước). Chữ phủ định *apurekkharāno* ở đây được giải nghĩa là = *vaṭṭam*

purato akurumāno, và trong **Pj** II 547,6–7 giải nghĩa là = *āyatim attabhāvaṃ anabhinibbattento* (không sản sinh sự hiện-hữu cơ-sở thể trong tương lai).

- Sự giảng nghĩa của thầy Đại Ca-chiên-diên làm gợi nhớ lời giảng nghĩa của Phật về những dòng thi kệ trong kinh *Bhaddekaratta* (Một Đêm Xuất Sắc), tức **MN 131**.] (25)

⁴² [Đoạn này cũng có trong kinh **SN 56:09** (Quyển 5), cũng có trong kinh **DNI 8,9–16** (?), và một số chỗ khác.] (26)

(► Trong phần chú thích có dẫn chiếu lời kinh trong **DN** và **MN**, nhưng một vài trong số đó người dịch Việt không thể tra ra hoặc thấy không khớp, thì sẽ đề nguyên cách đánh số trang kinh theo ấn bản đó và ghi dấu (?)).

⁴³ [Đây là 03 phần sự tự-ta (ngã mạn): ‘Ta’ ưu hơn; bằng; và kém hơn.] (66)

⁴⁴ [Đoạn này hàm chỉ công thức ‘Bốn Diệu Đế’ đối với mỗi uẩn, theo lời tuyên thuyết của Phật trong bài kinh đầu tiên của Phật: “năm uẩn bị dính-chấp là sự khổ” [kinh **SN 56:11** (Quyển 5)]. Coi thêm kinh **SN 12:13** (Quyển 2) và chú thích số 27 ở đó.] (67)

⁴⁵ [Trong kinh “Kết Quả Của Đời Sống Tu Sĩ” (*Sāmaññaphala Sutta*, Kinh Sa-môn Quả, **DN 2**) thì quan-điểm “phi nhân duyên” (*ahetukavāda*) này được gán cho vị thầy của Kỳ-na giáo là Makkhali Gosāla. Cũng trong kinh trên, thuyết “phi nghiệp quả” (*akiriyavāda*) được cho là của Pūraṇa Kassapa; [kinh **SN 24:06** (Quyển 3) cũng có nói, nhưng không nói thuyết là của ai]. Còn trong kinh **SN 46:56** (Quyển 5) thì một thuyết “phi nhân duyên” khác cũng được cho là của đạo sư Pūraṇa Kassapa.] (92)

⁴⁶ [Coi thêm kinh **SN 14:34** (Quyển 2).] (93)

⁴⁷ [Trong kinh **AN 1:253** ông được tuyên bố là đệ nhất đệ tử tại gia nam về việc cúng dường những thứ đáng thích nhất, đúng đắn nhất.] (113)

⁴⁸ [Câu cuối này là: *Sa-upādāno ... bhikkhu no parinibbāyati*. Nếu dịch theo nghĩa ẩn dụ, câu này cũng có thể dịch nghĩa là “Một Tỷ kheo với (còn) nhiên

liệu thì không thể được hoàn toàn dập tắt được”. (Coi thêm đoạn cuối kinh **36:07**.) (105)

49 [Trong kinh **AN 1:254** ông được tuyên bố là đệ nhất đệ tử tại gia nam về về sự phụng sự chăm nom cho Tăng Đoàn.] (114)

50 [Về câu chuyện chuyển đạo của gia chủ tên Upāli, mời coi kinh **MN 56**.] (115)

51 [Trong kinh **AN 1:195** thầy Bhāradvāja được tuyên bố là đệ nhất đệ tử xuất gia trong số những người đã cất lên ‘tiếng gầm sư tử’ (tuyên bố đồng đặc về điều gì); thầy ấy tuyên bố thánh quả A-la-hán của mình trong kinh **SN 48:49** (Quyển 5); coi thêm Luật Tạng, **Vin II, 111-12**.] (116)

52 [Udena là vua của xứ Kosambī; về câu chuyện của ông, mời đọc thêm các kinh **Dhp-a I 161–227**; **BL 1:247–93**] (117)

53 [Cụm chữ cuối: *addhānaṃ āpādentī*. **Spk** giải nghĩa là: glosses: *paveṇiṃ paṭipādentī*; *dīgharattaṃ anubandhāpentī* (họ kéo dài nó một cách liên tục; họ theo đuổi nó trong thời gian dài lâu”.) (118)

54 [Nguyên văn câu này: *Mātumattisu mātucittam upaṭṭhapetha*. (Nghĩa chữ hơi khó dịch Việt, có lẽ đại ý là): “Thiết lập một tâm về mẹ đối một đối-tượng như mẹ” (?); và tương tự các câu về chị gái, em gái. **Spk** chú giải rằng mẹ, chị gái, và con gái là “03 đối-tượng được tôn trọng” (*garukā rammaṇa*) không thể bị xâm phạm. Thật thú vị là, câu nói này, mặc dù đã được gán là của Phật như một lời khuyên dạy phổ biến, lại không được tìm thấy trong bất kỳ kinh nào trong Kinh Tạng.] (119)

55 [Chỗ này chính là ‘chủ-đề thiền’ được gọi là sự “nhận-thức về không hấp-dẫn (*asubhasaññā*) của thân” [như trong kinh **AN 7:49**, đoạn (1)], hoặc sự “quán-niệm về thân” (*kāyagatāsati*) được giảng giải chi tiết trong **Vism 239–66** (**Ppn 8:42–144**).] (120)

56 [Chữ gốc là: *abhāvitakāyā*: không tu thân. **Spk** chú giải: không được tu tập về “thân” của năm cửa [giác-quan] (*abhāvitapañcadvārikakāyā*), tức là thiếu sự kiềm chế các giác-quan.] (121)

57 [Chữ gốc: *dhātunānatta*. Coi thêm các kinh **SN 14:01–10** (Quyển 2). Mỗi thể thức cảm-nhận có 03 yếu-tố—căn cảm-nhận, đối-tượng, và thức—do vậy tổng cộng là 18 yếu-tố.] (122)

58 [**Spk**: Tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là *suróng* (sự khởi-sinh tùy thuộc): đó là, một tiếp-xúc hội với thức-mắt có chức năng là một điều-kiện (duyên) [với chức năng là sự hỗ-trợ quyết định (*upanissaya*)] đối với (sinh ra) một cảm-giác *suróng* trong chạng *javana* (tốc hành tâm) tùy thuộc vào chỉ một tiếp-xúc. Ứng dụng cách lý giải tương tự cho những đoạn kinh kế tiếp.] (123)

59 [Gia chủ này cũng xuất hiện trong các kinh **SN 22:03–04** (Quyển 3).] (124)

60 [Câu trích dẫn này cũng có trong kinh **SN 14:04** (Quyển 2).] (125)

61 [*Manāpam itth’ etan ti pajānāti*. **Spk**: Tỳ kheo đó hiểu cái hình-sắc *suróng* (dễ chịu; lạc sắc) được nhìn thấy bởi mình như vậy: “Nó chỉ là vậy”, nghĩa là: “Đó chỉ là một thứ *suróng*” (chỉ biết nó là vậy thôi! không có gì phải dính theo hay mê thích hay dính tâm theo nó).] (126)

62 [Tôi đọc theo **Be** và **Se** là: *Cakkhuvīññāṇaṃ sukhavedaniyaṃ ca phassaṃ paṭicca* ... có vẻ đáng chọn hơn cách ghi của **Ee** là: *Cakkhu- viññāṇaṃ sukhavedaniyaṃ. Sukhavedaniyaṃ phassaṃ paṭicca* ... Không rõ ở đây chữ *cakkhuvīññāṇaṃ* đang được ghi ra như một yếu-tố thêm hay chỉ đơn thuần là một điều-kiện (duyên) cho cảm-giác. Tôi dịch theo giải thích của **Spk** (coi nó như một yếu-tố thêm) như vậy: “(Có) thức-mắt, và một tiếp-xúc là một điều-kiện (duyên) tạo ra cảm-giác *suróng* dưới cái danh nghĩa là sự hỗ trợ quyết định, sự gần gũi, sự tiếp giáp, sự liên kết [coi **Vism** 532–41; **Ppn** 17:66–100]. Tùy thuộc vào đó sự tiếp-xúc được trải nghiệm là *suróng*, ở đó khởi sinh một cảm-giác *suróng*”.] (127)

63 [Ngay đầu kinh đầu tiên **SN 22:01** của Quyển 3 có chú thích về gia chủ Nakulapitā.] (128)

64 [**Be** ghi: *seleyyakāni karonti*; **Se**: *selissakāni karontā*; **Ee**: *selissakāni karonti*. Sự giải thích của **Spk** cho thấy trò chơi này giống như trò chơi “nhảy

cóc” của trẻ con, tức một người nhảy qua lưng của người khác đang khom xuống.] (129)

⁶⁵ [Bốn danh từ này thuộc những “mẫu câu” của những bà-la-môn dùng để sỉ nhục những sa-môn. (Họ cho rằng những sa-môn là những người thấp hèn được sinh ra từ bàn chân của trời Brahmā, còn những bà-la-môn thì được sinh ra từ miệng ...) “*Những tín đồ hèn mọn*”: ở đây **Spk** giải nghĩa chữ *bharataka* là *kuṭumbikā* (những chủ đất), nhưng tôi nghĩ đây là từ dùng để chửi những đệ tử thí chủ tại gia. (Cụm chữ ‘*bởi những tín đồ hèn mọn của họ*’ theo bản dịch của nhà sư Sujato là: ‘*bởi những kẻ giả vờ để thừa hưởng văn minh Vệ-đà*’.) (130)

⁶⁶ [**Spk** diễn dịch rằng: Giáo Pháp ở đây chỉ là *mười đường nghiệp thiện* (chứ chưa có toàn bộ Giáo Pháp của Phật sau này), và thiền định (*jhana*) là sự tu tập 08 tầng thiền-định (chứ chưa có thiền-quán (minh-sát, tuệ)).] (131)

⁶⁷ [Câu này: *Katā kiñcikkhabhāvanā*. Nghĩa chính xác của nó không rõ, nhưng tôi dịch theo sự giải nghĩa của **Spk** là: *āmisakiñcikkhassa vadḍhanatthāya katan ti attho* (được làm vì mục đích gia tăng những của-cải vật chất của họ).] (132)

⁶⁸ [Có ý thích hay ham thích (*adhimuccati*) thứ gì theo cách của “tham”; từ chối hay kháng cự (*byāpajjati*) thứ gì theo cách của “sân” hay “ác-ý”.] (133)

⁶⁹ [Cụm chữ này là: *amhākaṃ ācariyabhariyāya*. Đây có lẽ muốn nói đó là “*phu nhân của sư thầy của chúng tôi*” (tức nữ bà-la-môn này là người góa chồng), nhưng s.v. *ācariyabhariyā* thì nói cho rằng: theo như lời kinh đã diễn đạt thì đó là một nữ sư thầy, và thiếu niên đó là một học trò (*antevāsī*) của vị nữ bà-la-môn này. Waldschmidt có xuất bản phiên bản tiếng Phạn của kinh này.] (134)

⁷⁰ [Chữ ‘*đẹp bình bát*’ nghĩa là không ăn nữa. Hành động đầy đủ của một Tỷ kheo lúc đó là mang bình bát ra và đổ nước vào, dùng tay phải rửa bình bát và rửa luôn bàn tay mình trong đó luôn (sau cùng có thể tráng nước bình bát và dội nước bàn tay lần cuối).] (135)

⁷¹ [Lý do chỗ này là: một Tỷ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho người nghe còn mang giày dép là phạm điều luật **Sekhiya 61**; cho người ngồi chỗ cao hơn là phạm điều luật **Sekhiya 69**; cho người trùm che đầu tóc là phạm điều luật **Sekhiya 67**. Ý nghĩa giới-luật: những trường hợp đó thể hiện sự không tôn trọng của người nghe]; (có lẽ do nữ bà-la-môn không phải người trong Tăng Đoàn nên không hề biết điều đó mà thôi, chứ không phải cô không tôn trọng các Tỷ kheo).] (136)

⁷² [Giống lời kinh trong **SN 22:03** (Quyển 3), đoạn (5), (6).] (187)

⁷³ [Đoạn mô tả về ‘*một người thất-đức ...*’ cũng có trong các kinh **AN 8:19**, phần (II), đoạn (3); **AN 8:20**, đoạn giữa; **AN 7:72**, đoạn (1), và các kinh **Ud 52,13–16**, **55,10–13**.] (188)

⁷⁴ [Tôi hiểu chữ *upagacchāmi* chỗ này thực sự là ở thể tương lai, phù hợp với những điều tương lai tiếp theo.] (189)

⁷⁵ [(*Pañcakaṅga* có nghĩa là Năm Công Cụ, Năm Đồ Nghề). Kinh này là giống kinh **MN 59**, kinh “*Bahuvedaniya Sutta*”.] (245)

⁷⁶ [108 loại cảm-giác này đã được giảng giải trong kinh **SN 36:22** bên dưới.] (246)

⁷⁷ [Kể từ tầng thiền định thứ tư trở lên, do không còn sự sướng và sự khổ nên sự hạnh-phúc ở đây được coi là dạng “*khoái-lạc bình an và siêu phàm*”; thường được gọi là “*an trú*” hay “*lạc trú*”, theo nghĩa nó là “*bình an và siêu phàm*”.] (247)

⁷⁸ [*Sự chấm-dứt* (tịch diệt) được gọi là hạnh-phúc theo nghĩa nó là ‘*niềm hạnh-phúc không được cảm nhận*’ (*avedayasukha*) (bằng giác quan).’ Còn ‘*niềm hạnh-phúc được cảm nhận*’ (*vedayasukha*) thì khởi sinh theo cách của năm dây khoái lạc-giác-quan và tám tầng thiền nói trên, trong khi đó *sự chấm-dứt* thì được gọi là ‘*niềm hạnh-phúc không được cảm nhận*’. Cho dù có được cảm nhận hay không, chúng vẫn đều là hạnh-phúc theo cái nghĩa là những ‘*sự an trú không-còn khổ đau*’ (*niddukkhabhāva*).] (248)

⁷⁹ [Tôi đọc nguyên văn câu cuối là: *Yattha yattha āvuso sukham upalabbhati yamhi yamhi, tam tamtathāgato sukhasmimpaññāpeti*. **Spk** diễn dịch: Cho dù sự hạnh-phúc được cảm nhận hay sự hạnh-phúc không được cảm nhận, Như Lai chỉ mô tả rằng: thứ gì không còn khổ là hạnh-phúc.] (249)

⁸⁰ [Trong kinh **AN 1:250** gia chủ Citta được Phật tuyên bố là đệ nhất về thuyết giảng Giáo Pháp trong số những đệ tử tại gia nam (*etadaggaṃ dhammakathikā nam*); coi thêm kinh **SN 17:23** (Quyển 3). Về tiểu sử của vị gia chủ này, mời đọc thêm “*Những Sự Đoản Mệnh của Những Vị Đệ Tử*” của học giả Hecker, và “*Những Vị Đại Đệ tử Của Đức Phật*” của nhà sư Nyanaponika và Hecker, trang 365–732.

- Theo **Spk**, làng *Migapathaka* là ngôi làng huê lợi (tức nộp huê lợi cho gia chủ; *bhogagāma*) của gia chủ Citta, nó nằm ngay sau khu Vườn Xoài Hoang.] (285)

⁸¹ [Giống ví dụ ở kinh **SN 35:232** ở trên.] (286)

⁸² [Vấn đề này cũng được đặt ra trong đoạn đầu của kinh **35:129** (Quyển này), nhưng lời giải đáp bên dưới thì được nói ra giống như trong kinh **14:01** (Quyển 2).] (287)

⁸³ [**Spk** nói rằng: vị trưởng lão đó biết câu trả lời, nhưng do thầy ấy không phải là một người thuyết pháp một cách tự tin. Sự giải thích này không mấy thuyết phục, khi lúc sau chúng ta đọc lời thú nhận của vị trưởng lão ở cuối kinh rằng ‘Câu trả lời không khởi sinh trong tâm thầy ấy lúc đó’.] (288)

⁸⁴ [Phần kinh thi **Th 120** (*Trưởng Lão Kệ*) được cho là của Thầy Isidatta. Isidatta khi còn tại gia đã nhận được lá thư từ người bạn “chưa biết mặt” là cư sĩ Citta [coi kinh kế tiếp] đề cao về Phật, Pháp, Tăng. Nhờ đó Isidatta đã có niềm-tin vào Tam Bảo và đã thụ giới xuất gia theo Ngài Đại Ca-chiên-diên, và đã nhanh chóng chứng ngộ A-la-hán với sáu trí-biết trực tiếp.] (289)

⁸⁵ [Về sự “*đẹp bình bát*” của Tỳ kheo, coi lại chú thích 135 trong kinh **35:133** ở trên.] (290)

⁸⁶ [Trong câu cuối này, tôi đã dịch cái thành ngữ lộng cộng này một cách tự do cho đúng theo nghĩa tự nhiên của nó.] (291)

⁸⁷ [*Brahmajāla Sutta* (kinh Phạm Võng), tức kinh **DN 1**.] (292)

⁸⁸ [Cả luận giảng **Spk** và **Spk-pt** đều không chú giải gì về sự bỏ đi đột ngột này của thầy Isidatta. Thầy ấy có lẽ đã nhìn thấy sự nguy-hại trong sự “*lợi, vinh, danh*” (mà gia chủ Citta đã tôn dành cho mình; tức bậc chân tu sợ bị đánh danh) và muốn chọn sống trong sự ẩn danh hoàn toàn. (Như Phật đã lặp lại rất nhiều lần trong *Chương 17* (Quyển 2): ‘*Lợi, danh, vinh*’ là *tai hại (chết chóc), đắng cay, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trôi-buộc’*—Tỳ kheo Isidatta này (và Tỳ kheo Mahaka trong kinh kế tiếp) có lẽ là một tấm gương cho những tu sĩ ở Việt Nam và xứ khác nên noi theo).] (293)

⁸⁹ [**Se** và **Ee** ghi là *kuṭṭhitam*, **Spk** (của **Se**) giải nghĩa là *kuthitam*; **Be** ghi là *kuthitam*, được giải nghĩa là *kudhitam*. **SS** ghi là *kikitam* hoặc *kikītam* được chọn bởi học giả Woodward. **Spk** gọi chữ này là chữ *chỉ xảy ra 1 lần duy nhất trong toàn bộ kinh Phật được bảo tồn trong Tam Tạng (Tipiṭaka) (tepiṭike buddhavadāne asambhinnapadam)*, giải nghĩa nó là “*cực kỳ kịch liệt*” (*atitikkhamam*), bởi do cát nóng dưới chân và nắng nóng trên đầu.] (294)

⁹⁰ [Đoạn này cũng có ghi trong **Vism** 393–394 (**Ppn** 12:85).] (295)

⁹¹ [Coi kinh **Ud 76,26–27**, được nói ra khi đề cập tới A-la-hán *Lakunṭaka Bhaddiya*, (coi kinh **SN 21:6**, Quyển 1)). Mọi chữ nghĩa gốc chỉ những bộ phận của một chiếc xa và nghĩa bóng là chỉ một A-la-hán ...] (296)

⁹² (Nội dung từ mục 13-21 trong kinh **MN 44** là gần giống tương tự nội dung của toàn bộ kinh **SN 41:06** này; chỉ hơn thiếu nhau một vài chỗ vấn-đáp.)

- [Nội dung những phần vấn đáp trong kinh này là tương ứng với các đoạn kinh trong **MN 44**, mục 13-21. Tuy nhiên *câu hỏi và trả lời cuối cùng* (11) trong kinh này không thấy có trong các kinh **MN 43** và **MN 44**.]

- [**Spk** giải thích rằng gia chủ Citta đã từng an trú trong *sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức* (diệt thọ tưởng) [**Spk-pt**: là sự an trú của bậc thánh Bất-lai

(gia chủ Citta là một bậc Bất-lai)] và do vậy ông mới đặt câu hỏi về *những sự tạo-tác* (hành) vốn là *cơ-sở* cho sự chấm-dứt (diệt định). Coi thêm chú thích số đuôi (299) bên dưới.] (297)

93 [03 chữ trong tiếng Pāli—*kāyasaṅkhāra*, *vacīsaṅkhāra*, *cittasaṅkhāra*—là giống hết những chữ tạo nên yếu-tố ‘*sự-tạo-tác*’ (*saṅkhāra*) trong chuỗi ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ (như trong kinh **12:02** (Quyển 2), coi chú thích số 7 trong kinh đó), nhưng trong ngữ cảnh kinh này thì ý nghĩa của chúng là khác, như sự thảo luận bên dưới sẽ cho thấy.

- Ở đây, trong những chữ kép *kāya-saṅkhāra* và *citta-saṅkhāra*, thì *saṅkhāra* rõ ràng có một nghĩa thụ động (nghĩa là): *cái được tạo tác hay được tạo ra* (*saṅkharīyati*) *tùy thuộc vào thân và vào tâm*. Còn trong trường hợp chữ kép *vacī-saṅkhāra* thì nghĩa của *saṅkhāra* là chủ động (nghĩa là): *cái tạo ra* (*saṅkharoti*) *lời-nói*.] (298)

- (Nói cách khác: 03 loại *sự tạo-tác* (hành) này không nên bị nhầm lẫn với 03 loại *sự tạo-tác* được nói đến trong kinh **SN 12:03**. Bộ *03-hành* trong kinh đó được nói ra khi giảng giải về ‘*sự khởi sinh tùy thuộc*’ (vòng duyên khởi), trong đó *những sự tạo-tác* (hành) là một yếu-tố nhân duyên trong 12 yếu-tố nhân duyên; còn bộ *03-hành* trong kinh này được nói liên quan tới trạng thái ‘*chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*’ (diệt thọ tưởng). Mời quý vị đọc lại lời kinh đoạn (11) của kinh **SN 12:03** và chú thích số 7 ở đó.)

94 [Câu hỏi này nói về trạng thái định *chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức* hay *diệt thọ tưởng* (*saññāvedayitanirodha*), cũng thường được gọi là trạng thái *diệt-định* (*nirodhasamāpatti*): sự chứng đắc sự chấm-dứt, là một trạng thái trong đó tâm và mọi chức năng thuộc tâm (tâm sở) đều ngừng diệt. Trạng thái này được cho là *chỉ có thể đạt tới bởi những bậc Bất-lai và A-la-hán*, họ là những bậc đã làm-chủ (thiện tạo) 08 tầng chứng đắc thiền định. Để đọc thêm chi tiết, mời coi **Vism 702–9 (Ppn 23:16–52)**. **Spk** cho rằng gia chủ Citta hỏi như vậy để coi vị Tỳ kheo đó đã quen thuộc với sự chứng đắc đó chưa.] (299)

95 [**Spk**: điều này có nghĩa là trước khi chứng đắc sự chấm-dứt (diệt) người tu đã phân định thời gian chứng-đắc là bao lâu, quyết định trước rằng: “*Ta sẽ*

‘không-còn tâm’ (*acittaka*) trong khoảng thời gian như vậy. (*acittaka*: không còn khỏi tâm, trạng thái không có tâm này tâm nọ nữa).] (300)

96 [*Sự tạo-tác lời-nói* (ý-nghĩ và sự soi-xét) chấm dứt trong tầng thiền định thứ hai; *sự tạo-tác của thân* (sự thở-vô thở-ra) chấm dứt trong tầng thiền định thứ tư; *sự tạo-tác của tâm* (nhận-thức và cảm-giác) chấm dứt trong chính sự chứng đắc trạng thái ‘chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ đó.]] (301)

97 [Nguyên văn cụm chữ này: *Indriyāni vipphasannāni*. **Spk** chú giải rằng: Các căn cảm-nhận bị mê mủi mỗi khi hoạt động xảy ra và những đối-tượng bên ngoài tác động vào các giác-quan. Chúng bị phiền khổ, bị phủ bụi đất, như một tấm gương đặt ở ngã tư đường bị bụi đất hắt vào bởi gió. Nhưng, giống như một cái gương được đặt trong hộp kín và được chiếu sáng bên trong, năm căn của một Tỷ kheo đã chứng nhập *sự chấm-dứt* (diệt định) thì chiếu sáng bên trong (trạng thái) *sự chấm-dứt* đó vậy.]] (302)

98 [**Spk** giải thích: trước khi chứng nhập trạng thái *sự chấm-dứt* (diệt định), vào lúc ấn định thời gian nhập định, người tu nhất quyết rằng: “*Ta sẽ ‘không-có tâm’ trong khoảng thời gian (nhập định) đó và sau đó ta sẽ trở lại ‘có chú-tâm’.*”]] (303)

99 [**Spk**: Sau khi người thiền thoát-ra khỏi trạng thái *sự chấm-dứt* (diệt định) đó, *tâm chứng quả* khởi sinh trước. Do chiếu theo *nhận-thức* và *cảm-giác* gắn liền với *tâm* nên mới nói “*sự tạo-tác của tâm khởi sinh trước*”. Sau đó, vào lúc *bhavaṅga* (phần cơ-sở để hiện-hữu (hữu phần) = vô thức, tiềm thức), *sự tạo-tác của thân* [sự thở] sẽ khởi sinh trở lại, và rồi sau cùng, vào lúc hoạt động (của thân) bình thường trở lại, *sự tạo-tác lời-nói* khởi sinh trở lại, được gọi là *ý-nghĩ* (tâm) và *sự soi-xét* (tứ) có thể làm phát sinh *lời-nói* trở lại.]] (304)

100 [Nguyên văn 03 *sự tiếp-xúc* đó lần lượt là: *suññataphassa*, *animittaphassa*, *appaṇihitaphassa*. **Spk**: Những trạng thái này có thể được giải thích theo cách tính-chất (*saguṇa*) của chúng, hoặc theo cách đối-tượng (*ārammaṇa*) của chúng. (a) Theo cách tính-chất của chúng: sự chứng quả (*phalasamāpatti*) được gọi là trống không, và sự tiếp-xúc đi kèm được gọi là sự tiếp-xúc trống-không; tương tự cách giải thích cho hai chữ còn lại. (b) Theo cách đối-tượng của chúng: Niết-bàn được gọi là trống-không bởi nó

trống rỗng tham, sân, si; được gọi là vô dấu-hiệu (vô tướng) bởi không có những dấu-hiệu của tham, sân, si; và vô định-hướng bởi nó không còn bị định hướng theo/tới tham, sân, si. Sự tiếp-xúc của sự chứng quả đã khởi sinh, (sự chứng quả đó) lấy sự trống-không [Niết-bàn] làm đối-tượng, thì được gọi là sự tiếp-xúc trống-không; phương pháp tương tự đối với hai chữ còn lại.

- Sự chứng quả là sự chứng đắc thiền định đặc biệt trong đó tâm trực-tiếp trải nghiệm niềm chân phúc của Niết-bàn. Nó được nói là có 04 mức độ, tương ứng với 04 mức độ giác-ngộ = (sự chứng quả Nhập-lưu, sự chứng quả Nhất-lai ...). Coi **Vism** 698–702 (**Ppn** 23:3–15).] (305)

101 [**Spk**: chính Niết-bàn được gọi là sự tách-ly (*viveka*). Tâm người đó nghiêng về, đổ về, ngã về Niết-bàn.] (306)

102 [Điều này được nói ra như vậy bởi vì: *sự chấm-dứt* (diệt định, diệt thọ tướng) được chứng đắc bằng cách *trước tiên* chứng nhập trong mỗi tầng thiền định sắc giới (*jhāna*) và mỗi tầng chứng đắc vô-sắc, và rồi sau đó quán-sát nó bằng sự minh-sát theo cách nhìn thấy ba đặc tính ‘*vô-thường, khổ, vô-ngã*’. Trình tự các bước này để đạt tới *sự chấm-dứt* đã được giảng giải trong **Vism** 705–707 (**Ppn** 23:31–43).] (307)

103 [Thi kệ **Th 659-672** là của thầy Godatta. Những lời vấn-đáp tiếp theo cũng có trong **MN 43**, mục 26-33, trong đó thầy Xá-lợi-phất và Đại Ca-chiên-diên là hai người đối thoại.] (308)

104 [(i) **Spk**: có 12 ‘*sự giải-thoát vô lượng của tâm*’, đó gồm: 04 cảnh giới cõi trời (bốn phạm trú), và 04 thánh đạo và 04 thánh quả.] (309)

105 [(ii) **Spk**: có 09 ‘*sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì*’, đó gồm: vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì], và 04 thánh đạo và 04 thánh quả.] (310)

106 [**Spk** không chú giải gì chỗ này; nhưng dường như cách diễn tả “*sự giải-thoát bằng sự trống-không hay tánh-không*” (*suññatā cetovimutti*) thường được dùng để chỉ *sự định-tâm dựa trên minh-sát* (thiền quán) nhìn thấu bản chất *vô-ngã* của những hiện-tượng và cũng để chỉ các thánh đạo và thánh quả siêu thế.] (311)

107 [(iii) **Spk**: Có 13 ‘*sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm*’, gồm: sự minh-sát—[bởi vì minh-sát tuệ loại bỏ những dấu-hiệu giả là ‘thường, lạc, ngã, tịnh’]; 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới—[bởi chúng không còn dấu-hiệu của hình-sắc của sắc giới]; 04 thánh quả, và 04 thánh đạo—[bởi vì những dấu-hiệu của những ô-nhiễm (vốn là những ‘tác giả’ tạo nên những dấu-hiệu) không còn có trong đó).] (312)

108 [Theo cách diễn dịch này: (i) *sự giải-thoát vô lượng của tâm* là 04 cõi trời (04 phạm trú, tứ vô lượng tâm); (ii) *sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì* là tầng chứng đắc vô sắc giới thứ ba (vô sở hữu xứ); và (iii) *sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không (tánh không)* là sự định-tâm dựa trên sự minh-sát nhìn thấu bản chất vô-ngã của mọi hiện-tượng. Còn (iv) *sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm* thì khó được chỉ ra hoặc quy theo những tiêu chuẩn giáo lý. **Spk** chỉ xếp nó thuộc (thánh quả) siêu thế với Niết-bàn là đối-tượng của nó.] (313)

109 [**Spk**: ‘tốt nhất, bậc nhất, ưu nhất’ ở đây là do có luôn thánh quả A-la-hán] (314)

110 [**Spk** đã chú giải chữ *kiñcana* như thế nó phái sinh từ động từ là *kiñcati* được giải nghĩa là = *maddati palibundhati* (đè bẹp, nghiền nát; ngăn cản, cản trở), do vậy nó có nghĩa là sự cản-trở hay trở-ngại. Tuy nhiên, sự phái sinh đúng của nó là từ *kim + cana*—đơn thuần có nghĩa là “*thứ, thứ gì đó*”; mời coi thêm **MW**, s.v. (2) *ka, kas, ka, kim*. Chữ này đã được dùng một cách thành ngữ trong tiếng Pāli có nghĩa là một ‘sự sở-hữu’ được coi như là một cản-trở; coi thêm chú thích số 454 ở kinh **MN 43**, mục 36, về nghĩa của chữ *kiñcana* này. Cái nghĩa (ghép *kim + cana*) này của nó có lẽ đã được chế đặt ra cho mục đích sư phạm (để chỉ dạy). Coi thêm **PED** để tham khảo thêm mấy chỗ khác ở đó nghĩa này đã được thấy rõ.] (315)

111 [**Spk** nói: bởi vì những ô-nhiễm đó đánh dấu một người là tham, hay sân, hay si. Có lẽ câu này có nghĩa: *tham* là nhân của ‘dấu hiệu đẹp’ (tướng đẹp), *sân* là nhân của ‘dấu hiệu xấu’ (tướng xấu), còn *si* là nhân của những ‘dấu-hiệu (mê tín) của/về sự thường, lạc, hữu ngã’.] (316)

112 [Mặc dù về phương diện “*giống nhau về ý nghĩa*” này trong kinh gia chủ Citta đã *không đề cập* tới loại giải-thoát thứ ba [(iii) ‘*sự giải-thoát của tâm*

bằng sự trống-không hay tánh-không’], nhưng bản thân trạng thái này theo tên gọi của nó đã cho thấy tính chất “trống-không” rồi, và do vậy theo cách này nó đã giống 03 loại kia về sự “trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si”.] (317)

113 [Ni-kiền-tử Nātaputta chính là ông Mahāvīra (Đại Thiên), ông tổ sáng lập của đạo Jain (nên còn được gọi là ‘giáo phái Ni-kiền-tử’). Mặc dù ông có xuất hiện vài lần trong Tam Tạng Pāli (đặc biệt coi kinh MN 56, nhưng không có kinh nào cho thấy ông ta đã từng gặp Phật lần nào. Những đệ tử của ông được gọi là những *nigaṇṭha* (ni-kiền-tử), nghĩa gốc chữ này là: những “người không búi tóc”.] (318)

114 [**Spk** chú giải: vì sao gia chủ Citta phải tới gặp ông khổ sĩ trần truồng đó? Vì muốn xóa bỏ ý nghĩ của những người Ni-kiền-tử cho rằng những người theo đạo Phật không thân thiện với mọi người. Ngoài ra ông cũng muốn đến để chỉ ra những điều không đúng trong giáo lý của ông Ni-kiền-tử.] (319)

115 [Nguyên văn cả câu này: *Atthi avitakko avicāro samādhī, atthi vitakkavicārāṇaṃ nirodho*. Như lời kinh sẽ cho thấy, đây là đề cập tới trạng thái tầng thiền định thứ hai (cũng như theo định nghĩa tiêu chuẩn về nó).] (320)

116 [Nguyên văn cả câu này: *Na khvāhaṃ ettha bhante bhagavato saddhāya gacchāmi*. Gia chủ Citta đang lập cái bẫy ngôn từ, ông Ni-kiền-tử sẽ bị sập bẫy ngay câu bên dưới.] (321)

117 [Tất cả 03 phiên bản đều ghi chữ *ulloketa* ở đây, mặc dù **SS** thì ghi là *apaloketa*, và **Spk** (**Se**) thì ghi là *oloketa*. **Spk** diễn tả về ông Ni-kiền-tử chỗ này là: “Ông ta nở ngực, hóp bụng, rướn căng cổ về phía trước, quan sát khắp mọi phía, và rồi ngược nhìn lên”, cách diễn giải này của **Spk** đã ủng hộ chữ *ulloketa*. Tôi dịch theo cách ghi của **Be** và **Ee** là *apaloketa* [còn **Se** thì lặp lại chữ *ulloketa*], chữ này cung cấp sự tương phản có ý nghĩa hơn, rằng: “Ông ta nhìn một cách ngờ vực bởi vì ông ta cũng thấy ngượng (vì bị hờ) khi nhìn vào mắt những đệ tử của ông.”] (322)

118 [Câu này có thể có nghĩa là: (a) ‘Hãy trả lời lại cho tôi trước mặt các môn đệ của ngài’, hoặc ‘Ngài cùng các môn đệ của ngài có thể trả lời hoặc bác bỏ tôi’.] (323)

119 [Chỗ này tôi dịch theo **Ee** ghi là *pañhe apucchitvā*. Cả **Be** và **Se** đều ghi là *pañhe āpucchitvā*, trông có vẻ trực trặc, vì động từ sau thường có nghĩa là “rời đi, đi khỏi” và nó khó thể được dùng với nghĩa liên quan tới sự “đặt những câu hỏi”. Ở đây có lẽ ông Ni-kiền-tử đã làm ngơ không chấp nhận lời thách hỏi của gia chủ Citta, nên gia chủ Citta đã đứng dậy ra về, chứ gia chủ Citta thật sự không hỏi 10 câu hỏi đó.] (324)

120 [Ở đây đọc câu này theo **Be** và **Se** là: *koci uttari manussadhammā alamariyaññadassanaviseso*. **Ee** nên sửa lại như vậy cho đúng. Lời diễn đạt này thường có trong các kinh như một thuật ngữ tiêu chuẩn để chỉ tất cả những tầng chứng đắc thiên-định và những giai đoạn giác-ngộ ... **Spk** giải nghĩa chữ *manussadhamma* là “điều bình thường của con người” chính là = 10 đường nghiệp thiện. Và những điều vượt cao hơn đó (*tato manussadhammato uttari*) là những điều “siêu nhân”. *Alamariyaññadassanavisesa* được giải nghĩa là = “sự khác-biệt của sự-biết và sự-thấy có khả năng tạo nên trạng thái của một thánh nhân”.] (325)

121 [Nguyên văn cụm chữ này: *pāvaṇipphotaṇā*. Theo **Spk**, đây là loại chổi lông được làm từ lông con công, dùng để quét phủ bụi đất chỗ ngồi trước khi ngồi.] (326)

122 [TKBD: không hiểu chỗ này gia chủ Citta nói lời đề cao Giáo Pháp hay chỉ mượn câu này để pha một ý nghĩa ngậm ngùi đối với người bạn cũ khác đạo?] (327)

123 [Tôi đọc câu này theo cách ghi của **Se** là: *kim hi no siyā bhante* (sao tôi là không thể, thưa ngài).] (328)

124 [TKBD: như vậy có nghĩa là gia chủ Citta đã là một bậc thánh Bất-lai, người đã xóa bỏ năm gông-cùm đầu tiên (hạ phần kiết sử) trói buộc chúng sinh trong cảnh dục-giới.] (329)

125 [Riêng **Se** có cách ghi đúng ở đây là: *dhammiko dhammarājā dhammikaṃ balim anuppadassati*. Những *thiên thần* đó muốn vị gia chủ trở thành vị *vua quay chuyển bánh xe* (chuyển pháp luân vương) để họ chắc chắn sẽ nhận được những thứ cúng dường dành cho họ. Tôi dịch chữ *dhammarājā* là “*vị vua của sự chân-chánh*” (chánh vương) chứ không dịch đúng như chữ là “*vị vua của Giáo Pháp*” (Pháp vương), bởi vì *Pháp Vương* là chữ thường được dùng để biểu thị cho Phật.] (330)

126 [Chỗ này có lẽ **Ee** có cách ghi tốt nhất: *saṅghe ca pasādetvā cāge ca samādapetvā*.] (331)

127 [**Spk**: chữ ‘*Caṇḍa*’: nghĩa là hung dữ, bạo tàn; tên này do những người kết tập kinh đặt ra.] (332)

128 [*Hiện từ, nhẹ nhàng* là tạm dịch chữ *sorata* [**Ee**: *sūrata*]. Coi thêm chú thích số 256, 462 trong Quyển 1.] (333)

129 [Tên ông có nghĩa là: ‘cái hộp cây bói đa’ bởi da mặt ông có màu trái của cây này khi nó chín rụng xuống đất. Ông là chủ quản một đoàn kịch gồm rất nhiều diễn viên và ông trở thành rất nổi tiếng khắp Ấn Độ. Lời kinh thi **Th 1091-1145** về sự đề cao sự nhiệt-thành nghiêm túc về mặt lương tâm đạo đức là của ông.] (334)

130 [Cụm chữ gốc là: *saccālikena*. Học giả Woodward dịch nghĩa là “*bằng cách (diễn xuất) của mình làm giả sự thật*” [**KS** 4:214], nhưng tôi làm theo **Spk** giải nghĩa chữ này là chữ kép *dvanda* có nghĩa là: *saccena ca alikena ca*.] (335)

131 [Ở đây, chỗ này đòi hỏi thời hiện-tại, chúng ta nên đọc theo **Be** và **Se** là *na labhāmi*, và bên dưới, chỗ đòi hỏi thời quá khứ bất định, nên đọc là *nālattham*. **Ee** thì ghi chữ sau trong cả 02 chỗ.] (336)

132 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *Pahāso nāma nirayo*. **Spk**: thực ra không có riêng một địa ngục nào tên này. Thực ra đó là một chỗ trong đại địa ngục A-tỳ (Avīci) ở đó các cư dân bị tra tấn trong các trang phục hóa trang của những diễn viên đang ca hát và múa nhảy ...] (337)

133 [Coi kinh **MN 57**, từ mục 2-5, là những đoạn hỏi đáp với ý nghĩa song hành như đoạn này (mặc dù ở đó nói về những quan-điểm tái sinh thành chỗ khác).] (338)

134 [**Spk**: tên của ông có nghĩa ‘*người kiếm sống bằng nghề chiến tranh*’; tên này do những người kết tập kinh đặt ra; TKBD chọn dịch là ‘*người giết thuê*’ hay ‘*lính đánh thuê chuyên nghiệp*’ cho hợp với nghĩa phổ thông.] (339)

135 [Đây là cách dịch thoáng nghĩa được gợi ý bởi VĀT. **Se** và **Ee** ghi là *sarañjitānaṃ*, nhưng **Be** ghi chữ *parajitānaṃ* (*bị đánh bại bởi những người khác; bị từ trận*) thì có nghĩa đúng hơn.] (340)

136 [Giống như trên, **Spk** cũng nói đây không phải là một địa ngục có tên riêng như vậy. Đó là một chỗ trong đại địa ngục A-tỳ (Avīci), trong đó những chúng sinh trong hình dạng lính chiến bị giết trong chiến trận.] (341)

137 [03 động từ này là *uyyāpenti* [được giải nghĩa = *upari yāpenti*], *saññāpenti* [được giải nghĩa = *sammā ñāpenti*], và *saggaṃ okkāmenti*. Về cụm chữ này, **Spk** mô tả là: “Họ đứng xung quanh người chết và hô rằng ‘Này ông, hãy đi lên cõi trời’; này ông, hãy đi lên cõi trời’ và nhờ vậy làm cho người chết nhập vào (pavesenti) thiên đàng.”] (342)

138 [Tức những người theo đạo Jain (Kỳ-na giáo) của giá chủ là Ni-kiền-tử Nātaputta. Về giáo chủ Ni-kiền-tử này, mời coi thêm kinh **41:8**.] (343)

139 [(*Sẽ rớt trong địa ngục, như thể bị tống xuống đó* là tạm dịch nghĩa qua tiếng Việt). Nguyên văn cụm chữ này: *Yathābhaṭaṃ* [**Ee**: *yathā haṭaṃ*] *nikkhitto evaṃ niraye*. Cụm chữ thành ngữ này là tối nghĩa và sự diễn dịch ở đây là thuộc sự phỏng đoán. Cụm chữ này cũng có ghi trong kinh **MN 12**, mục 21 và chú thích 189 ở đó, được tạm dịch là “(*người đó*) bị ký thác trong địa ngục như thể đã bị đưa thẳng xuống đó” dựa theo sự giải nghĩa của luận giảng là: “*Người đó bị đọa trong địa ngục như thể đã bị lôi đi và đưa xuống đó bởi những giám ngục của địa ngục*”. Cách dịch nghĩa này, là làm theo chú giải của **Ps II 32** [*yathā nirayapālehi ābharitvā niraye ṭhapito*], là còn rắc rối và nan giải nan giải, bởi vì chữ *yathābhaṭaṃ* là một từ bất biến hóa với vai trò của nó là thuộc trạng từ, không phải là một thực từ (quan trọng) được đặt

để gán vào chủ thể. Vai trò của chữ *evam* cũng tối nghĩa. Mời coi thêm sự thảo luận nhưng không kết luận trong **PED**, s.v. *yathā*.] (344)

140 [Chỗ này phiên bản **Ee** không ghi câu *evam etassa pāpassa kammaṣṣa pahānaṃ hoti.*] (345)

141 [**Spk**: chữ “*tâm-từ*” khi được nói ra [một mình] thì có thể được diễn dịch là (trạng thái) *cận-định* hoặc *tăng thiên định*, nhưng khi nó được phẩm định là một “*sự giải-thoát của tâm*” (*cetovimutti*) thì nhất định có nghĩa là *tăng thiên định*.

- Nghiệp thuộc cõi dục-giới được gọi là *ngiệp giới-hạn* (*pamāṇakatam kammaṃ*); nghiệp thuộc cõi sắc-giới được gọi là *ngiệp vô-hạn* (hay *vô lượng*, *appamāṇakatam kammaṃ*). Nó được gọi là vô-hạn bởi vì nó được làm bằng cách vượt trên giới-hạn, vì nó được tu tập bằng cách bao trùm được xác định, không được xác định, và tùy hướng [coi thêm sự giảng giải này trong **Vism** 309–11; Ppn 9:49–58].

- “Không còn nữa, không còn có nữa” (*na taṃ tatrāvasissati, na taṃ tatrāvatīṭṭhati*). **Spk**: tức nghiệp dục-giới không còn bám dính, không còn có tiếp trong cõi sắc-giới và vô-sắc giới. Nghĩa là gì? Là nghiệp thuộc dục-giới không có khả năng lấn lướt nghiệp thuộc sắc giới và vô sắc giới, cũng không thể duy trì hay có được cơ-hội [để tạo ra những quả của nó]. Thay vì vậy, giống như một dòng lũ lớn có thể áp đảo một dòng suối nhỏ, nghiệp thuộc sắc giới và vô sắc giới có thể áp đảo nghiệp thuộc dục giới và duy trì ở đó sau khi đã tạo ra một cơ-hội [để tạo ra những quả của nó]. Loại nghiệp ưu thế hơn này [sau khi đã ngăn chặn nghiệp dục giới sản sinh ra quả của nó] sẽ tự nó dẫn dắt tới sự tái-sinh trong cõi trời brahmā (phạm thiên giới).] (346)

142 [Chỗ này tôi làm theo những gợi ý của học giả von Hinüber về cách ghi cho đúng và dịch cho đúng những chữ này, như trong bài viết của ông có tên là “*Chữ Ma Dvīhitikā và Sự Mô Tả Về Những Nạn Đói Trong Kinh Văn Phật Giáo Tiền Thân*” (*Description of Famines in Early Buddhist Literature*). Trước tiên, câu này nên được ghi cho đúng là: *Nālandā dubbhikkhā hoti duhitikā setaṭṭikā salākāvuttā*. Tất cả mọi **mss** còn lưu truyền, dường như, đều đã bị nhiễm bởi chữ *dvīhitikā* và chữ *setaṭṭhikā*, mặc dù **Spk** đã nhận dạng *duhitikā* ở đây là chữ ‘tục tưu’ và những kinh khác nói về sự thất bại mùa

màng thì bảo lưu chữ *setaṭṭikā* [coi thêm **Vin** II 256,21–23 = **AN** 3:56, đoạn (2)]. **Spk** thì giải thích cả 02 chữ *duhihitikā* và *duhitikā* đều phái sinh từ *duhihi* [hoặc *duihiti* (*khó khăn, khó ăn, khó đi, khó sống*)], nhưng sự phái sinh đúng của chúng là từ chữ *duhita* [coi lại chú thích số 212 ở trên]. Cách ghi chữ *setaṭṭhikā* theo nghĩa suy đòi được chú giải bởi **Spk** có nghĩa là “*trắng đầy xương*”, tức đầy xương người phơi trắng đồng vì người ta bị ‘chết như rạ’ do nạn đói do mùa màng thất bại; nhưng những luận giảng khác thì nhận dạng chữ *setaṭṭikā* là một căn bệnh dịch mùa màng (*rogajāti*) bị gây ra bởi những côn trùng ăn phá phần ruột trong của những nhánh lúa. Chữ này được phân tách là *seta-aṭṭi-kā* (*bệnh trắng, dịch trắng*) bởi vì những mùa màng bị ảnh hưởng đã chuyển thành trắng xác và không tạo ra hạt lúa [mời coi thêm **Sp** VI 1291,5–7 = **Mp** IV 136,16–18; và **Sp** I 175,4–8].(347)

143 [Chỗ này tôi đọc theo **Se** và **Ee** là *saññāmasambhūtāni*, khác với **Be** ghi là *sāmaññasambhūtāni*. **Spk** chỉ giải nghĩa nó là = *sesasūlam*.] (348)

144 [Chỗ này tôi cũng đọc theo **Se** và **Ee** là *nihitaṃ vā nādhigacchati*, khác với **Be** ghi là *nihitaṃ vā thānā vigacchati*.] (349)

145 [Giới luật cấm các Tỷ kheo nhận vàng, bạc (và tiền) cúng dường; đó là điều luật *Nissaggiya-pācittiya* 18; coi thêm **Vin** III 236–39 và **Vin** I 245,2–7. Bài kinh này được ghi trong **Vin** II 296–97 là tuyên ngôn cấm các Tỷ kheo nhận vàng, bạc (hay tiền). Theo như Luật Tạng **Vin** III 238, “*bạc*” là = *tiền* *bạc*, ở đây theo nghĩa rộng gồm những đồng tiền được làm từ bạc, đồng, gỗ, hay hổ phách, hay bất cứ thứ gì có chức năng như tiền, được làm phương tiện trao đổi mua bán.](350)

146 [**Be** bỏ mất phần câu hỏi thứ hai này, rõ ràng là do lỗi khi biên tập, vì trong **Se** và **Ee** đều có.] (351)

147 [So sánh chỗ này trong kinh **12:33** (Quyển 2) cũng có ghi các câu “... người đó ứng dụng phương pháp (nguyên lý) này cho quá khứ và tương lai”. Cách xử lý của **Spk** ở đây là coi cụm chữ *akālikena pattenā* như một biểu thức đơn với chữ *akālikena* có vai trò là công cụ trạng từ để bỏ nghĩa cho chữ *pattenā*; **Spk** chú giải như vậy: *Akālikena pattenā ti na kālantarena pattenā; kālaṃ anatikkamivā va pattenā ti attho*. “*Được những ngộ tức thì*”: là không

phải được chứng ngộ sau một khoảng thời gian; nghĩa là điều đó được chứng ngộ ngay chứ không có thời gian trôi qua.”

- Để hiểu thêm về chữ *akālikena*, mời coi lại chú thích số 33 trong Quyển 1, chú thích 103 trong Quyển 2. Lời mở đầu của đoạn này có lẽ đã bị cắt xén bớt.] (352)

148 [Lưu ý rằng ông thôn trưởng đã gán cho Phật đã nói câu ông dẫn trực tiếp trong ngoặc ‘...’, như một khẳng-định chung về mối liên hệ nhân-duyên giữa tham-dục và sự khổ (*yam kiñci dukkham uppajjamā naṃ uppajjati...*). Nguyên văn câu này không thấy có trong lời Phật nói ở trên, nhưng rõ ràng nó là cần có như một dẫn chứng cho cái “nguyên-lý này” (*iminā dhammena*); dường như câu này có trong kinh văn nguyên thủy nhưng có lúc nó đã bị bỏ đi khi đọc. Ngay bên dưới chính Phật đã tổng hợp lại lời của mình đã nói.] (353)

149 [Đoạn này gồm có những câu Đức Phật đã tuyên thuyết trong bài kinh thuyết giảng đầu tiên, tức kinh *Chuyển Pháp Luân*, **SN 56:11** (Quyển 5). **Spk** chú giải: *Sự theo đuổi hạnh-phúc (sự sướng) giác quan* (dục lạc) được nói ra để chỉ ra *những loại người thụ hưởng khoái-lạc giác quan (II–III)*; *sự theo đuổi sự khổ-hạnh (hành xác)* được nói ra để chỉ ra *những khổ-sĩ hay sa-môn (IV–V)*; *con đường trung-đạo* được nói ra để chỉ *03 loại sự phai-mòn (VI)*. Mục đích để chỉ ra tất cả đó là gì? Như Lai, người đã đạt tới sự sự giác-ngộ toàn thiện bằng cách dẹp-bỏ 02 cực đoan đó và bằng cách đi theo con đường trung-đạo, không phê phán hay khen ngợi tất cả những người thụ hưởng dục lạc hay tất cả những khổ sĩ. Phật chỉ phê phán những ai đáng bị phê phán và khen ngợi những ai đáng được khen ngợi.] (354)

► (Nhân tiện: Trong kinh này, từ phần **(II)** dưới đây, (và trong kinh **42:13** kế tiếp), người dịch Việt đã đổi cách đánh số (i)-(x) giữa-trang của TKBD thành những số **(1)-(10)** để người đọc dễ nhìn ra bố cục của bài kinh, và để dễ dàng đọc kinh này đối chiếu với kinh tương ứng là **AN 10:91**.

► (Trong phần **(III)** trở xuống: các chi mục (a), (b), (c), (d) do người dịch Việt đặt ra và ghi tóm lược lại để người đọc dễ nhìn và khỏi lặp lại nhiều lần những ‘căn cứ’, nhưng vẫn giữ đúng nguyên ý nghĩa của lời kinh gốc.)

150 (Kinh này với phần **(II)** và **(III)** là song hành tương ứng với toàn bộ phần **[I.]** và phần **[II.]** của kinh **AN 10:91** [chỉ hơi khác một chút về bố cục sắp xếp] (như thứ tự ‘căn cứ để khen’ và ‘căn cứ để chê’, nhưng người dịch Việt đã làm thứ tự đó trong kinh **AN** giống thứ tự trong kinh **SN** để người đọc dễ đọc đối chiếu 02 kinh). Coi thêm chú thích 2120 và 2121 trong kinh đó để hiểu thêm về sự phân tích các yếu-tố của những loại người thụ hưởng dục-lạc).

- [Có 03 phần phẩm-chất để kết hợp phẩm định *những người thụ hưởng dục-lạc* là thuộc phân-loại nào, đó là: (i) cách của-cải có được, là chân chính, hay bất chính, hay cả hai; (ii) của-cải đó có mang lại hạnh-phúc và niềm-vui cho mình hay không; và (iii) có chia sẻ của-cải cho những người khác và làm việc công-đức hay không. Tổng hợp lại có 09 phân-loại. Phân-loại thứ 9 là người có được cả 03 phần tích cực của (i), (ii), (iii), là người tốt, nhưng phân-loại người tốt này còn được phân loại tiếp là *bị trói buộc với của-cải* và *không bị trói buộc với của-cải*; tổng cộng là 10 phân-loại. Đây cũng chính là cách phân tích loại người thụ hưởng dục-lạc (*kāma bhogī*) như trong kinh **AN 10:91**.] (355)

151 [*‘Một trạng thái thiện lành’*: là chỉ ‘sự thành tựu về đức-hạnh (giới hạnh)’, hoặc chỉ là ‘một trạng thái thiện lành thông thường của tâm’; *‘sự khác-biệt siêu nhân về sự-biết và sự-thấy’*: là chỉ những sự chứng-đắc các tầng thiền định sắc giới, các tầng thiền vô sắc giới, những trí-biết trực tiếp, thánh đạo và thánh quả. Coi thêm chú thích thứ nhất số 325 trong kinh **SN 41:09** ở trên.] (356)

152 [*“Ba loại sự phai-mòn”*: *Tisso sandiṭṭhikā nijjarā*. Chữ “*nijjarā*” (nghĩa: mòn đi, phai mòn đi, vơi đi, phai biến) là một thuật ngữ của giáo phái Jain (Ni-kiền-tử) đã được Đức Phật ứng dụng để nói với ông trưởng thôn này. Những người Ni-kiền-tử cho rằng những tu sĩ tu tập có nghĩa là làm “*mòn đi*” *tất cả sự khổ* (*sabbam dukkham nijjinnaṃ bhavissati*); coi thêm về quan-điểm của họ trong kinh **MN 14**, từ mục 17 và **MN II** 214,7–13 (?), và Đức Phật cũng đã ứng dụng nói về “*sự phai-mòn*” theo một cách khác trong kinh **MN 101**. Ba loại “*sự phai-mòn*” này (*sandiṭṭhikā nijjarā*) cũng được tả trong kinh **AN 3:74** (là: sự giới-hạnh, các tầng thiền định, sự tiêu diệt ô-nhiễm), và 20 “*sự phai-mòn*” (*nijjarā*) cũng được nói trong kinh **MN 101**, từ mục 23.

- **Spk** nói: một con đường đạo được miêu tả như 03 sự phai-mòn vì do có sự phai-mòn đi của 03 loại ô-nhiễm (tham, sân, si).] (357)

153 [Nguyên văn câu này: *Samaṇo Gotamo māyaṃ jānāti*. Trong kinh **MN 56**, mục 8, 21, những người Ni-kiền-tử (đạo Jain) có nói rằng: “*Sa-môn Cồ-đàm là một nhà huyền thuật (māyāvi), là người biết bùa thuật chuyển đạo (āvaṭṭaniṃ māyaṃ jānāti)* nhờ đó ông ta chuyển đạo (cải đạo) những đệ tử của những đạo sư giáo phái khác.” Lời buộc tội này cũng được đưa ra để thảo luận ở đầu kinh **AN 4:193**.] (358)

154 [Nguyên văn câu này: *Samaṇo Gotamo māyaṃ jānāti*.] (359)

155 [Nguyên văn cụm chữ này: *lambacūlakā bhata*. **Spk** đã không giúp gì, nhưng tiến sĩ Rhys Davids (của PTS) đã dịch đoạn này trong quyển *Ấn Độ Phật Giáo (Buddhist India)*, trang 21, như vậy: “Chính quyền trung ương của nước Koliya (Câu-lợi) có dùng một cơ quan (ban) đặc biệt gồm những *peon* (dạng như những giám sát, cảnh sát, hay “cai” làm thuê) được phân biệt bởi một loại đồng phục là kiểu tóc búi đặc biệt, chính do kiểu tóc đó mà họ có tên gọi như vậy. Những người đặc vụ này nổi tiếng xấu là tống tiền và bạo lực.”] (360)

156 [Coi kinh **SN 24:05** (Quyển 3); chú thích 254 của nó.] (361)

157 [Coi kinh **SN 24:06** (Quyển 3); chú thích 255 của nó.] (362)

158 [**Spk** đưa ra 03 cách diễn dịch luân phiên cho chữ *dhamma-samādhī* (sự định-tâm của Giáo Pháp) và chữ *citta-samādhī* (sự định-tâm của tâm) như vậy: **(i)** sự định-tâm của Giáo Pháp (*dhamma-samādhī*) là *dhamma* (giáo pháp) của 10 đường nghiệp thiện; còn sự định-tâm của tâm (*citta-samādhī*) chính là 04 thánh đạo đi kèm sự minh-sát; **(ii)** 05 *dhammā* [năm pháp, năm trạng thái]—đó là: sự hoan-hỷ, sự khoan-khoái, sự tĩnh-lặng, sự hạnh-phúc, và sự định-tâm (trong thiền định)—được gọi là sự định-tâm của Giáo Pháp (*dhamma-samādhī*); còn sự định-tâm của tâm (*citta-samādhī*) vẫn là 04 thánh đạo đi kèm với sự minh-sát; **(iii)** sự định-tâm của Giáo Pháp (*dhamma-samādhī*) chính là 10 đường nghiệp thiện và 04 sự an trú cõi trời (04 phạm trú); còn sự nhất-điểm của tâm đã khởi sinh đối với người tu đã hoàn thiện sự

định-tâm của Giáo Pháp (dhamma-samādhī) chính là sự định-tâm của tâm (citta-samādhī).] (363)

159 Nguyên văn cụm chữ chỗ này: *apaṇṇakatāya mayham*. **Spk** giải nghĩa cụm chữ này là: “*Sự thực hành này dẫn tới chỗ là sự (tình trạng) bất khả chuyển đổi đối với tôi, dẫn tới sự (trạng thái) không-có sự sai-trái (anaparā dhakatāya).*” (Nghĩa là, người đệ tử thánh thiện thực hành sự *giới-hạnh* như vậy là luôn nắm chắc phần thắng (an toàn, lành) cho dù những quan-điểm của các ông thầy đó là đúng hay sai). Trong **Ps** III 116,21 chữ *apaṇṇaka* được giải nghĩa là = *aviruddho advejjhagāmi ekaṃsagāhiko* (không bị mâu thuẫn, rõ ràng là vậy, nhất định là vậy).] (364)

160 [Nguyên văn là chữ *kaṭaggaha*, có nghĩa là “*cú ném xúc xắc*”. Hàm nghĩa của cụm chữ này là ném con xúc xắc được cú may mắn, được giải nghĩa là = *jayaggaha* (*cú ném thắng, cú ném đã thắng*). Chữ phản nghĩa của chữ này là *kaliggaha* (*cú ném đen, cú ném thua, cú ném đã thua*). Sự lập luận của lời kinh đây làm gợi nhớ tới sự lập luận tương tự được ghi trong kinh **MN 60**, mục 12, 20 và **MN 129**, mục 49 [cũng gồm ví dụ về sự ném xúc xắc] và trong kinh **AN 6:46**, đoạn thi kệ thứ sáu tính từ cuối lên, I 192–93.] (365)

161 [Trong kinh **AN 1:236** ni được tuyên bố là Tỳ kheo ni đệ nhất về đại-trì (*etadaggaṃ mahā-paṇṇānam*), và trong kinh **SN 17:24** ni được mô tả là một mẫu-mực cho các Tỳ kheo ni noi theo. Về chi tiết tiểu sử, coi thêm quyển “*Những Nữ Đại Đệ Tử của Đức Phật*” của Hecker; quyển “*Những Đại Đệ Tử của Đức Phật*” của Nyanaponika và Hecker, trang 266-276. Coi thêm quyển “*Luận giảng về Trưởng Lão Ni Kệ*” của Pruitt, trang 164-174.] (373)

162 [Lời kinh về những câu hỏi mang tính suy đoán này giống trong các kinh **SN 16:12** (Quyển 2), **24:15–18**, **33:1–55** (Quyển 3).] (374)

163 [Những câu trả lời ở đây cũng giống y những câu trả lời của Phật nói cho du sĩ Vacchagotta trong kinh **MN 72**.] (375)

164 [**Spk** chú giải: “*Sắc-thân mà người ta dùng nó để mô tả Như Lai*” [= mô tả Như Lai qua sắc-thân] được coi như một chúng-sinh (*sattasāṅkhātam tathāgatam*)—như cao hay thấp, tối hay sáng ... vân vân—đã được dẹp bỏ bởi Như Lai toàn trí thông qua sự dẹp bỏ nguồn-gốc của nó. Như Lai “được

giải-thoát khỏi sự suy tính về mặt (theo cơ sở, theo những điều khoản) sắc-thân” (*rūpasanṅkhāya vimutto*), nghĩa là, bởi vì đối với Như Lai sẽ không còn khởi sinh sắc-thân trong tương lai; ngay cả câu “Bậc ấy sẽ là như vậy và như vậy”, dựa theo sắc-thân và những phẩm-chất của tâm, cũng mất giá trị hiệu lực của nó; như vậy Như Lai được giải-thoát khỏi cả sự mô tả theo cách dùng sắc-thân. Bậc ấy là thâm sâu (*gambhīra*) thông qua độ sâu của sự ngã hướng của bậc ấy (*ajjhāsayagambhīratā*) và thông qua độ sâu của những phẩm-hạnh của bậc ấy (*guṇagambhīratā*). Đối với sự mô tả có thể được dùng để tả Như Lai toàn trí bằng những phẩm-hạnh thâm sâu như vậy, tức coi Như Lai như một chúng-sinh, khi một người nhìn thấy sự không tồn tại [không giá trị hiệu lực] của sự mô tả này [Spk-pt: mô tả về một chúng-sinh] bởi sự không tồn tại [Spk-pt: của năm uẩn], thì cái câu “Như Lai—được coi là một chúng-sinh—sẽ hiện hữu sau khi chết” sẽ không trúng, không thể áp dụng, tức là nó không có giá trị hiệu lực gì.] (376)

165 [Be và Ee ghi động từ cuối là *virodhayissati*, Se ghi là *viḥayissati*. Spk giải nghĩa là: *na viruddham padam* [Se: *viruddhasaddam*] *bhavissati* (sẽ không có chữ/khoản mâu thuẫn nhau”. Spk giải nghĩa chữ *aggapadasmim* đơn thuần có nghĩa là “trong giáo lý” (*desanāya*). Chữ *aggapadasmim* cũng thấy có trong kinh AN 11:07, đoạn cuối, được luận giảng Mp giải nghĩa là *nibbāne*.] (377)

166 [Tôi dịch cụm chữ *ñāyaṃ dhammaṃ* dựa theo sự chú giải của Spk về thuật ngữ *ariyamaggadhammaṃ*. Bài kinh này là cơ sở cho một “tình huống khó xử” trong Mil 242–43, mời đọc lại kinh đó để thấy.] (24)

167 [Lời bài kinh này cũng giống kinh AN 5:193, chỉ khác là trong AN thì không có đoạn (III) cuối nói về ‘bảy chi giác-ngộ’. Coi thêm Ja No. 185 (II 99–101).] (112)

168 [Spk áp dụng 03 cách thoát-khỏi (*nissaraṇa*) đối với từng mỗi *churóng-ngại*: [1] bằng cách không-chế (*vikkham-bhananis-saraṇa*) thông qua trạng thái các tầng thiền định (*jhāna*); [2] đặc biệt, bằng cách quán-xét riêng từng trường hợp (*tadaṅganis-saraṇa*) thông qua sự thiền quán minh-sát; và [3] bằng cách tẩy-sạch (*samucchadanis-saraṇa*) thông qua các chặng thánh-đạo siêu-thể (tức từ thánh-đạo Nhập-lưu ... thánh đạo A-la-hán).

- Như vậy: **(1)** Chương ngại **Tham-dục** được không-chế bởi trạng thái tăng thiền định thứ-nhất dựa vào quán xét bản chất không hấp-dẫn (*asubha*) của thân; và tham-dục được tẩy-sạch bởi chặng thánh-đạo A-la-hán [bởi vì chữ *tham-dục* (*kāmacchanda*) ở đây được diễn dịch đủ rộng là bao hàm tất cả mọi sự tham đối với bất kỳ đối-tượng nào, chứ không chỉ riêng tham-muốn khoái-lạc giác quan (dục lạc), tức nhục-dục.]. **(2)** Chương ngại **sự ác-ý** được không-chế bởi tăng thiền định thứ-nhất dựa vào quán xét tâm-từ; và được tẩy-sạch bởi chặng thánh-đạo Bất Lai. **(3)** Chương ngại **sự đờ-đẫn và buồn-ngủ** được không-chế bởi nhận-thức về ánh sáng [ví dụ: sự nhận thức hay quán tưởng về một loại ánh sáng, một hào quang, như vàng tròn sáng của mặt trời hay của trăng rằm...]; và được tẩy-sạch bởi chặng thánh-đạo A-la-hán. **(4)** Chương ngại **sự bất-an và hối-tiết** được không-chế bởi yếu tố tĩnh-lặng; riêng **sự hối-tiết** (hối quá) được tẩy-sạch bởi chặng thánh đạo Bất-lai và **sự bất-an** (trạo cử) được loại bỏ hoàn toàn ở chặng thánh-đạo A-la-hán. **(5)** Chương ngại **sự nghi-ngờ** được không-chế bởi sự phân-biệt được và định-nghĩa được những hiện-tượng và những trạng-thái, tức là sau khi đã tìm hiểu và phân biệt được các trạng thái (*dhammavavatthāna*, trạch-pháp) thì sẽ hết nghi-ngờ [coi thêm **Vism 587–89; Ppn 18:3–8**]; và nó được tẩy-sạch bởi chặng thánh đạo Nhập-lưu.] (113)

- (Mời coi lại thêm chú thích số 1192 của luận giảng **Mp** trong kinh **AN 5:193**, ở đầu đoạn (I), (1).)

169 [Hoàng tử Abhaya là con trai của Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), không phải là thái tử hay hoàng tử kế ngôi.] (114)

170 [Coi lại chú thích 92 ở kinh **SN 22:60** (Quyển 3).] (115)

171 [Chú giải cho rằng, như hiệu quả, hoàng tử đã chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.] (116)

172 [Phần đối thoại này cũng có ghi trong kinh **MN 43**, mục 21. Mặc dù 05 căn thường được nhận dạng là 05 cơ-quan cảm nhận của thân (05 giác-quan), nhưng 05 căn được nói ở đây có lẽ là tương ứng với 05 loại thức cảm-nhận, bởi vì các căn cảm nhận của thân thì không thể được nói là chúng trải nghiệm (*paccanubhoti*) một khu-vực khách quan (*visaya*) hay một trú xứ

(*gocara*). Chức năng của chúng chỉ là phương-tiện thông qua nó thức nhận biết những đối-tượng.] (225)

173 [Nguyên văn câu này: *Manopaṭisaraṇaṃ mano ca nesam gocaravisayaṃ paccanubhoti*. **Spk** chú giải: căn tâm (*mano*) ở đây là cửa-tâm *javana*, nó trải nghiệm đối tượng theo cách của tham, sân, si. Theo ý kiến riêng của tôi [TKBD], ở đây không cần thiết phải đưa vào góc nhìn về mặt đức hạnh (tham, sân, si) làm gì cả. Tôi diễn dịch câu này một cách đơn giản là: *thức-tâm tiếp cận dữ liệu được cung cấp bởi năm loại thức cảm-nhận kia, rồi nó đối chiếu, phân loại, và diễn dịch dựa theo kho dữ liệu của mình* [kho dữ liệu gồm có đồng khái niệm quan niệm đã chấp giữ từ lâu trước giờ].] (226)

174 [**Spk** diễn dịch: sự chánh-niệm là đạo, sự giải-thoát là quả.] (227)

175 [Coi lại đoạn này ở kinh **SN 23:01** (Quyển 3) và chú thích 243 của nó. Chữ *ajjhaparam* ghi trong **Ee** nên được sửa lại. **Be** ghi là *accayāsi*, **Se** ghi là *accasarā*; 02 chữ này đều chấp nhận được.] (228)

176 [Câu cuối là một cách tuyên bố thông thường về một người đã chứng thánh quả Bất-lai. Tuy nhiên, lạ thay, **Spk** lại chú giải rằng: câu này nói như vậy để chỉ rằng ông ta đứng ở vị trí một bậc “*Bất-lai thiền định (jhana)*”, có nghĩa rằng, ông ta là bậc thánh Nhập-lưu đã loại bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử) nhờ chứng đắc tầng thiền định thứ nhất. Nếu ông ta chết mà không bị rút ra khỏi trạng thái tầng thiền định (*jhāna*) thì ông ta sẽ được tái sinh trong một cõi trời trong-sạch (trong 05 cõi Tịnh cư thiên của những bậc Bất-lai) và từ ở đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn. Còn nếu (lúc chết) ông ta mất (khi không ở trong) trạng thái tầng thiền định, thì nơi-đến của ông ta là không xác định được. Tuy nhiên, do ông đã không mất trạng thái thiền định đó, nên nơi-đến của ông ta đã được định xong; vì vậy nên Phật mới nói câu như vậy để chỉ ông ta đã là một bậc “*Bất-lai tầng thiền định*”.] (229)

177 [Trong kinh **SN 48:42** cũng có một bà-la-môn tên này, nhưng không chắc đó là cùng một người hay hai.] (265)

178 [Tất cả 03 phiên bản đều ghi chỗ này là *santakaṃ hoti no asantakaṃ*. Tuy nhiên, đây chính xác là câu chữ chúng ta tìm thấy ở cuối bài kinh, khi bà-la-môn đã được thuyết phục bởi luận cứ của thầy Ānanda. **Spk** không giúp gì

chỗ này, nhưng học giả Woodward đã nhận ra cách ghi cần có được thấy ghi trong SS là: *anantakaṃ hoti no santakaṃ* (Nó là không có chỗ kết cuộc [tức chỉ sự mãi mãi không-tiến; sự chẳng đi tới đâu], không phải có chỗ kết cuộc). Chữ *santaka* là = *sa* + *antaka*.] (266)

179 [Nguyên chữ Pali vẫn là “*citta*”, nhưng nếu dịch là “*tâm*” ở đây thì không hợp lệ, không hợp thức cho lắm.] (267)

180 [Chỗ này so sánh kinh **AN 4:159**, đoạn (2) và (3), trong đó thầy Ānanda chỉ ra cách *dục-vọng* (ái) được dẹp bỏ dựa vào *dục-vọng* và sự *tự-ta* (ngã mạn) được dẹp bỏ dựa vào sự *tự-ta*.] (268)

181 [Lại nữa, cũng chỗ này tất cả 03 phiên bản đều ghi là *santakaṃ hoti no asantakaṃ*. Và nói lại, cách ghi đúng và cần có nhất đã bị giấu trong SS, là: *santakaṃ hoti no anantakaṃ*, (như đã nói trong chú thích 266 gần trên).] (269)

182 [“*An trú sau khi đã dẹp-bỏ năm chướng-ngại*” (*te ime pañca nivarane pahāya vīharanti*). Mọi học-nhân (từ Nhập-lưu trở lên) đều đã hoàn toàn dẹp bỏ chướng ngại là sự *nghi-ngờ*; bậc Bất-lai thì tốt hơn, đã loại bỏ chướng ngại là sự *ác-ý* (sân) và sự *hối-tiếc* (trạo cử). Còn đối với những chướng-ngại còn lại, những bậc học-nhân chỉ mới *tạm thời* dẹp bỏ chúng những khi họ đang ở (lâm thời) trong trạng thái tầng thiền-định (*jhana*) và thiền-quán (minh sát) mà thôi. Về nghĩa “*tạm thời*” này và về 05 loại sự *tách-ly*: mời coi lại chú thích số 7 ở đoạn thứ ba của kinh **45:02** ở đầu quyển này. Tuyệt đối từ *pahāya* ở đây nên được hiểu theo ánh sáng của những sự phẩm-định này.] (314)

183 [Nguyên văn: *Tesaṃ pañca nivarāṇā pahīnā ucchinnamūlā tālāvatthukatā anabhāvakatā āyatim anuppādadhammā*. Mẫu câu diễn tả này thường được Phật nói để nhấn mạnh cái sự *đã dẹp-bỏ rốt ráo* [hoàn toàn, sạch sẽ, và cuối cùng] đối với một hay những ô-nhiễm hay tâm bất-thiện (ở đây là đối với *năm chướng-ngại*).] (315)

184 [Sáu loại nhận-thức này cũng có ghi trong các kinh khác là **SN 46:71—76**. Như là một nhóm, sáu điều này góp phần tạo nên *trí-biết đích thực* (chân trí,

minh) (*cha vijjābhāgiyā dhammā*), cũng như sáu sự nhận-thức được nói trong kinh **AN 6:35** là thuộc trí-biết đích thực.] (324)

185 [Mặc dù trong kinh khác chữ *thapati* có nghĩa là “thợ mộc”, nhưng từ nội dung bài kinh này cho thấy công việc của hai người này là quan thị vệ của hoàng cung. Trong tiếng Phạn, chữ *sthāpatya* thường có nghĩa là những người canh gác các khuê phòng của các cung phi, mỹ nữ. Hai người này cũng được nhắc đến là hai người phụng sự cho Vua Pasenadi trong kinh **MN 89**, mục 18. Theo **Spk**, lúc này Isidatta đã là bậc thánh Nhất-lai, Purāṇa là bậc Nhập-lưu vẫn đang sống với vợ [tức không độc thân]. Trong kinh **AN 6:44** có nói, sau khi họ chết, Phật đã tuyên bố cả hai đều là bậc thánh Nhất-lai tái sinh vào cõi trời Tusita (Đâu-suất); trong đó lại nói, lúc chết thì Purāṇa là độc thân, còn Isidatta lại đang có vợ.] (326)

186 [Thông thường, như các kinh kể trên, thì công thức “bốn-điều” dẫn tới thánh quả Nhập-lưu là gồm 03 *niềm-tin* (vào Tam Bảo) cộng với *giới-hạnh* mà những bậc thánh quý trọng. Nhưng ở đây, phần (4) *giới-hạnh* đã được thay bằng *sự rộng lòng bố-thí*. Nhưng sự thay đổi chỗ này đã được luận giải trong **Vism 223–24 (Ppn 7:107–14)**.] (327)

187 [Cụm chữ “có thể ứng dụng được cho mỗi người” (*attūpanāyikaṃ dhammapariyāyaṃ*). **Spk-pt** giải nghĩa là: *Đã liên quan tới mình, thì có thể ứng dụng cho người khác* (*attani netvā parasmim upanetabbam*), tức là: đặt người là mình, đặt mình là người. Bởi vì thường có câu: “Cái gì khó chịu và khó ưa đối với mình thì khó chịu và khó ưa đối với người khác” (tức: điều gì mình không thích đừng bắt người khác chịu vậy.)

- Tiếp theo là Phật nói về 07 đường đầu tiên trong “10 đường nghiệp thiện”, mỗi đường được tu tập theo 03 cách: (i) *bằng cách tự mình tuân thủ*, (ii) *bằng cách khuyến khích người khác tuân thủ*, và (iii) *nói lời đề cao những đường nghiệp thiện đó*.] (328)

188 [Trong **Ee** ghi là “*ti koṭīparisuddho*”, nên sửa lại là “*tikoṭīparisuddho*, tức không có khoảng trống giữa các chữ. “*Bằng ba cách*”, tức theo 03 phương-diện mới trong chú thích kể trên: (i) *tự mình kiêng cử sát sinh*, (ii) *khuyến khích chỉ dạy người khác kiêng cử*, và (iii) *nói lời đề cao khen ngợi việc kiêng cử sát sinh*.] (329)

189 [Chữ gốc: *sambādhabyūhaṃ*. Sự chú giải của **Spk** cho thấy chữ *byūhā* là những đường lộ chính. Chúng được cho là “*chen chú*” (*sambādhā*) cho thấy những cảnh sống đông đúc của thành phố.] (336)

190 [Về chữ “*đáng kính trọng*” (*manobhāvanīya*), mời coi lại chú thích số 2 trong kinh **22:01** (Quyển 3).

- Về chữ “*đi tán lạc*” ở đây, trước hết là **Ee** ghi chữ *bhante na*, nó nên được đổi trong tất cả mọi chỗ thành *bhantena*, như một quá khứ phân từ công cụ của chữ *bhamati*. **Spk** giải nghĩa chữ này là: “*lang thang đây đó, đi qua lại một cách xóc nổi tứ tung*” (*ito c’ ito ca paribbhamantena uddhatacārīnā*).] (337)

191 [Lúc này Mahānāma ít nhất cũng đã là bậc Nhập-lưu, thậm chí có thể đã là bậc Nhất-lai; do vậy vị ấy đã chắc chắn được tái sinh phúc lành, và do vậy không có lý do để sợ chết.] (338)

192 [“*Đi hướng thượng, đi tới sự khác-biệt*” (*tam uddhaṅgāmi hoti visesagāmi*). Đoạn này chỉ ra tâm (*citta*) là “cái chính” (như chủ thể) của sự liên-tục cá thể còn tiếp tục sau cái chết của thân xác và gặt hái những quả của nghiệp. Trong trường hợp một thánh đệ tử thì nó “*đi đến sự khác-biệt*” theo cách của một sự tái-sinh cao hơn và bằng cách tiến hóa theo hướng tới Niết-bàn. Ví dụ bên dưới về hủ bọt hủ dầu cũng có trong kinh **42:06** (Quyển 4), mặc dù trong kinh đó nó được dùng để nói ý nghĩa giáo lý khác.] (339)

193 [**Spk** diễn dịch câu này có nghĩa: ông Đại Danh đã nghĩ: “Tăng Đoàn các Tỷ kheo thì có thể nói điều mình không biết, vì họ còn thiếu sự toàn-trí (của một vị Phật), nhưng trong Vị Thầy thì không thiếu sự toàn-trí”. Còn chữ “*vấn đề liên quan đến Giáo Pháp*” (*kocideva dhammasamuppādo*) thì được **Spk** giải nghĩa là: *kiñcideva kāraṇam*. Trong kinh **SN 22:07** (Quyển 3) thì cũng chữ ghép này *dhamma-samuppāda* nhưng mang nghĩa khác, được diễn dịch là “*một đồng/mớ những trạng thái của tâm*”.] (340)

194 [Ở đây chỉ **Ee** ghi đúng chữ *evamvādiṃ* cần được ghi. **Be** và **Se** thì ghi là *evamvādi*. Coi thêm chú thích 205 (Quyển 2).] (341)

195 [Mặc dù sự tranh chấp nhau của hai người vẫn chưa được Phật phân giải, nhưng câu trả lời đã nằm ngay chỗ lời tuyên bố của Mahānāma về niềm-tin của ông ấy. Bằng cách thể hiện mạnh mẽ niềm-tin của ông vào Đức Phật, Mahānāma đã hàm ý xác nhận tư-cách của mình đã là một thánh đệ-tử, và do vậy quan điểm “bốn-điều” của ông ta chắc chắn là đúng (vì bậc thánh đã tự mình biết rõ điều đó, chứ không chỉ nghe Phật nói). **Spk-pt** nói thêm: một người thực sự có-được *một trong bốn điều này* đã là một bậc Nhập-lưu, nhưng họ vẫn luôn nói theo dạng công thức “có-được bốn điều” như vậy; (chẳng hạn khi đã tin Phật thì sẽ tin theo những điều Phật đã tin và nói như Giáo Pháp, Tăng Đoàn, và những giới-hạnh).] (342)

196 [Tôi ghi lại tên Sarakāni như trong **Se**. Phiên bản **Be** và **Ee** thì ghi tên là Saraṇāni.] (343)

197 [Nguyên văn câu này: *Sikkhādubbalyaṃ āpādi majjapānaṃ apāyi*. Đây là sự vi phạm giới thứ năm của *Năm Giới* (không uống rượu). Những người hỏi Thích-ca này nghĩ rằng nếu ông Sarakāni đã vi phạm một giới thì ông đã thiếu mất yếu-tố thứ tư của ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ và do vậy ông ta không thể là một bậc Nhập-lưu (lấy đâu là bậc thánh cao hơn).] (344)

198 [Đây là tả thực một A-la-hán, người đã thực thụ thoát khỏi tất cả sự tái-sinh; còn câu cuối “*thoát khỏi địa ngục ... cõi dưới*” chỉ được nói ra như một “sợi chỉ” để khâu kết các phần của bài kinh với nhau. Về chữ “*trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành*” mời coi lại chú thích số 148 ở Quyển 1.] (345)

199 [Đây là *người tu trì theo Giáo Pháp (dhammānusārī)* hay được gọi là *người căn-trí*; còn đoạn kể sau là nói về *người tu trì theo niềm-tin (saddhānusārī)*, thường được gọi là người căn tín. Sự mô tả về 02 loại người này là trùng khớp với các định nghĩa trong kinh **MN 70**, mục 20-21. Theo kinh **SN 25:01**, 02 loại người này đã đạt tới cảnh giới của những bậc thánh nhân nhưng vẫn chưa chứng đắc thánh quả Nhập-lưu; họ khuynh hướng tới sự chứng đắc thánh quả đó trước khi chết. Coi lại chú thích 268 nói chi tiết về 02 loại người này trong kinh đó.

- ► Nên lưu ý rằng, trong lúc họ có *niềm-tin* [là một trong năm căn tâm linh] nhưng họ chưa có-được loại “*niềm-tin xác thực*” (*aveccappasāda*) vào Tam Bảo. Và, mặc dù lời kinh nói rằng họ “*không đi xuống địa ngục*” (*agantā*

nirayaṃ) ... nhưng cũng không thể nói họ đã “thoát khỏi địa ngục” (*parimutto nirayā*) ... bởi vì sự giải-thoát thực sự khỏi những nơi-đến xấu dữ chỉ có được khi đã chứng đắc thánh-quả.] (346)

200 [**Spk** nói rằng: vào lúc chết Sarakāni đã là một người hoàn thành 03 phần tu-tập [giới, định, tuệ]. Điều này hàm nghĩa rằng, mặc dù trước kia ông ta có uống rượu, nhưng trước khi chết ông ấy đã tuyệt đối giữ nghiêm các giới-hạnh, và nhờ đó ông đã chứng đắc thánh quả Nhập-lưu.] (347)

201 [Nguyên văn câu cuối: *Sikkhāya aparipūrakāṇi ahoṣi*. Lờn đoạn đầu này có khác một chút so với kinh kể trên, nhưng về ý nói thì coi như giống nhau.] (348)

202 [Câu này giống câu trong kinh **SN 48:50**, ngay đoạn đầu. Ở đây, cụm chữ “*ekantagato abhīppasanno*” thực ra như đồng nghĩa với “*aveccappasādena samannāgato*”.] (349)

203 [Về cách diễn đạt và lặp lại 05 loại thánh Bất-lai, coi lại chú thích chi tiết trong kinh **SN 46:03**, chú thích số đuôi (65).] (350)

204 [Trong kinh **MN 117**, mục 34, có ghi rõ rằng bậc học-nhân đang tu tập thì có 8 yếu-tố (08 chi thánh đạo), còn bậc A-la-hán thì có 10 yếu-tố (10 chi). Nhưng ở đây, lạ thay, 02 yếu tố cuối cùng, *sự hiểu-biết đúng đắn* (chánh tri, *sammāñāṇa*) và *sự giải-thoát đúng đắn* (chánh giải-thoát, *sammāvīmutti*), vốn được cho là chỉ có ở bậc A-la-hán, lại được gán cho một bậc Nhập-lưu như gia chủ Cấp Cô Độc. Câu cuối của bài kệ cuối kinh đã xác nhận lại rõ rằng đây không phải là lỗi biên tập hay sự phóng đại của những vị kết tập kinh điển ngày xưa. Một ví dụ khác về những sự bất-thường kiểu như vậy cũng có trong kinh **SN 47:13** [coi chú thích 160 của nó] trong đó 02 yếu-tố của bậc A-la-hán—đó là ‘*sự giải-thoát*’, và ‘*trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát*’—lại được gán cho một bậc học-nhân lúc đó là thầy Ānanda.] (351)

205 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *samparāyikaṃ maraṇabhayaṃ*. **Spk** giải nghĩa cụm chữ đó là: *samparāyahetukaṃ maraṇabhayaṃ* (sự sợ chết gây ra bởi [do nghĩ tới] kiếp sau), (tức nghĩ tới kiếp sau là những cõi đầy đọa khủng khiếp nên thấy sợ hãi).] (352)

206 [Lời kinh chỗ này giống kinh **48:18** (Quyển 5 này).] (358)

207 [Lời kinh chỗ này giống hết kinh **35:97** (Quyển 3), và tiếp theo là đoạn nói về người sống một cách chuyên-chú. (Về *những hiện-tượng (các pháp) không thể hiện*: mời coi lại chú thích ngay chỗ này ở cuối đoạn (1) của kinh **35:97** đó.)] (359)

208 [**Spk**: *Dhammadinna* là một trong 07 người tại gia từng có đoàn tháp tùng gồm 500 người vào thời Đức Phật còn sống; những người khác cũng có như vậy là vị đệ tử tại gia *Visākha*, gia chủ *Ugga*, gia chủ *Citta*, *Hatthaka*, *Ālavaka*, *Tiểu Cấp Cô Độc* (đại thí chủ Cấp Cô Độc?) và *Đại Cấp Cô Độc* (đại thí chủ Cấp Cô Độc?).] (365)

209 [So sánh với những tính-từ này ở đầu kinh **SN 20:07** (Quyển 2).

- Thật là bất thường khi Đức Phật đã đưa ra chỉ thị như vậy cho những gia chủ, but **Spk** đã đưa ra chú-giải kỳ lạ, như tôi sẽ dẫn ra dưới đây. Trong kinh này, nói với *Dhammadinna*, Phật đã luôn dùng chữ ở dạng số nhiều hàm nghĩa những lời nói của Phật là nói cho cả đoàn chứ không riêng ông ấy.

- Phần chú-giải lạ kỳ của **Spk** là như vậy: “sâu sắc (*gambhira*), giống như *Kinh Salla* (*Salla Sutta*; **Sn III, 08**); sâu sắc về ý nghĩa (*gambhirattha*), giống như *Kinh Sự Cố-Ý* (*Cetanā Sutta*; **SN 12:38–40**, Quyển 2); siêu thế (*lokuttara*), giống như *Kinh Asaokhataṣaṃyutta* (**SN 43**); liên hệ (liên kết, tương ứng) đến tính-không (*suññatāpaṭisaṃyutta*), nghĩa là giảng giải về tính-không của chúng sinh, giống như *Kinh Khajjaniya* (**SN 22:79**, Quyển 3). “*Chính theo cách như vậy các người nên tu tập bản thân*” có nghĩa là: ‘Các người nên tu tập bằng cách hoàn thành sự tu-tập của ví dụ mặt trăng (như kinh **SN 16:03**, Quyển 2), sự tu-tập của sự chuyển-tiếp những xe ngựa (như kinh **MN 24**), sự tu-tập của phẩm chất mâu-ni (*moneyyapaṭipadā*, như kinh **Sn I, 12**), sự tu-tập của [đại] truyền thống thánh thiện (*mahā-ariyavaṃsa*, như kinh **AN 4:28 II 27–29**).’ [Những điều này ám chỉ những bài kinh đề nghị sự tu-hành nghiêm ngặt ...]. Như vậy là ở đây Phật đã giao cho những người tại gia một trách-nhiệm tu-tập khó mà gánh nổi. Vì sao vậy? Bởi vì, thường nghe rằng, họ đã thỉnh cầu Phật khởi xướng mà *không đứng trên vị thế (hoàn cảnh) của mình (na attano bhūmiyaṃ thatvā)*, mà họ đã thỉnh cầu cứ như họ sẽ đảm nhận bất kỳ trách-phận tu-tập nào. Vì vậy nên Vị Thầy đã giao

cho họ một trách-phận tu tập khó mà gánh nổi. Nhưng sau khi họ thỉnh cầu đứng trên vị thế của mình [bằng những lời ‘*khi chúng con được thiết lập trong năm giới ...*’], thì Vị Thầy đã đồng tình bằng cách khởi xướng: ‘*Vì vậy ...*’.”

- Thật khó mà dung hòa với sự chú-giải này với nguyên-tắc của Phật là Phật luôn luôn điều chỉnh sự chỉ-dạy của mình cho phù hợp với những trí năng và cấp bậc của những người-nghe (chứ Phật đâu nói những giáo lý rất thâm sâu cho những người tại gia bình thường, hoặc nói những giáo lý sơ học cho những Tỷ kheo đại trí).

- **Spk** cũng có chú giải những tính-từ này trong kinh **SN 20:07** nói trên (với sự mô tả bằng những bài kinh khác!). Mời coi lại chú thích số 368 ở chỗ đó.] (366)

210 [“*Đệ tử tại gia hiện trí*” hay “*tru-bà-tắc trí hiện*” là dịch chữ “*sapañño upāsako*”. **Spk**: chữ này ở đây là chỉ bậc Nhập-lưu.] (367)

211 [Về chữ “*ngài*” ở chỗ này: chữ “*Āyasmā*” vốn thường được dùng để xưng hô với các Tỷ kheo, nhưng thỉnh thoảng nó cũng được dùng cho các đệ tử tại gia (như trong trường hợp này). Trong những câu tiếp theo, tôi lại dùng cách xưng hô với người-thứ-hai hay gián tiếp người-thứ-ba, kiểu như: “*quý ngài*” hay “*vị ấy*”, “*ngài ấy*”, như trong câu “*Quý ngài đã xác thực niềm-tin vào Đức Phật ...*”]. (368)

212 [Trong kinh **MN 97**, mục 30-37, thầy Xá-lợi-phất cũng hướng dẫn một bà-la-môn sắp chết qua trình tự những bước quán chiếu giống như vậy, nhưng thầy Xá-lợi-phất thì dừng lại ở bước hướng ông ta tới (sự tái sinh vào) cõi trời Phạm Thiên (Brahmā). Do dừng lại ở bước này nên sau đó thầy Xá-lợi-phất đã bị Phật quở trách, (tức là, đúng thầy ấy nên tiếp tục khởi xướng và hướng tâm của người sắp chết đó tới luôn *sự chấm-dứt danh-tính*, tức Niết-bàn. Coi thêm mấy chú thích kế tiếp kế bên dưới.] (369)

213 [Chữ “*sự chấm-dứt danh-tính*” (*sakkāyanirodha*) tức đồng nghĩa với *Niết-bàn*. Lời khuyên dụ này có mục đích chuyển hướng cái tâm của người sắp chết khỏi sự tái sinh vào cõi trời Phạm-thiên (Brahmā) và hướng nó tới sự chứng ngộ Niết-bàn (vô sinh) luôn.] (370)

214 [‘*Đã được giải thoát trong tâm*’, tôi đọc theo **Be** là *evaṃvīmuttacittassa*, khác với *evaṃvīmucittattassa* trong **Se** [có lẽ sai do ghi chép] và khác với *evaṃvuttassa* trong **Ee**. Nhưng ‘*đã được giải-thoát trong tâm một trăm năm*’ thì tôi đọc theo **Se** là *vassasatavīmuttacittena*, khác với *āsavā vīmuttacittena* được ghi trong **Be** và **Ee**.] (371)

215 [Cụm chữ này tôi đọc theo phiên bản **Se** và **Ee** là *vīmuttiyā vīmuttin ti*, khác với *vīmuttiyā vīmuttan ti* trong **Be**. Cụm chữ *vīmuttiyā vīmuttim* cũng có ghi trong kinh **AN 5:31**, đoạn gần cuối kinh, Đức Phật đã nói với công chúa Sumanā rằng khi 02 người đã chứng đắc quả A-la-hán thì ‘không có sự khác-biệt giữa sự giải-thoát của người này và sự giải-thoát của người khác’. **Spk** chú giải là: Khi so sánh sự giải-thoát này với sự giải-thoát khác thì không có gì khác nhau để chỉ ra. Khi thánh đạo và thánh quả đã được thâm nhập thì không có sự khác-biệt nào giữa người tu là người tại gia hay người xuất gia.

- ► Như vậy lời tuyên thuyết này của Đức Phật có nghĩa rằng: *cũng có người tu tại gia trở thành bậc thánh A-la-hán!* Ngoài một số điển hình về người tại gia đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán *ngay sau khi vừa mới xuất gia* [như Yasa, được ghi trong Luật Tạng **Vin I 17,1-3**], thì đây có lẽ là trường hợp **duy nhất** nói về một người tại gia là A-la-hán được ghi trong toàn bộ *Kinh Tạng*, và trong trường hợp này sự chứng đắc thánh quả A-la-hán xảy ra vào lúc *sắp-chết*. **Mil 264-66** thì đưa ra luận thuyết rằng: một người tại gia chỉ chứng đắc thánh quả A-la-hán trong một trong hai lúc: **(i)** ngay khi mới xuất gia trong ngày đó [trở thành Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni], hoặc **(ii)** khi chết là bát Niết-bàn luôn.] (372)

